

ẤN QUANG ĐẠI SƯ
GIA NGÔN LỤC
PHẦN 5

- *Cư Sĩ: Lý Viên Tịnh kết tập.*
- *Ấn Quang Đại Sư giám định.*
- *Việt dịch: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa*

ÁN QUANG ĐẠI SƯ GIA NGÔN LỤC

PHẦN 5

II. PHÂN ĐỊNH GIỚI HẠN GIỮA THIỀN VÀ TỊNH

* Thiền và Tịnh lý vốn không hai. Nếu luận về Sự Tu thì tướng trạng của hai pháp này khác xa nhau. Thiền nếu chẳng triệt ngộ, triệt chứng sẽ chẳng thể siêu xuất sanh tử. Vì thế, Tổ Quy Sơn nói: “Do chánh nhân đốn ngộ sẽ dần dần thoát trần. Nếu đời đời bất thoái sẽ quyết định có lúc thành Phật”. Ngài còn nói: “Sơ tâm do duyên đốn ngộ tự tánh, nhưng vẫn chưa thể diệt sạch ngay tức khắc tập khí trong bao kiếp từ vô thi. Vì thế phải dạy họ trừ sạch nghiệp thức hiện đang lưu chuyển”.

Ngài Hoàng Biện nói: “Đốn ngộ tự tánh thì sở ngộ giống hệt Chư Phật, nhưng chưa thể trừ sạch ngay được vô thi tập khí, nên phải tốn công đối trị mới hòng thuận tánh khởi dụng. Như người ăn cơm, chẳng thể ăn một miếng liền no ngay được!” Ngài Trường Sa Sầm nói: “Thiền tri thức trong thiên hạ chưa chứng được quả Niết Bàn là vì công đức chẳng bằng chư Thánh vậy!” Vì thế, Ngũ Tổ Giới sanh làm Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh thân sau làm Lỗ Công. Cổ kim tông sư triệt ngộ nhưng chưa triệt chứng phần nhiều đều như vậy. Ấy là do chỉ cậy vào tự lực, chẳng cầu Phật gia bị, hễ Hoặc nghiệp còn mảy may chưa tận sẽ nhất định chẳng thể thoát khỏi sanh tử được!

Về phần Tịnh Độ, hễ đầy đủ ba thứ Tín - Hạnh - Nguyên liền có thể đời nghiệp Vãng Sanh. Một khi đã Vãng Sanh sẽ vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử. Bậc ngộ chúng sẽ mau đạt tới bậc Bồ Xứ, người chưa ngộ cũng sẽ chứng địa vị A Bộ Bạt Trí. Bởi thế, Hoa Tạng hải chúng đều nguyện Vãng Sanh; những bậc tri thức trong Tông, trong Giáo cùng sanh Tịnh Độ. Rõ ràng là do cậy vào Phật lực kiêm thêm cái tâm khẩn thiết nên được cảm ứng đạo giao; do vậy, chóng thành Chánh Giác.

Xét tình thế hiện tại, dừng quan tâm tới các Thiền lục nữa, cứ chuyên tu Tịnh Nghiệp, dùng cái tâm chẳng nhiễm mảy trần để chuyên trì Thánh hiệu vạn đức hồng danh. Niệm ra tiếng hoặc niệm thầm, chẳng tạp, chẳng gián đoạn sao cho niệm khởi từ tâm, tiếng thấu vào tai, từng chữ phân minh, từng câu chẳng loạn. Lâu ngày chảy thán, tự thành một phiền, tự chứng Niệm Phật Tam Muội, tự biết Tây Phương tông phong. Đây là dùng công phu “phản văn tự tánh” (xoay trở lại nghe nơi tự tánh) của Quán Âm để tu tịnh nghiệp “nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối” của Thế Chí, tuy là Tịnh nhưng chính là Thiền, còn gì hay khéo hơn!

* Người tu Thiền Định (chỉ tứ Thiền, bát định) và người tham Thiền chỉ cậy vào tự lực, chẳng cầu Phật gia bị. Vì thế lúc công phu đắc lực, chân vọng chống cự nhau, thường có các thứ cảnh giới huyễn hoặc xuất hiện, huyễn hoặc biến mất! Ví như lúc trời mưa dầm sắp tạnh, mây dày bị xé toạc, chợt thấy ánh mặt trời chỉ trong khoảng khắc, biến hóa bất trắc. Nếu chẳng phải là người thật sự có đạo nhãn sẽ chẳng thể phân biệt biết rõ tất cả những cảnh giới ấy. Nếu tưởng làm đó chính là dấu hiệu

chúng tỏ mình chúng đắc sẽ bị ma dựa phát cuồng, không sao chữa được!

Người niệm Phật dùng lòng tín nguyện chân thành, thiết tha, trì vạn đức hồng danh ví như mặt trời rực rỡ giữa hư không, đi trên đường lớn của vua, chẳng những quý mị vọng lượng biến mất tăm tích, ngay cả những ý niệm ngoắt ngoéo, sai trái cũng chẳng sanh từ đâu được. Suy đến cùng cực, chẳng qua là: Niệm đến mức công thuần, lực tận thì toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tâm - Phật bất nhị, tâm - Phật như một mà thôi! Chỉ sợ con người chẳng biết đến hạnh ấy, lý ấy, nên chẳng thể xứng hợp ý nguyện phổ độ chúng sanh của Phật; chứ phải đâu là bí mật chẳng truyền, chỉ truyền riêng cho mình ông ư? Nếu có những “diệu quyết” khẩu truyền kín đáo thì đấy chính là tà ma ngoại đạo, chứ nào phải là Phật pháp!

*** Hòa Thượng Pháp Tràng sẵn đủ linh căn từ trước, thoát đầu là bậc chân nho, sau thành bậc chân Tăng; có thể nói là chẳng uổng công đọc sách học đạo vậy! Đời có bậc chân nho thì mới có bậc chân tăng. Những hạng vô lại xuất gia thấy đều là ma vương ngoại đạo phá hoại Phật pháp vậy! Ngũ lục của Ngài (Pháp Tràng) thật là thống khoái, thẳng chổng, mở toang tự tâm con người, rất nên khắc in lưu thông để làm pháp bảo nhà Thiên. Thế nhưng, Ngài chỉ phát huy đạo lý “chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật”; chúng ta chuyên tu Tịnh nghiệp, đừng nên so đo, đoán mò lời Ngài đến nỗi đánh mất lợi ích cả hai bên vậy. Chẳng thể chẳng biết điều này.**

Tông gia (Thiền Tông) chỉ đề xướng bốn phận, những thứ khác đều chẳng thềm xiển dương. Việc tu nhân đạt quả, đoạn Hoặc chứng chân của nhà Thiền đều là ngầm tự tu trì. Những kẻ đứng ngoài thấy nhà Thiền chẳng đề xướng những đạo lý tu chứng ấy, bèn cho rằng Tông gia hoàn toàn chẳng dùng đến những pháp đó. Đây là báng Tông, lẫn báng Phật, báng Pháp vậy!

*** Nên biết rằng: trong hết thấy pháp môn Đức Phật đã nói, đều phải đoạn Hoặc chứng Chân thì mới có thể liễu sanh thoát tử, tuyệt đối chẳng có chuyện chưa đoạn sạch Hoặc mà liễu thoát được! Với pháp môn Niệm Phật, nếu người Vãng Sanh đã đoạn Hoặc nghiệp thì sẽ mau chứng Pháp Thân, người tuy còn đủ Hoặc nghiệp mà Vãng Sanh thì cũng đã vượt lên địa vị Thánh nhân. Một đặng hoàn toàn cậy vào tự lực, một đặng hoàn toàn nhờ vào Phật lực kiêm thêm tự lực.**

Điều thứ hai, sự tu trì khó dễ thật là một trời một vực. Thường có kẻ thông minh, đọc sách Thiền qua quít, hiểu chút vị Thiền, bèn toan lấy Thiền làm mạng, học đòi làm bậc cao nhân thông suốt, nhưng toàn là hạng chẳng biết Thiền lẫn Tịnh đến nơi đến chốn, cứ làm tưởng mình là hạng tôn quý, đại căn. Tuyệt đối chớ nên bắt chước theo thứ tri kiến như thế. Bắt chước theo đó, chỉ e trải kiếp số như vi trần vẫn chẳng mong gì được liễu sanh thoát tử cả!

*** “Quyền” nghĩa là Như Lai tùy thuận theo căn cơ của chúng sanh mà đặt bày phương tiện. “Thật” nghĩa là nói đến những nghĩa lý do chính**

tự tâm Đức Phật chứng được. “Đốn” là chẳng cần đến thứ tự, nhanh thẳng, mau lẹ, nhất siêu trực nhập. “Tiệm” nghĩa là tấn tu dần dần theo thứ tự, chứng nhập dần dần, phải trải nhiều kiếp, nhiều đời mới đích thân chứng được Thật Tướng.

Người tham Thiền cho rằng pháp Tham Thiền là pháp “chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật”. Cố nhiên, pháp này thật sự là pháp Đốn, nhưng họ chẳng biết rằng: Tham Thiền dù đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh thì cũng mới chỉ thấy được Đức Phật lý tánh sẵn có ở ngay trong tâm này! Nếu là căn tánh đại Bồ Tát thì vừa ngộ liền chứng, tự có thể mãi mãi thoát khỏi luân hồi, vượt xa tam giới. Từ đây, dùng thượng cầu hạ hóa làm nền tảng để trang nghiêm phước và trí.

Xét ra, trong trăm ngàn người đại triệt đại ngộ chỉ được một hai vị thuộc vào căn tánh này. Còn như những kẻ căn khí hơi kém hơn, dù có thể diệu ngộ nhưng chưa thể đoạn trừ Kiến Tư Hoặc thì vẫn phải thuộc trong tam giới, thọ sanh thọ tử. Đã phải thọ sanh tử thì từ ngộ thành mê là nhiều, từ ngộ trở thành ngộ lại ít. Như vậy, tuy pháp này thực sự là viên đốn, nhưng nếu chẳng phải đúng người thì cũng chẳng thật sự được lợi ích thật nhanh chóng, nên nó cũng trở thành pháp Quyền Tiệm mà thôi. Vì sao vậy? Do cậy vào Tự Lực; nếu Tự Lực mười phần đầy đủ thì họa may sẽ được như thế; còn như chỉ hơi thiếu chút phần, sẽ chỉ ngộ được lý tánh nơi cửa miệng, chẳng thể đích thân chứng được lý tánh. Hiện thời, bậc đại triệt đại ngộ còn khó có được mấy người, huống là người chứng được điều mình đã ngộ!

Một pháp Niệm Phật thông trên suốt dưới, vừa là Quyền vừa là Thật, vừa Tiệm vừa Đốn, chẳng thể dùng giáo lý tầm thường phán định được. Trên đến bậc Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến chúng tánh A Tỳ đều cùng nên tu tập (do đây nói là “thông trên suốt dưới”). Như Lai vì chúng sanh thuyết pháp chỉ nhằm làm cho chúng sanh liễu sanh thoát tử. Trong các pháp môn khác, bậc thượng căn có thể liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, còn hạ căn bao kiếp khó lòng liễu được! Chỉ mỗi mình pháp này, chẳng cần biết là chúng tánh, căn cơ nào, cũng đều có thể Vãng Sanh Tây Phương ngay trong đời này, hễ Vãng Sanh liền liễu sanh thoát tử. Pháp thẳng chóng như thế há có thể gọi là Tiệm ư?

Chỉ do căn cơ được hóa độ bởi pháp này chẳng giống với căn cơ của các pháp viên đốn thông thường nên pháp này tựa hồ là Tiệm, nhưng oai lực của pháp môn này phát xuất từ thế nguyện muốn cho những căn cơ hạ liệt ấy đều mau chóng hưởng được lợi ích lớn của Đức Như Lai. Lợi ích ấy nằm ở chỗ cậy vào Phật từ lực. Phàm những người giảng Thiền nếu chưa nghiên cứu kỹ Tịnh Tông, chưa có ai không coi pháp này là thiểu cận rồi khinh thường. Nếu nghiên cứu kỹ Tịnh tông ắt sẽ cạn kiệt lòng thành, tận hết sức lực hoằng dương, há nào chấp mãi vào những lý luận Quyền - Thật, Tiệm - Đốn để tự mình làm, làm người khác làm nữa ư?

* Nói đến Thủ - Xả (lấy - bỏ) là ước trên Thật Nghĩa rất ráo mà nạn (“nạn” tức là cật vấn, bắt bẻ), chẳng biết rằng: không Thủ không Xả rất ráo chỉ là chuyện sau khi đã thành Phật! Nếu chưa thành Phật, còn đang trong giai đoạn “đoạn Hoặc chứng Chân” thì đều thuộc về Thủ - Xả cả!

Đã chấp nhận chuyện thủ - xả “đoạn Hoặc chứng Chân”, sao lại chẳng chấp nhận chuyện thủ - xả “bỏ Đông lấy Tây, lia câu giữ tịnh”?

Đối với pháp Tham Thiên thì thủ - xả đều là sai, nhưng đối với một pháp Niệm Phật, thủ - xả lại là đúng. Một đấng chuyên suy xét tự tâm, một đấng kiêm nhờ vào Phật lực. Kẻ kia chẳng xét đến duyên do của từng của pháp môn, lầm đem pháp Tham Thiên phá pháp Niệm Phật; vậy là hiểu lầm ý mất rồi!

Vô thủ - xả vốn là đề hồ, nhưng niệm Phật mà cũng muốn không thủ - xả thì không thủ - xả bèn thành thuốc độc! Mùa Hạ dùng Cát Cẩn, mùa Đông khoác áo Cừu, khát uống, đói ăn, chẳng sai trái gì, cũng chẳng thể cố chấp được! Chỉ cốt sao chọn lấy điều thích nghi thì được lợi ích chẳng bị trở ngại gì!

* Cõi “bỏ Đông lấy Tây” là sanh diệt tức là chẳng biết rằng “chấp Đông phế Tây” chính là đoạn diệt! Chưa chứng Diệu Giác, có ai là không lấy - bỏ? Tam kỳ luyện hạnh, trăm kiếp tu nhân, thượng cầu, hạ hóa, đoạn Hoặc chứng Chân, không sự nào chẳng phải là lấy - bỏ đó sao? Phải biết rằng: Đức Như Lai muốn cho hết thấy chúng sanh mau chứng Pháp Thân và Tịch Quang cho nên Ngài mới đặc biệt khuyên trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương.

* Một chuyện Tham Thiên nói dễ dàng sao! Cổ nhân như Ngài Triệu Châu Thâm Thiên Sư, xuất gia từ nhỏ, đến hơn tám mươi tuổi vẫn hành cước, nên mới có bài tụng rằng:

Triệu Châu bát thập do hành cước,

Chỉ vị tâm đầu vị tiểu nhiên.

(Triệu Châu tám chục còn hành cước,

Do bởi cõi lòng chưa lạng không!)

Ngài Trường Khánh ngồi rách bảy cái bồ đoàn rồi mới khai ngộ. Ngài Dũng Tuyền phải nhọc nhằn hết bốn mươi năm. Ngài Tuyết Phong ba lượt lên gặp Ngài Đầu Tử, chín lần lên Động Sơn. Họ là bậc Đại Tổ Sư đại triệt, đại ngộ mà còn phải gian nan đến thế. Lũ ma con kia mới nghe qua ma thuyết đều được khai ngộ ngay, vậy thì những vị Tổ Sư vừa nói trên đây có xách giày cho chúng cũng không đáng sao?

* Những lời “chẳng chấp trước”... về Lý thì đúng, nhưng về Sự thì chẳng phải là điều hạng phàm phu sát đất có thể làm nổi! Suốt ngày mặc áo, ăn cơm, rồi vênh váo mình bất chấp đói lạnh, bảo kẻ suốt ngày bụng rỗng tuếch, chẳng được chén nước, hạt cơm, đói lả gần chết rằng: “Tôi coi gan rồng tủy phượng hết như uế vật, nghĩ đến là muốn ói, hưởng hồ là nuốt xuống!” Toàn là nói suông như nhau thôi!

Nay kẻ tham Thiền nếu chẳng hiểu giáo lý thì cái không giải thoát đó phần nhiều trở thành bệnh cho họ. Còn như không cảnh hiện tiền khi tịnh tọa, lắng ý, thì bất quá là do ý niệm lạng trong, chế ngự được vọng nên ngẫu nhiên huyễn cảnh phát hiện đó thôi! Nếu tưởng làm đây chính là dấu hiệu chứng tỏ mình chứng đắc, bèn sanh lòng mừng rỡ lớn lao thì sẽ mất trí thành cuồng, Phật cũng khó cứu được!

Nếu may mắn suy xét kỹ, chẳng chấp trước, buông bỏ huyễn vọng, chợt quán thông các pháp môn thì đây mới là: đi trong chón gai góc đã

lâu, chợt đến chỗ khoảng khoát. Người đời mặt căn cơ hèn kém, tri thức hiếm hoi, nếu chẳng nhờ vào Phật từ lực chuyên tu Tịnh nghiệp, chỉ cậy vào tự lực tham cứu Thiền Tông thì minh tâm kiến tánh, đoạn Hoặc chứng chân thành công hiếm có mấy ai, còn hạng tướng huyễn là chân, lấy mê làm ngộ, ma dựa phát cuồng thật nhiều lắm! Vì thế, các vị Vĩnh Minh, Liên Trì v.v... quán sát căn cơ đương thời, cực lực chủ trương pháp môn Tịnh Độ.

* Thiền tức là Chân Như Phật Tánh trong bản tâm chúng ta, Tông môn gọi là “bổn lai diện mục trước lúc cha mẹ sanh ra”. Tông môn chẳng nói toạc ra, cốt sao người tham cứu tự hiểu lấy, nên mới nói như vậy. Chứ thật ra nó là cái tâm thể thuần chân, không Năng, không Sở, vừa Tịch vừa Chiếu, ly niệm linh tri (“ly niệm linh tri” là không có ý niệm suy nghĩ gì, nhưng mọi cảnh hiện hữu đều hiểu rõ cả).

Tịnh Độ là Tín Nguyện Trì Danh cầu sanh Tây Phương, chứ chẳng phải chỉ riêng “duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà!” “Có Thiền” là cực lực tham cứu đến mức niệm lặng, tình mất, thấy thấu tột “bổn lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra”, minh tâm kiến tánh. “Có Tịnh Độ” là chân thật phát Bồ Đề tâm, sanh tín, phát nguyện, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương. Nói Thiền và Tịnh Độ chỉ là ước về Giáo, ước theo Lý mà nói.

“Có Thiền, có Tịnh Độ” là ước về căn cơ, ước theo mặt tu hành. Giáo Lý luôn luôn như thế, Phật chẳng thể tăng, phàm chẳng thể

giảm. Ước theo căn cơ để tu hành thì phải y giáo khởi tu, tu hành đến cùng cực để chứng lý, chứ thật sự chẳng có gì khác cả!

Thứ hai là văn tuy tương tự, nhưng thật ra khác biệt rất lớn. Hãy nên hiểu kỹ càng, đừng bộp chộp. Nếu tham Thiền chưa ngộ, hoặc ngộ chưa triệt để, đều chẳng thể gọi là “có Thiền”. Nếu niệm Phật nhưng thiên chấp duy tâm, lại không tín nguyện, hoặc có tín nguyện nhưng chẳng chân thật, thiết tha, mà chỉ hời hợt, hờ hững, thực hành qua quít, hoặc hạnh tuy tinh tấn nhưng tâm luyến cảnh ma, hoặc cầu đời sau sanh vào nhà phú quý hưởng thú vui ngũ dục, hoặc cầu sanh lên trời hưởng phước lạc Trời, hoặc cầu đời sau xuất gia làm tăng nghe một hiểu được cả ngàn, đắc đại tổng trì, hoằng dương đạo pháp phổ lợi chúng sanh, đều chẳng được gọi là “có Tịnh Độ”!

* “Có Thiền, có Tịnh Độ; khác nào cọt mọc sừng, hiện đời làm thầy người, đời sau làm Phật, Tổ” là người triệt ngộ Thiền Tông, minh tâm kiến tánh, lại còn thâm nhập Kinh tạng, biết hết các pháp môn Quyền, Thật của Như Lai, nhưng trong các pháp môn lại chỉ chọn lấy một pháp Tín Nguyện Niệm Phật để tự lợi, lợi người làm chánh hạnh tu tập. Bậc thượng phẩm thượng sanh đọc tụng Kinh Đại Thừa, hiểu Đệ Nhất Nghĩa đã nói trong Quán Kinh chính là hạng người này.

Người ấy có đại trí huệ, có đại biện tài, ma tà ngoại đạo nghe tên vỡ mật, như hổ đội sừng oai mãnh khôn sánh! Có ai đến cầu học bèn tùy cơ thuyết pháp: nên dùng Thiền Tịnh song tu để tiếp độ bèn dùng Thiền Tịnh song tu để tiếp độ; nên dùng chuyên tu Tịnh Độ để tiếp độ bèn

dùng chuyên tu Tịnh Độ để tiếp độ. Bất luận là thượng, trung, hạ căn, không ai chẳng được lợi ích; há chẳng phải là Đạo Sư của Trời người ư?

Đến lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn, Vãng Sanh Thượng Phẩm, trong khoảng khảy ngón tay chúng Vô Sanh Nhẫn, tề nhất cũng chứng được Sơ Trụ. Cũng có người đốn siêu các địa vị, đạt đến Đẳng Giác. Bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo còn có thể hiện thân làm Phật trong trăm cõi, huống là những địa vị sau đó, càng cao càng thù thắng, cho đến địa vị thứ bốn mươi mốt là Đẳng Giác! Vì thế nói là: “Đời sau làm Phật, Tổ!”

* “Không Thiên, có Tịnh Độ; vạn người tu vạn về; nếu được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ” là có người tuy chưa minh tâm kiến tánh, nhưng quyết chí cầu sanh Tây Phương. Do trong kiếp xưa, Phật từng phát đại thệ nguyện nhiếp thọ chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu chúng sanh thật sự có thể như con nhớ mẹ, chí thành niệm Phật sẽ cảm ứng đạo giao, liền được nhiếp thọ. Người tận lực tu Định Huệ cố nhiên được Vãng Sanh, nhưng kẻ ngu nghịch thập ác, lâm chung bị sự khổ bức bách, phát lòng hổ thẹn lớn lao, xưng niệm danh hiệu Phật hoặc tới mười tiếng, hoặc chỉ một tiếng rồi liền lâm chung, cũng đều được Phật hóa thân tiếp dẫn Vãng Sanh. Chẳng phải là “vạn người tu, vạn người về” hay sao?

Kẻ ấy tuy niệm Phật chẳng bao nhiêu, nhưng do cực kỳ mãnh liệt nên đạt được lợi ích lớn lao như thế, chớ nên so sánh nhiều ít với những kẻ niệm Phật hời hợt, qua loa! Đã sanh về Tây Phương, thấy Phật nghe pháp, dù có nhanh chậm bất đồng, nhưng đều đã cao dự dòng Thánh, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, tùy theo căn tánh cạn hay sâu, là

Tiệm hay Đốn mà chứng các quả vị. Đã được chứng quả, cần chi phải nói đến khai ngộ nữa! Vì thế nói: “Nếu được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ!”

* “Có Thiền không Tịnh Độ, mười người chín chân chừ, âm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó”: Người tuy triệt ngộ Thiền Tông, minh tâm kiến tánh, nhưng Kiến Tư phiền hoặc chẳng dễ đoạn trừ, phải qua nhiều duyên rèn luyện để trừ sạch không còn sót gì mới có thể thoát khỏi phần đoạn sanh tử. Với kẻ chẳng đoạn được chút gì thì chẳng cần bàn đến nữa! Dù cho đoạn đến mức còn một mảy phiền não chưa trừ sạch thì vẫn hết như cũ: khó tránh nổi luân hồi lục đạo! Biển sanh tử sâu thăm thẳm, nẻo Bồ Đề xa vời vợi, còn chưa về được nhà đã mạng chung. Trong mười người đại triệt đại ngộ, chín người đã như thế; cho nên nói “mười người chín chân chừ” (thập nhân cửu ta lộ).

Ta là “ta đà”, thông thường nói là “đảm các” (chân chừ). “Âm cảnh” là “trung âm thân cảnh”, tức là các cảnh hiện ra bởi các nghiệp lực thiện ác trong đời này và bao kiếp. Khi cảnh này hiện, trong khoảng chớp mắt sẽ theo nghiệp lực thiện hay ác nào mạnh mẽ nhất đi thọ sanh trong đường thiện hay ác, chẳng mảy may tự chủ được; như người mắc nợ, chủ nợ nào mạnh sẽ lôi đi. Tâm tình lăm mồi, đặt nặng nơi nào sẽ nghiêng về đó. Ngũ Tổ Giới tái sanh làm Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh lại sanh làm Lỗ Công, họ còn là căn cơ bậc thượng đấy nhé! Vì thế nói: “Âm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó!”

Chữ Ẩm có nghĩa là ngăn che, ý nói: do nghiệp lực này ngăn che khiến chân tánh chẳng thể hiển hiện được. Có kẻ cho rằng “ta đà” nghĩa là làm lạc, “ám cảnh” là cảnh hiển hiện bởi ngũ âm ma, toàn là do chẳng hiểu chữ Thiên và chữ Có nên mới nói hồ đồ như thế. Lẽ nào bậc đại triệt đại ngộ mười người hết chín kẻ lạc lối, chạy theo cảnh ngũ âm ma bị ma dựa phát cuồng ư? Phàm những kẻ bị ma dựa phát cuồng toàn là hạng tăng thượng mạn chẳng biết giáo lý, chẳng rõ tự tâm, tu mù luyện quáng đó thôi, sao lại gán cho bậc đại triệt đại ngộ là chẳng biết tốt xấu vậy? Điều này quan hệ rất lớn, chẳng thể không biện định rõ!

* “Không Thiên, không Tịnh Độ; giường sắt và cột đồng, vạn kiếp cùng ngàn đời, không một ai nương dựa”. Có kẻ cho rằng câu “không Thiên, không Tịnh Độ” chỉ kẻ vui đầu tạo nghiệp, chẳng tu thiện pháp, thật làm lẫn quá!

Pháp môn vô lượng, nhưng chỉ có Thiên và Tịnh Độ phù hợp với các căn cơ nhất. Kẻ nào chưa triệt ngộ, lại chẳng cầu Vãng Sanh, hời hợt, qua quít tu các thiện pháp khác. Đã chẳng thể cân bằng Định Huệ, đoạn Hoặc chứng Chân, lại chẳng cậy vào Phật lực để đởi nghiệp Vãng Sanh; do đã tạo ác nghiệp, khó trốn khỏi ác báo. Một khi hơi thở ra chẳng trở vào, liền đọa địa ngục, rõ ràng là trải kiếp dài lâu nằm ngò, ôm áp giường sắt, trụ đồng để đền trả các thứ ác nghiệp: tham lam thanh sắc, sát sanh hại mạng v.v... Chư Phật, Bồ Tát tuy rủ lòng thương xót, nhưng họ bị ác nghiệp chướng ngăn che nên chẳng thể được lợi ích.

Người xưa nói: “Người tu hành nếu không chánh tín, cầu Vãng Sanh Tây Phương, tu lung tung các điều thiện khác thì gọi là oan gia đời thứ ba” chính là nói đến tình cảnh này. Bởi lẽ, do đời này tu hành, đời sau hưởng phước. Cây phước làm ác ắt bị đọa lạc. Tạm vui trong đời này, khổ mãi trong cả kiếp dài lâu. Ví như nghiệp địa ngục tiêu hết, lại chuyển sanh làm súc sanh, muốn lại được thân người, khó vô cùng khó!

Vì thế, Đức Phật dùng tay nhón lấy chút đất, hỏi A Nan: “Đất trong tay ta nhiều hay đất trong đại địa nhiều?” A Nan bạch Phật: “Đất trong đại địa nhiều!” Phật dạy: “Được thân người như đất trong tay ta, mất thân người như đất trong đại địa”. Nói “muôn kiếp và ngàn đời, không một ai nương dựa” là do bị ràng buộc bởi vắn diệu của bài kệ nên chỉ nói thiên cận như thế.

Hết thấy pháp môn chuyên cậy vào tự lực, pháp môn Tịnh Độ chuyên cậy vào Phật lực. Hết thấy các pháp môn phải hết sạch Hoặc nghiệp mới có thể liễu sanh tử. Pháp môn Tịnh Độ đối nghiệp Vãng Sanh liền dựa vào dòng Thánh. Đại Sư Vĩnh Minh sợ thế gian chẳng biết nên soạn riêng bài Liệu Giải này để chỉ dạy cho đời sau, có thể nói là “chiếc bè báu nơi bến mê, là người dẫn lối nơi đường hiểm!” Tiếc là mọi người trong thế gian đọc lướt qua, chẳng chịu nghiên cứu đến cùng tột, chẳng phải là đồng phạm ác nghiệp xui khiến đến nỗi thành như thế chẳng?

* Đạt Ma từ Tây qua, truyền Phật tâm ấn, chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật. Nhưng cái để thấy, để thành ấy chính là thiên chân Phật tánh có sẵn ngay nơi tâm chúng ta, Ngài dạy như thế để con người trước hết biết được cái gốc rồi tự dựa vào đó mà tấn tu hết thảy các pháp tu chứng cho đến khi nào tu được cái không thể tu, chứng được cái không thể chứng mới thôi! Chứ chẳng có nghĩa là vừa ngộ liền đầy đủ cả phước lẫn huệ, viên mãn rốt ráo Phật đạo Bồ Đề! Giống như vẽ rồng điếm nhãn để người nghe tự mình được thọ dụng.

Do vậy, Thiên Tông phát triển rực rỡ, chói ngời nơi Chấn Đán (Trung Hoa), đạo “tâm này chính là Phật”, pháp “phi tâm phi Phật” lan khắp hoàn vũ. Người thiên cơ sâu đối với mỗi cơ, mỗi cảnh liền biết đầu mối, liền phun châu nhả ngọc, chẳng vương lối sáo mòn, vào sông ra chét trọn chẳng ngăn ngại, sợ hãi, được đại giải thoát, đắc đại tự tại. Nếu căn cơ hơi kém hơn, dù đại triệt, đại ngộ, nhưng phiền não tập khí chưa thể trừ sạch thì vẫn là người trong sanh tử y như cũ. Xuất thai cách âm đa phần bị mê. Bậc đại ngộ còn như thế, huống kẻ chưa ngộ ư? Vì thế phải chuyên tâm dốc chí vào pháp môn Tịnh Độ cậy vào Phật từ lực mới là kế sách ngàn phần ổn thỏa, vạn phần thích đáng vậy!

* Trong Luật, Giáo, Thiên Tông, trước hết phải hiểu sâu giáo lý rồi mới y giáo tu hành. Tu hành công sâu, đoạn Hoặc chứng Chân mới thoát khỏi sanh tử. Nếu chẳng hiểu giáo lý, bèn là tu mù luyện quán. Nếu không, được chút ít đã cho là đủ bèn bị ma dựa phát cuồng. Dù cho hiểu giáo lý, công tu hành sâu xa, vẫn phải đoạn Hoặc, nếu còn chút mảy may nào chưa đoạn sạch sẽ vẫn y như cũ, chẳng thể thoát khỏi cảnh khổ

được! Mãi đến khi Hoặc nghiệp hết sạch mới có thể thoát ly sanh tử, nhưng vẫn còn cách địa vị Phật rất xa, phải trải bao kiếp tấn tu mới viên mãn được Phật quả.

Ví như dân hèn sanh ra đã thông minh, đọc sách, học văn nhiều năm khó nhọc, học vấn đã thành, thi đậu làm quan. Do có tài năng lớn, từ chức quan nhỏ được thăng cấp dần đến khi làm Tể Tướng, quan vị cực phẩm nhưng không thể nào lên cao hơn được nữa! Địa vị bậc nhất trong đám quần thần, nhưng so với Thái Tử, sang hèn khác nhau một trời, một vực, hưởng hồ so với hoàng đế? Suốt đời làm bầy tôi, tuân hành lệnh vua, cúc cung tận tụy giúp vua cai trị quốc gia. Nhưng cái địa vị Tể Tướng ấy thật chẳng dễ dàng gì! Cả nửa đời siêng năng, vất vả, ra sức nhằn nại. Cho đến cuối cùng cũng chẳng hơn được thế. Còn kẻ học vấn, tài năng sút kém đôi chút chẳng đạt được như thế thì có đến trăm, ngàn, vạn, ức người! Đây là tự lực.

Học vấn tài năng ví như hiểu sâu giáo lý, y giáo tu hành. Địa vị đến bậc Tể Tướng ví như công tu hành sâu, đoạn Hoặc chứng Chân. “Chỉ có thể xưng là Thần (bầy tôi), chẳng dám xưng là vua” ví như tuy ra khỏi sanh tử, vẫn chưa thành Phật. “Những kẻ học vấn chẳng đủ, chẳng thể đạt được như thế rất nhiều” ví như rất nhiều kẻ chưa đoạn hết Hoặc, chẳng thể thoát khỏi biển khổ sanh tử.

* Trong pháp môn Niệm Phật dù chẳng hiểu giáo lý, chưa đoạn Hoặc nghiệp, chỉ cần tín nguyện trì danh cầu sanh Tịnh Độ, lúc lâm chung, quyết định được Phật đích thân tiếp dẫn Vãng Sanh Tây Phương.

Đã sanh về Tây Phương, gặp Phật nghe pháp, ngộ Vô Sanh Nhân, liền ngay trong một đời ấy, quyết định bỏ vào địa vị Phật. Đây là Phật lực lại kiêm tự lực, nghĩa là: tín nguyện trì danh là tự lực, tự lực ấy có thể cảm được Đức Phật. Do thế nguyện nhiếp thọ, Phật rủ lòng từ tiếp dẫn, đây là Phật lực có thể ứng đến ta. Do cảm ứng đạo giao nên được như thế.

Nếu như hiểu sâu giáo lý, đoạn Hoặc chứng Chân thì phẩm vị Vãng Sanh càng cao, viên thành Phật đạo càng nhanh. Bởi thế, Văn Thù, Phổ Hiền, Hoa Nghiêm hải chúng, Mã Minh, Long Thọ, Tổ Sư các Tông đều nguyện Vãng Sanh. Ví như thác sanh vào hoàng cung, vừa ra khỏi thai mẹ đã quý hiển át cả quần thần. Đây là do thế lực của vua. Chờ đến khi khôn lớn, học vấn tài năng mỗi mỗi đều đầy đủ cả sẽ có thể tiếp nối ngôi báu, bình trị thiên hạ. Hết thầy quần thần phải nghe theo chiếu dụ. Đây chính là vương lực, tự lực cùng có.

Pháp môn Niệm Phật cũng giống như thế: chưa đoạn Hoặc nghiệp, nương Phật từ lực Vãng Sanh Tây Phương liền thoát sanh tử, giống như thái tử mới sanh đã quý hiển át cả quần thần. Khi đã Vãng Sanh, Hoặc nghiệp tự đoạn, quyết định bỏ vào địa vị Phật, giống như thái tử khôn lớn kế thừa ngôi báu, bình trị thiên hạ.

Thêm nữa, bậc đã đoạn Hoặc nghiệp như Mã Minh, Long Thọ, Tổ Sư các tông, bậc đã chứng địa vị Bồ Xứ như Văn Thù, Phổ Hiền, Hoa Nghiêm hải chúng đều nguyện Vãng Sanh, giống như trước kia trấn giữ chôn biên thùy hỏo lánh, chẳng thể nối ngôi, nay sống trong Đông Cung, chẳng bao lâu sẽ lên ngôi báu.

* Tâm tánh chúng ta hệt như Chư Phật, chỉ vì mê trái nên luân hồi chẳng ngơi. Như Lai xót thương tùy cơ thuyết pháp khiến cho hết thảy hàm thức đều biết đường về nhà. Pháp môn tuy nhiều, trọng yếu chỉ có hai môn Thiền và Tịnh là dễ liễu thoát nhất. Thiền chỉ có tự lực, Tịnh kiêm Phật lực.

So sánh hai môn, Tịnh khế cơ nhất, như người vượt biển phải nhờ sức thuyền mới mau đến được bến, thân tâm thuận nhiên. Chúng sanh đời mạt chỉ có thể hành nổi pháp này. Nếu không là trái với căn cơ, nhọc nhằn nhưng khó thành. Phát đại Bồ Đề, sanh tín nguyện chân thành, thiết tha, suốt đời kiên trì, chỉ niệm Đức Phật. Niệm đến cùng cực, tình kiến mất sạch chính là niệm nhưng vô niệm, diệu nghĩa Thiền - Giáo triệt để hiển hiện; đến khi lâm chung được Phật tiếp dẫn lên ngay thượng phẩm, chứng Vô Sanh Nhẫn. Có một bí quyết, tha thiết bảo ban: “Dốc lòng thành, tận lòng kính” mẫu nhiệm, huyền diệu làm sao!

VIII. GIẢI QUYẾT NHỮNG ĐIỀU NGHI HOẶC THƯỜNG GẶP

1. LUẬN VỀ SỰ - LÝ

* Lý thể gian hay xuất thể gian chẳng ra khỏi hai chữ “tâm tánh”. Sự thể gian và xuất thể gian chẳng ra khỏi hai chữ “nhân quả”. Chúng sanh trầm luân cửu giới, Như Lai chứng Nhất Thừa, nhưng tâm tánh chẳng tăng hay giảm mảy may nào! Sở dĩ thăng - trầm khác xa nhau, khổ vui

cách biệt vời vợi là do tu đức nơi nhân địa chẳng giống hết nhau nên thọ dụng quả địa khác biệt.

Xiển dương Phật pháp thật chẳng phải là chuyện dễ! Chỉ luận về lý tánh thì trung căn, hạ căn chẳng hưởng lợi ích; chuyên nói nhân quả thì người căn cơ bậc thượng thường hay chán nghe. Nhưng nhân quả và tâm tánh nếu tách rời ra, cả hai đều tổn; hợp lại, cả hai cùng tốt đẹp. Vì thế, Ngài Mộng Đông nói: “Người khéo luận tâm tánh ắt chẳng bỏ lìa nhân quả. Người tin sâu nhân quả ắt rốt cuộc hiểu rõ ràng tâm tánh”. Lý này lẽ tất nhiên là như thế.

Nhưng chúng sanh thời Mạt pháp căn cơ hèn kém, các pháp Thiên - Giáo chỉ cậy vào tự lực, khế ngộ còn khó, hướng hồ liễu thoát! Chỉ có pháp môn Tịnh Độ cậy vào Phật lực, chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, dù là ngũ nghịch thập ác cũng có thể vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, cao dự hải hội. Đối với pháp tối thượng thừa chẳng thể nghĩ bàn này, hãy nên giảng về cả Lý lẫn Sự, thành thật khuyên ai nấy hãy nên thí pháp này đều khắp.

* Nên biết rằng pháp môn Tịnh Độ có đủ cả tất cả sự tướng của bốn pháp giới, đều là pháp giới sự sự vô ngại. Đọc đến rồi tu, chớ nên chấp Lý bỏ Sự. Nếu chấp vào một bên, cả Lý lẫn Sự cùng mất. Như người biết ý căn nhạy bén nhất bèn bỏ cả ngũ căn thì ý căn cũng chẳng thể do đâu tồn tại được. Chỉ nên dùng Sự để hiển Lý, dùng Lý dung hội Sự mới chẳng sai lầm. Vì vậy, mới nói yếu chỉ của Tịnh Độ là “toàn Sự tức Lý”. Lý - Sự viên dung bèn khế hợp bốn thể. Tôi biết sư đã ăn no cơm vua từ

lâu, nhưng vẫn cứ miệt mài hiển lời hèn mọn, chẳng qua để giải bày tác lòng thành của đứa con túng quẫn mong được trở về nhà, cũng như mong rửa sạch cái tội báng pháp trước đây đó thôi!

* Người thông minh đời nay tuy học Phật pháp, nhưng chưa thân cận khắp các thiện tri thức, đa phần chuyên trọng lý tánh, bài bác, vứt bỏ nhân quả và những chuyện tu hành về mặt Sự. Đã bác Sự Tu, nhân quả thì lý tánh cũng mất. Bởi thế, thường có hạng tài cao, ngôn từ kinh động cả quỷ thần, nhưng xét đến hành vi lại chẳng khác gì bọn vô tri vô thức đầu đường xó chợ. Gốc bệnh đều là do bác Sự Tu và nhân quả gây ra cả, khiến cho bậc thượng trí uổng công nảy lòng thương xót, kẻ hạ ngu bất chước làm càn theo. Ấy là dùng thân mình báng pháp, tội lỗi vô lượng.

* Biết chẳng khó, làm được mới khó. Đời có hạng người rộng tuếch, nghe được lý “tâm, Phật, chúng sanh cả ba không sai biệt”, hoặc do duyệt Kinh sách bên Giáo, tham Thiên, ngộ được lý này, liền cho rằng mình giống như Phật, cần gì phải tu phải chứng, bèn phóng túng tâm ý, đối với hết thầy cảnh duyên làm lạc bảo: “Sáu trần chính là Giác, tham - sân - si chính là Giới - Định - Huệ, cần gì phải chế tâm nhiếp thân, không dây mà tự trói mình?” Thứ kiến giải này hèn kém nhất; nghĩa là chấp Lý phé Sự, bác không nhân quả có khác gì dùng bánh vẽ để khỏi đói, cất nhà trên không, tự mình làm, khiến người làm, há chẳng phải là tội lỗi cực điểm hay sao? Dùng thiện nhân chuốc lấy quả ác, tam thế Chư Phật gọi kẻ ấy là kẻ đáng thương xót vậy!

* Người đời nay phần nhiều ưa bàn xuông, chẳng chuộng thực sự tu tập. Khuyên tu Tịnh nghiệp, hiển nhiên là nên tu cả Sự lẫn Lý, nhưng phải đặt nặng việc tu về mặt Sự làm phương cách tu trì. Vì sao vậy? Do đối với người hiểu rõ Lý thì toàn Sự tức Lý, suốt ngày Sự Trì chính là suốt ngày Lý Trì. Nếu chưa thể hiểu thật rõ về Sự và Lý, vừa nghe nói đến Lý Trì liền biết nghĩa ấy thâm diệu, rất hợp với cái tính lười nhác, biếng trễ, sợ phải trì niệm nhọc nhằn của mình, bèn chấp Lý phé Sự. Sự đã phé thì Lý cũng chỉ thành bàn xuông mà thôi!

* Sự Trì là tin có đức A Di Đà Phật ở Tây Phương, chưa thấu hiểu “tâm này làm Phật, tâm này là Phật”, nhưng cứ quyết chí nguyện cầu Vãng Sanh như con nhớ mẹ, chẳng lúc nào tạm quên. Đây là chưa đạt lý tánh nhưng cứ y theo Sự mà tu trì.

Lý Trì là tin đức A Di Đà Phật ở Tây Phương tâm ta sẵn có, do tâm ta tạo. “Tâm sẵn có” nghĩa là tâm vốn có đủ lý này. “Tâm tạo” là nương theo cái lý sẵn có ấy để khởi tu thì lý ấy mới có thể hiển hiện được; vì thế gọi là “tạo”. “Tâm sẵn có” chính là lý thể, “tâm tạo” là sự tu. “Tâm sẵn có” chính là “tâm này là Phật”. “Tâm tạo” chính là “tâm này làm Phật”.

“Tâm này làm Phật” chính là xứng tánh khởi tu. “Tâm này là Phật” chính là toàn tu tại tánh. Tu đức hữu công tánh đức mới hiển, dù ngộ Lý nhưng vẫn chẳng phé Sự thì mới là “chân tu”. Nếu không sẽ đọa vào tri kiến cuồng vọng chấp Lý phé Sự. Bởi thế, phần dưới mới viết: “Liền dùng hồng danh tự tâm sẵn có, hồng danh do tâm tạo thành để làm cảnh buộc tâm chẳng để tạm quên”.

Thứ giải pháp này ngàn đời chưa từng có, thật là khế lý khế cơ, lý sự viên dung, chẳng phải bậc Pháp Thân Đại Sĩ dễ gì đạt tới được! Sự Trì dù chưa ngộ Lý, há nào phải ra ngoài Lý đâu, bắt quá là hành nhân chưa thể viên ngộ tự tâm! Đã ngộ thì Sự chính là Lý, nào có phải cái lý được ngộ nằm ngoài Sự đâu! Lý chẳng lìa Sự, Sự chẳng lìa Lý, Lý - Sự không hai; như thân và tâm con người đồng thời vận dụng cả hai, trọn chẳng hề có chuyện thân và tâm tranh nhau hơn kém! Người thấu đạt dù có muốn chẳng dung hợp cũng chẳng thể được. Tri kiến cuồng vọng, chấp Lý phé Sự thì chẳng thể dung hợp.

* Tâm này trọn khắp, thường hằng như hư không. Chúng ta do mê nhiễm nên khởi các chấp trước, ví như hư không do bị các vật ngăn chướng nên chẳng thể trọn khắp, chẳng thường hằng. Nhưng chẳng trọn khắp, chẳng thường hằng chỉ là vọng kiến chấp trước, chứ nào phải hư không thật sự bị các vật ngăn chướng nên chẳng trọn khắp, chẳng thường hằng ư? Vì thế, cái tâm phàm phu cùng với cái tâm bất sanh bất diệt mà Đức Như Lai đã chứng trọn chẳng khác gì.

Điều khác biệt là do phàm phu mê nhiễm nên mới đến nỗi như thế, chứ chẳng phải là tâm thể vốn có cải biến! Di Đà Tịnh Độ hoàn toàn nằm trong một niệm tâm tánh của chúng ta, tâm ta vốn sẵn có Phật A Di Đà. Tâm ta sẵn có nên đương nhiên phải thường niệm. Đã thường niệm ắt sẽ cảm ứng đạo giao, tu đức có công tánh đức mới hiển, Sự - Lý viên dung, chúng sanh và Phật chẳng khác! Vì thế nói: “Dùng tâm sẵn có Phật của mình để niệm Đức Phật sẵn có trong tâm ta, lẽ nào Đức Phật sẵn có trong tâm ta chẳng ứng với cái tâm sẵn có Phật ư?”

* Những điều Tông môn dạy chuyên chỉ về lý tánh, chẳng luận về Sự Tu. Vì sao vậy? Muốn cho con người trước hết biết đến cái lý “nhân quả, tu chứng, phàm Thánh, chúng sanh - Phật chẳng phân biệt”, để rồi y theo cái lý ấy mà bắt đầu tu nhân chứng quả, siêu phàm nhập Thánh, đây chính là sự “chúng sanh thành tựu Phật đạo” vậy!

* Luận rạch ròi thì Phật pháp chẳng ngoài Chân Đế và Tục Đế. Trong Chân Đế, một pháp chẳng lập, như thường nói: “Thật Tế lý địa chẳng dính mây trần”. Trong Tục Đế, không pháp nào chẳng đủ, như thường nói: “Trong cửa Phật sự, chẳng bỏ một pháp”. Trong Giáo, xiển dương cả Tục lẫn Chân, nhưng đa phần nói về Tục Đế. Bên Tông thì chính ngay nơi Tục nói về Chân, nhưng quét sạch tướng Tục.

Phải biết rằng: Chân và Tục đồng thể, hoàn toàn chẳng phải là hai vật. Ví như tấm gương báu tròn lớn, rộng sáng chiếu soi cùng tột, trọn chẳng có một vật. Tuy trọn chẳng có một vật, nhưng nếu người Hồ đến, gương hiện bóng người Hồ, người Hán đến, hiện bóng người Hán, sâm la vạn tượng cùng đến đều cùng hiện. Dù bao tướng cùng hiện, vẫn trọn chẳng có một vật. Tuy trọn chẳng có một vật, chẳng trở ngại các tướng cùng hiện. Nơi “các tướng cùng hiện” đó, nhà Thiền chuyên nói “trọn chẳng có một vật”. Nơi “trọn chẳng có một vật” ấy, Giáo dạy rõ “các tướng cùng hiện”. Như vậy, nơi Sự Tu nhà Thiền hiển rõ lý tánh, chẳng bỏ Sự Tu. Nơi lý tánh, Giáo giảng Sự Tu quy về lý tánh. Đây gọi là “xứng tánh khởi tu, toàn tu tại tánh, bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến, Sự - Lý cùng đạt, Tông - Giáo bất nhị” vậy!

*** Cái gọi là Niệm Phật Tam Muội nói tưởng dễ dàng, nhưng chứng đạt thật khó. Hãy nên nhiếp tâm niệm thiết tha, lâu ngày sẽ tự đạt. Dù chẳng thể tự đạt, nhưng do công đức tin chân thành, nguyện thiết tha, nhiếp tâm tịnh niệm ắt sẽ ngấm được Phật tiếp dẫn, đời nghiệp Vãng Sanh. Sự Nhất Tâm theo cách phán định của Đại Sư Ngẫu Ích người tu hành đời nay còn chưa thực hiện nổi, huống chi Lý Nhất Tâm? Phải đoạn được Kiến Tư Hoặc mới gọi là Sự Nhất Tâm. Phá vô minh, chứng pháp tánh gọi là Lý Nhất Tâm.**

Nếu là bậc “trong ngấm hạnh Bồ Tát, ngoài hiện làm phàm phu” thì đối với hai loại Nhất Tâm này chẳng khó khăn gì. Nếu thật sự là phàm phu đầy dẫy triền phược thì Sự Nhất Tâm còn chưa dễ được, huống hồ là Lý Nhất Tâm ư? Hãy xem kỹ lá thư trao đổi rất dài giữa Quang tôi và vị Cư Sĩ nọ ở Vĩnh Gia ắt sẽ biết rõ. Đến chừng nào ngộ Vô Sanh rồi, gìn giữ chắc chắn, tiêu sạch các tập khí dư thừa, sẽ tự hiểu rõ điều ấy, cần gì phải hỏi trước? Như người uống nước, nóng lạnh tự biết. Nếu không dù người uống có nói đích xác mười phần, người chưa uống rót cuộc vẫn chẳng biết được mùi vị ra sao!

Có lẽ Cư Sĩ thấy ngộ được Vô Sanh Nhẫn là chuyện dễ dàng, e tự mình ngộ rồi nhưng chưa biết cách gìn giữ chắc chắn cái ngộ ấy ắt sẽ bị các tập khí thừa sót khiến cho sở ngộ lại bị mất đi nên mới hỏi như vậy chẳng? Chân Vô Sanh Nhẫn thật chẳng phải là chuyện nhỏ đâu, đây chính là “phá vô minh - chứng pháp tánh”; tối thiểu phải là bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo, bậc Sơ Địa trong Biệt Giáo mới chứng được, nói sao dễ dàng thế?

Mong ông hãy hành theo những điều Quang đã nói trong Văn Sao, ắt sẽ hiểu duyên do của pháp môn Tịnh Độ, ắt tín - nguyện - hạnh sẽ chẳng bị những dị thuyết của hết thầy thiện tri thức đoạt mất. Sau đấy, nếu còn sức thì chẳng ngại nghiên cứu thêm các Kinh Luận Đại Thừa để mở mang trí thức, hòng làm căn cứ hoằng truyền Tịnh Độ. Như vậy, dù là phàm phu vẫn có thể tùy cơ lợi sanh, hành Bồ Tát đạo, đừng làm mong cao xa, chỉ e Sự - Lý chẳng rành, khó tránh khỏi bị ma dựa. Lá thư dài gửi vị Cư Sĩ nọ ở Vĩnh Gia chuyên trị chứng bệnh này. Bệnh Cư Sĩ ấy với bệnh của ông tên gọi khác nhau, nhưng tánh chất giống hệt, nên Quang chẳng muốn nói nhiều.

Chỉ mong ông nhờ lá thư ấy mà lãnh hội. Phải biết người sau khi đã ngộ dù tu trì giống hệt như người chưa ngộ, nhưng tâm niệm khác biệt. Người chưa ngộ Vô Sanh, cảnh chưa xảy đến đã mong sẵn, cảnh hiện tiền bèn nắm níu, cảnh đã qua rồi vẫn nghĩ nhớ. Người ngộ Vô Sanh thì cảnh tuy sanh diệt, tâm chẳng sanh diệt, hệt như gương sáng, đến không dính, đi không tăm tích. Tâm ứng theo cảnh như gương hiện bóng, trọn chẳng có mảy may ý niệm nào chấp trước, quyền luyện. Dù đối cảnh vô tâm, vẫn sóng trào biển hạnh, mây bủa cửa từ. Đối với luân lý, cương thường thế gian và việc thượng hoằng hạ hóa đều mỗi mỗi nhận hiểu đúng, thật sự thực hành, dù táng thân mất mạng chẳng chịu vượt phạm.

Đừng tưởng là đối cảnh vô tâm rồi phứt hết các sự tu trì tự lợi lợi tha, thượng hoằng hạ hóa. Nếu hiểu như vậy sẽ vướng sâu vào Không Ma, đọa vào Ngoan Không. Do đấy, bác không nhân quả, buông lung làm cản trở thành đem phàm lạm Thánh, hoại loạn Phật pháp, lầm lạc chúng sanh,

tạo thành chủng tử A Tỳ địa ngục. Điều này quan hệ hết sức sâu xa, bắt đắ dĩ Quang tôi phải vì ông trình bày sơ lược lợi hại.

* Nếu ước trên Thật Tế lý thể để luận thì phàm - Thánh, chúng sanh - Phật, nhân - quả, tu - chứng đều chẳng thể được. Nếu luận trên phương diện pháp môn tu trì thì trên từ Như Lai đã thành Phật đạo, dưới đến chúng sanh trong A Tỳ đều chẳng ra ngoài nhân quả. Hiểu rõ lý tánh nhưng chẳng phé Sự Tu bèn là Chánh Tri, chấp lý tánh phé Sự Tu bèn thành tà kiến. Sai chỉ hào ly, lập thành địa ngục và Phật quả khác biệt.

2. LUẬN VỀ TÂM TÁNH

* Tâm vừa Tịch, vừa Chiếu, bất sanh bất diệt, rộng lớn, thấu triệt, linh thông, viên dung hoạt bát, là gốc của hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian. Từ hạng phàm phu đầy dẫy triền phược, hôn mê, điên đảo làm lạc cho đến tam thế Chư Phật, tâm ấy vẫn hết như nhau, trọn không có gì khác. Vì thế nói: “Tâm, Phật, chúng sanh cả ba không sai biệt”.

Chỉ vì Chư Phật chứng đắ rất ráo nên công đức, lực dụng phô bày triệt để; phàm phu toàn thể mê trái, lại còn áp dụng sức công đức lực dụng ấy vào sáu trần cảnh, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, do Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp cảm khổ. Ba thứ Hoặc - nghiệp - khổ phát khởi lẫn nhau, nhân nhân quả quả liên tiếp chẳng dứt, trải trần sa kiếp chịu mãi luân hồi, dù muốn xuất ly cũng chẳng có cách nào! Ví như trong nhà tối mò phải của báu, chẳng những không thọ dụng được, lại còn bị của báu ấy làm tổn thương. Tâm mê chạy theo cảnh, quay lưng với Giác,

xuôi theo trần lao cũng giống như thế.

Như Lai thương xót, dạy cho họ bỏ vọng về với chân, khôi phục tâm tánh mình. Thoạt đầu dạy “hết vọng là chân”, kế đó dạy “toàn thể vọng chính là chân”, như gió lặng sóng yên, nắng ấm băng tan; sóng, băng trở thành nước. Sóng, băng cùng với nước nào phải là hai vật; nhưng lúc sóng chưa yên, băng chưa tan, so với lúc sóng đã lặng, băng đã tan, dù thể tánh trọn chẳng phải hai, tướng và dụng khác xa vời vợi. Bởi thế mới nói: “Tu đức hữu công, tánh đức mới hiển”. Nếu chỉ cậy vào tánh đức, chẳng chú trọng tu đức thì đến tận đời vị lai cứ mãi mãi là chúng sanh, luống uổng Phật tánh sẵn có, không chỗ dựa nương! Vì thế, Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Lúc Quán Tự Tại Bồ Tát thực hành sâu xa Bát Nhã Ba La Mật, soi thấy năm uẩn đều không, vượt hết thảy khổ ách”.

Toàn thể Ngũ Uẩn là Chân Như diệu tâm, nhưng do một bề mê muội, trái nghịch bèn thành tướng huyễn vọng. Vọng tướng đã thành, bèn lầm mất Nhất Tâm. Đã mê muội nơi Nhất Tâm, các khổ đều nhóm lại. Như gió thổi, toàn thể nước trở thành sóng; trời lạnh, nước mềm thành cứng. Dùng Bát Nhã thậm thâm để chiếu soi liền hiểu rõ: mê chân thành vọng, toàn vọng chính là chân; như gió lặng, trời ấm, nước lại trở về bản thể.

Vì thế biết rằng: Hết thảy các pháp đều do vọng tình biến hiện, nếu lìa vọng tình thì bản thể của các pháp ấy hoàn toàn là Không. Bởi vậy, tứ đại đều mất bản tánh, lục căn dùng lẫn cho nhau. Thế nên, Bồ Tát chẳng khởi Diệt Định, hiện các oai nghi, dùng nhãn căn làm Phật sự của nhĩ căn, dùng nhĩ căn làm Phật sự của nhãn căn, vào trong đất như vào nước, đi trong nước như đi trên đất, nước lửa chẳng thể đốt cháy

hay nhận chìm được, tùy ý đi, ngồi trên hư không, cảnh không tự tánh, đều theo tâm chuyên.

Bởi vậy, Kinh Lăng Nghiêm nói: “Nếu có kẻ nào nhận chân, quy nguyên thì mười phương hư khôngthảy đều tan mất”. Đây chính là hiệu quả thật sự của việc “soi thấy năm uẩn đều không” vậy. “Quy” nghĩa là quay về, trở về, tức là phản chiếu hồi quang, khôi phục tâm tánh vốn có. Nhưng muốn phản chiếu hồi quang khôi phục tâm tánh, nếu trước hết tâm chẳng quy hướng Tam Bảo sẽ chẳng thể y giáo phụng hành. Tâm đã quy hướng Tam Bảo sẽ tự có thể khôi phục nguồn tâm, triệt chứng Phật tánh. Đã khôi phục được nguồn tâm vốn sẵn có, triệt chứng Phật tánh, mới biết tự tâm quý báu nhất, trong mê chẳng giảm, lúc ngộ chẳng tăng. Chỉ vì thuận theo pháp tánh nên thọ dụng được, trái lại sẽ bị tổn thương. Thế nhưng, tổn hại hay lợi ích cách biệt nhau một trời, một vực!

* Chúng sanh là Phật chưa ngộ, Phật là chúng sanh đã ngộ. Tâm tánh bản thể của chúng sanh và Phật bình đẳng, giống hệt như nhau, không hai, không khác; nhưng khổ - vui, thọ dụng khác biệt nhau như trời với đất là do xứng tánh thuận tu hay trái tánh nghịch tu mà thành ra như thế. Lý này rất sâu, chẳng dễ tuyên nói. Để khỏi phí lời giải bày, xin mượn ví dụ để minh thị:

Chư Phật tu đức đến cùng cực, chứng ngộ triệt để tánh đức, giống như tấm gương báu tròn lớn. Thể chất của gương là đồng. Biết gương có tánh chất tỏa sáng nên hằng ngày lau, mài, ra sức chẳng ngơi. Bụi hết, gương tỏa sáng, dựng trên đài cao, vật nào soi đến liền hiện bóng. Lớn

như trời đất, nhỏ như hạt bụi, mây lông, sâm la vạn tượng đều hiện rành rành. Ngay trong lúc muôn vàn hình tượng cùng hiện ấy, gương vẫn rỗng rang, trống trải, trọn chẳng có một vật nào.

Tâm Chư Phật cũng giống như vậy: đoạn sạch phiền não, Hoặc nghiệp, hiển hiện trọn vẹn trí huệ, đức tướng, an trụ trong Tịch Quang đến cùng tận đời vị lai thường hưởng pháp lạc, độ chín giới xuất ly sanh tử, cùng chứng Niết Bàn. Chúng sanh hoàn toàn mê nơi tánh đức, trọn chẳng tu đức mảy may, ví như gương báu bụi phủ, chẳng có mảy may quang minh nào, ngay cả chất đồng cũng bị teng đống nên quang minh chẳng hiện được. Tâm chúng sanh cũng giống như thế.

Nếu như biết tấm gương bị bỏ phế chẳng hiện chất đồng này vốn có quang minh soi trời chiếu đất, do đây chẳng chịu bỏ phế, ngày ngày lau chùi, mài bóng, lúc đầu hơi lộ chất đồng, dần dà tỏa ánh quang minh, vẫn cực lực mài cho sạch, một ngày kia, teng lẫn bụi hết sạch, tự nhiên hình tượng nào soi vào liền hiện bóng, soi trời chiếu đất. Quang minh ấy gương vốn tự có, chẳng phải từ bên ngoài vào, chẳng phải do mài mà có; nhưng nếu chẳng mài cũng không cách nào có được!

Chúng sanh bỏ trần xuôi theo tánh giác, bỏ vọng theo chân cũng giống như thế. Phiền hoặc đoạn dần dần, trí huệ sẽ tăng dần dần. Đến khi công hạnh viên mãn, đoạn được cái không thể đoạn, chứng được cái không thể chứng, viên mãn Bồ Đề, trở về cái chẳng thể đạt

được, thần thông, trí huệ, công đức, tướng hảo trọn chẳng khác gì với mười phương ba đời Chư Phật. Dù là như vậy, cũng chỉ là khôi phục cái mình sẵn có, phải đâu là mới có. Nếu chỉ chấp nhận tánh đức, chẳng khởi tu đức, ắt đến tận đời vị lai thường phải chịu cái khổ luân hồi sanh tử, vĩnh viễn chẳng có ngày khôi phục cái gốc, trở về cội nguồn được!

* Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng tâm hạnh thọ dụng của Phật và chúng sanh tuyệt đối chẳng tương đồng. Vì sao vậy? Vì Phật bỏ trần theo giác, chúng sanh lại bỏ giác theo trần; Phật tánh دائu đồng, mê - ngộ rất khác! Vì thế, sướng - vui, thăng - trầm khác nhau một trời, một vực! Nếu quan sát kỹ nghĩa lý ba nhân Phật tánh, ắt không mỗi nghi nào là chẳng phá được, không ai là chẳng muốn tu tập! Ba nhân là chánh nhân, liễu nhân và duyên nhân.

Chánh nhân Phật tánh chính là diệu tánh vốn sẵn có trong tâm ta, là Pháp Thân chân thường Chư Phật đã chứng. Diệu tánh này tại phàm chẳng giảm, nơi Thánh chẳng tăng, trong sanh tử chẳng nhiễm, ở Niết Bàn chẳng tịnh. Chúng sanh triệt để mê trái tánh này, Chư Phật viên chứng rốt ráo. Mê - chúng dù khác, tánh thường bình đẳng.

Thứ hai là liễu nhân Phật tánh, tức là chánh trí để phát sanh chánh nhân Phật tánh. Do tri thức hoặc là do Kinh Giáo, nghe biết diệu nghĩa chánh nhân Phật tánh bèn liễu ngộ, biết do một niệm vô minh chướng lập nguồn tâm, chẳng biết bản thể của cảnh giới sáu trần vốn là không, nhận làm thật có, đến nỗi khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm -

dâm, do Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp chịu khổ, khiến cho Chánh Nhân Phật tánh trở thành cái gốc để khởi Hoặc tạo nghiệp chịu khổ. Từ đấy liễu ngộ, bèn muốn bỏ vọng về với chân, hòng mong khôi phục bản tánh.

Ba là duyên nhân Phật tánh, tức là trợ duyên. Đã liễu ngộ, phải tu tập các thứ thiện pháp ngõ hầu tiêu trừ Hoặc nghiệp, tăng trưởng phước huệ, cốt sao tự chứng được rốt ráo cái lý sẵn có mà ta đã ngộ đó mới thôi!

Xin dùng thí dụ để chỉ rõ: Chánh Nhân Phật tánh như vàng trong quặng, như lửa trong gỗ, như ánh sáng nơi gương, như mầm trong hạt, dù là sẵn có, nhưng nếu chẳng biết đến, chẳng được các duyên: nung luyện, khoét, dùi, mài giũa, gieo trồng, mưa dầm... thì vàng, lửa, ánh sáng, mầm mộng vĩnh viễn chẳng khi nào phát sanh được! Như vậy dù có Chánh Nhân nhưng nếu không duyên, trọn chẳng thể thọ dụng được.

Bởi thế, Phật dạy hết thảy chúng sanh đều là Phật, muốn độ thoát họ; nhưng chúng sanh trọn chẳng liễu ngộ, chẳng chịu tu tập thiện pháp, đến nỗi bao kiếp dài lâu luân hồi sanh tử, không thể thoát được. Do đó, Như Lai rộng bày các phương tiện, tùy cơ chỉ bày, dẫn dắt, mong chúng sanh bỏ vọng theo chân, bỏ trần theo giác.

* Cổ nhân nói: “Sanh tử cũng lớn, há chẳng đau đớn ư?” Trộm bàn: Đã chẳng biết nguyên do, dù có đau lòng cũng chẳng ích gì! Nên biết rằng: Hết thảy chúng sanh theo nghiệp lưu chuyển, thọ sanh trong sáu đường, sanh chẳng biết từ đâu đến, chết chẳng biết đi về đâu! Do nhân duyên tội hay phước sẽ thăng hay giáng, xoay vần luân hồi, chẳng lúc

nào xong. Như Lai thương xót, dạy nhân duyên “do Hoặc khởi nghiệp, do nghiệp cảm khổ” và bản thể “thường, lạc, ngã, tịnh, tịch chiếu viên dung” khiến chúng sanh hiểu rõ: Do vô minh nên mới có thân này. Vì thế, thân này hoàn toàn thuộc về huyễn vọng, chẳng những không có tứ đại, ngay cả ngũ uẩn cũng đều không. Đã biết ngũ uẩn là không thì Chân Như pháp tánh, Thật Tướng diệu lý sẽ triệt để phô bày trọn vẹn.

* Do tùy duyên nên có tứ Thánh, lục phàm, khổ - sướng, thăng - trầm khác xa nhau; nhưng duyên có tịnh - nhiễm, nên phải tùy thuộc vào một trong hai duyên ấy. Tùy thuộc nhiễm duyên sẽ khởi Hoặc, tạo nghiệp, luân hồi sáu đường. Tùy thuộc tịnh duyên sẽ đoạn Hoặc chứng Chân, thường trụ Niết Bàn. Do Hoặc nghiệp có nặng và nhẹ nên có đường lành người - trời, đường thiện ác chen lẫn là A tu la, và ba ác đạo: súc sanh, địa ngục, ngạ quỷ.

Do Hoặc khởi Hoặc, do nghiệp tạo nghiệp hoặc thiện hoặc ác, trọn chẳng có tướng nhất định, cho nên chỗ phải sanh về sẽ lần lượt thay đổi như bánh xe xoay tít chẳng có đầu mối, chọt lên, chọt xuống. Đã có đủ phiền hoặc, sẽ đều bị nghiệp buộc ràng, theo nghiệp thọ sanh, chẳng thể tự làm chủ được!

Do đoạn chứng (đoạn Hoặc chứng chân) có sâu hay cạn nên người đoạn Kiến Tư Hoặc sẽ chứng quả Thanh Văn, người trừ tập khí sẽ chứng quả Duyên Giác, bậc phá vô minh sẽ chứng quả Bồ Tát. Nếu trừ sạch vô minh, phước huệ viên mãn, công tu đức đến cùng cực, tánh đức phô bày trọn vẹn sẽ chứng Phật Quả. Chứng Phật Quả bất quá chỉ là chứng rốt ráo

triệt để những công đức, lực dụng sẵn có trong tâm tánh ngay khi còn thuộc địa vị phàm phu, nay thọ dụng toàn thể những công đức, lực dụng ấy mà thôi, chứ chẳng thêm mảy may gì vào cái tâm tánh ban đầu ấy cả!

Như Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, tuy sở chứng cao thấp bất đồng, nhưng đều chưa thể thọ dụng trọn vẹn những công đức sẵn có nơi tánh. Thế nhưng hết thảy phàm phu lại hướng sức lực chẳng thể nghĩ bàn của tâm tánh ấy vào sáu trần cảnh, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, đến nỗi đọa vào ba ác đạo, trầm luân bao kiếp, so ra ai nấy đều như thế, chẳng đáng buồn ư?

* Trước không khởi đầu, sau không kết thúc, dù chứa đựng cả thái hư vẫn chẳng thể lọt ra ngoài, dù nằm lọt trong vi trần cũng chẳng thể lọt vào trong, thanh tịnh sáng sạch, trạm tịch thường hằng, chẳng sanh, chẳng diệt, lìa tướng, lìa danh, là có nhưng chẳng phải có, là không nhưng chẳng phải không. Đây là Chân Tánh.

Xét ra cái thân địa - thủy - hỏa - phong chỉ là gân, xương, máu, thịt chứa nhóm, mới sanh liền diệt, vừa tươi tốt đã tàn úa. Các xương, đốt chồng đờ như kết gỗ làm nhà, một tấm da phủ ra ngoài như tô bùn trát vách. Bên trong toàn là phân tiểu, máu mủ, mặt ngoài cấu ghét, mồ hôi, lông, tóc; ròi tửa lúc nhúc, chảy rận như sao trời, giả gọi là Người, nào tồn tại cái Ngã! Lại dùng những thứ mình sẵn có là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý để bươn bả trong rừng gai góc sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Do đó, khởi vô minh tham - sân - si, diệt mất chánh trí Giới - Định - Huệ.

Ngũ Uẩn vốn không, nào ai chịu một phen quán chiếu. Sáu trần vô tánh, người người cho là thật, đến nỗi vạn khổ cùng tụ tập, cứ lầm mãi tánh linh với vọng tâm và huyền thân. Đúng như Kinh Viên Giác nói: “Hết thấy chúng sanh bao thứ điên đảo, nhận lầm tứ đại là thân tướng của mình, nhận lầm duyên ảnh của sáu trần là tâm tướng của mình”.

3. LUẬN VỀ NGỘ CHỨNG

* Từ xưa, Cao Tăng hoặc Cổ Phật tái sanh, hoặc Bồ Tát thị hiện đều thường hiện thân làm phàm phu, trọn chẳng hề nói ta là Phật, ta là Bồ Tát. Vì thế, Kinh Lăng Nghiêm nói: “Sau khi ta diệt độ, ta truyền các Bồ Tát và các A La Hán, ứng thân sanh trong thời Mạt pháp, hiện các thứ thân để độ những kẻ đang luân chuyển, nhưng trọn chẳng tự bảo mình thật sự là Bồ Tát hay A La Hán, tiết lộ nhân duyên bí mật của Phật, chỉ thường nhún nhường nói mình là kẻ mạt học”. Chỉ trừ lúc lâm chung, bèn ngầm để lại lời phó chúc.

Trí Giả Đại Sư thật sự là hóa thân của Phật Thích Ca, đến lúc lâm chung, có người hỏi Ngài đã chứng đến địa vị nào. Ngài đáp: “Nếu tôi chẳng lãnh chúng ắt sẽ tịnh được sáu căn, vì tổn mình lợi người nên chỉ đạt được Ngũ Phẩm. Do vậy, vẫn còn thuộc địa vị phàm phu!” Ngũ Phẩm tức là địa vị Quán Hạnh trong Viên Giác, sở ngộ bằng với Chư Phật, đã chế phục hoàn toàn ngũ trụ phiền não, nhưng vẫn chưa đoạn được Kiến Hoặc. Ngài Trí Giả lúc lâm chung còn chẳng hé lộ sở chứng thật sự là vì để khích lệ kẻ hậu học gắng chí

ting tu, chẳng đến nỗi được chút ít đã cho là đủ, hoặc còn là phạm phu mà đã lạm xưng là Thánh!

Nay bè lũ ma khoe xương mình đắc đạo, hoại loạn Phật pháp, làm lạc chúng sanh, là kẻ đại vọng ngữ. Cái tội đại vọng ngữ đó nặng hơn tội ngũ nghịch, thập ác trăm ngàn vạn ức lần. Thầy trò chúng nó sẽ đọa mãi trong địa ngục A Tỳ trải qua Phật sát vi trần số kiếp, luôn chịu sự khổ cùng cực, không cách nào thoát khỏi. Sao đành vì hư danh, lợi lạc phù phiếm một thời để phải chịu hình phạt thảm khốc dài cả kiếp? Danh lợi làm con người làm lạc đến nỗi như thế đấy!

* Niệm Phật, xem Kinh, ngộ lý Nhị Không, chứng pháp Thật Tướng là ước trên phương diện tự tính ngộ tu trì để dạy về nhân hiện tại, quả mai sau. Chớ nên cần rở tự đắc, bảo là ngay trong đời này mình sẽ đạt được như thế. Chứng Thật Tướng ngay trong đời này chẳng phải là không có người làm được, chỉ e hiện khiết không có căn lành ấy! Nếu chẳng trình bày rõ nguyên do, e rằng ông sẽ làm mong chứng Thánh, chí cao nhưng hạnh chẳng xứng, lâu ngày ắt sẽ mất trí đâm cuồng, chưa đắc bảo đã đắc, chưa chứng bảo đã chứng, cầu thăng hóa đọa, biến khéo thành vụng. Xét đến kết quả, khó tránh chìm đắm mãi mãi trong nẻo ác; chẳng những mai một tánh linh của chính mình, lại còn cô phụ Phật ân nữa!

Đối với hai thứ Không Lý, nếu chỉ luận về ngộ thì hàng phạm phu lợi căn cũng ngộ được. Như những người thuộc vào địa vị Danh Tự của Viên Giáo, tuy chẳng chế phục được mảy may ngũ trụ phiền não nào,

nhưng sở ngộ của họ và sở ngộ của Chư Phật không hai, không khác (Ngũ trụ: Kiến Hoặc là một trụ, Tư Hoặc gồm ba trụ. Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc gộp thành một trụ). Nếu nói theo nhà Thiền, những kẻ ấy gọi là bậc đại triệt đại ngộ, bên Giáo gọi là “đại khai viên giải”.

“Đại triệt đại ngộ” chẳng phải là chỉ hiệu loáng thoáng mơ hồ đâu nhé! Như Bàng Cư Sĩ (Bàng Long Uẩn) nghe Mã Tổ bảo: “Đợi khi nào ông một hơi uống cạn nước Tây Giang, ta sẽ nói cho ông hay” liền đốn vọng huyền giải. Ngài Đại Huệ Cảo nghe Ngài Viên Ngộ bảo: “Gió nồm từ Nam thổi, điện gác mát mẻ sao!” cũng ngộ như thế. Tổ Trí Giả tụng Kinh Pháp Hoa đến câu “gọi là chân tinh tấn, là chân pháp để cúng dường Như Lai” của phẩm Dược Vương Bản Sư liền hoát nhiên đại ngộ, lạng lẽ nhập định, tận mắt thấy một hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan. Ngộ như thế mới gọi là “đại triệt đại ngộ, đại khai viên giải!”

Nếu bàn về chuyện chứng được pháp Thật Tướng thì hàng phàm phu sát đất chẳng thể làm được. Nam Nhạc Tư đại Thiền Sư là “đắc pháp sư” của Ngài Trí Giả, có đại trí huệ, có đại thần thông, lúc lâm chung, có người hỏi đến sở chứng, Ngài bảo: “Tôi lúc đầu mong đạt được Đồng Luân, nhưng do lãnh chúng quá sớm nên chỉ đạt được Thiết Luân mà thôi!” (Đồng Luân tức là Thập Trụ, phá một phần vô minh, vừa mới dục vào Thật Báo Tịnh Độ, chứng được một phần Tịch Quang Tịnh Độ. Bậc Sơ Trụ có thể hiện thân làm Phật giáo hóa chúng sanh trong một trăm tam thiên đại thiên thế giới. Nhị Trụ giáo hóa được một ngàn, Tam Trụ giáo hóa bốn ngàn. Mỗi địa vị cứ gấp mười lần hơn. Thiết Luân tức là địa vị thứ mười trong Thập Tín. Sơ Tín đoạn Kiến Hoặc, Thất Tín đoạn Tư

Hoặc, Bát, Cửu, Thập Tín phá được Trần Sa, chế phục vô minh. Ngài Nam Nhạc Huệ Tư thị hiện chỉ chứng được ngôi thứ mười trong Thập Tín, tức là vẫn chưa chứng được pháp Thật Tướng. Phá một phẩm vô minh liền chứng Sơ Trụ, mới được gọi là chứng pháp Thật Tướng).

Trí Giả Đại Sư là hóa thân của Phật Thích Ca. Lâm chung có người hỏi Ngài chứng được địa vị nào, Ngài đáp: “Nếu ta chẳng lãnh chúng, ắt sẽ tịnh được sáu căn (tức là nếu Ngài không thâm nạp, giáo hóa đồ chúng, Ngài sẽ chứng được Thập Tín, sáu căn thanh tịnh như trong phẩm Pháp Sư Công Đức Kinh Pháp Hoa đã nói). Do tôn mình lợi người, nên chỉ chứng được Ngũ Phẩm” (Ngũ Phẩm tức là địa vị Quán Hạnh, chế phục trọn vẹn Ngũ Trụ Hoặc, nhưng vẫn chưa đoạn được Kiến Hoặc). Ngẫu Ích Đại Sư lâm chung có bài kệ như sau:

Danh tự vị trung chân Phật nhãn,

Vị tri tất cánh phó hà nhân

(Phật nhãn hãy còn nơi danh tự,

Giao ai rốt cuộc biết đâu là!)

(Người thuộc về địa vị danh tự đã viên ngộ Tạng Tánh giống như Chư Phật, nhưng chưa thể chế phục được Kiến Hoặc, hưởng hồ là đoạn nổi! Thân phận những bậc đại triệt đại ngộ trong đời mạt đa phần giống như vậy. Tạng Tánh chính là Như Lai Tạng Diệu Chân Như tánh, là tên gọi khác của pháp Thật Tướng).

Ngẫu Ích Đại Sư thị hiện chỉ chứng địa vị Danh Tự, Ngài Trí Giả thị hiện chỉ chứng được Ngũ Phẩm, Ngài Nam Nhạc thị hiện chỉ chứng được

Thập Tín. Tuy bốn địa của ba vị Đại Sư đều chẳng thể suy lường được, nhưng các Ngài thị hiện chỉ chứng ba địa vị Danh Tự, Quán Hạnh, Tương Tự, đủ thấy Thật Tướng chẳng dễ chứng. Vì kẻ hậu tấn khó thể vượt hơn các Ngài được, chỉ e chúng nó chưa chứng đã bảo là chứng nên các Ngài lấy thân mình thuyết pháp ngộ hậu người đời sau tự biết hổ thẹn, chẳng dám làm xằng đó thôi! Cái ân thị hiện địa vị sở chứng vào lúc sau cùng của ba vị Đại Sư thật là nghiền xương, nát thân khó báo đáp nổi! Ông hãy tự suy ngẫm coi mình thật sự có vượt trội ba vị Đại Sư ấy chẳng?

Còn như cho rằng: “Niệm Phật, xem Kinh, vun bồi căn lành, sau khi Vãng Sanh Tây Phương, thường hầu Phật Di Đà, cao dự hải hội, tùy theo công hạnh cạn hay sâu ắt chứng được Thật Tướng sớm hay trễ” thì đây là lời quyết định vô ngại, là điều hết thảy những người Vãng Sanh cùng chứng cùng đắc vậy!

*** Ngộ là phân minh rành rành như mở cửa thấy núi, vệt mây thấy trăng. Lại như người mắt sáng đích thân thấy đường về nhà, cũng như kẻ nghèo đã lâu chọt mở toang kho báu. Chứng là như theo đường về nhà, dùng chân ngồi yên, cũng như giữ lấy kho báu ấy, tùy ý hưởng dùng. Phạm phu đại tâm cũng có thể liễu ngộ giống như Chư Phật, nhưng về mặt Chứng thì Sơ Địa còn chẳng thể biết nổi chỗ giở chân, đặt chân của bậc Nhị Địa. Hiểu được ý nghĩa Chứng và Ngộ rồi, tự nhiên sẽ chẳng khởi lòng tăng thượng mạn, chẳng nảy ý lui sụt, mà cái tâm cầu sanh Tịnh Độ dù vạn con trâu cũng chẳng kéo lui lại được!**

* Trí Giả Đại Sư được người đời xưng tụng là hóa thân của Phật Thích Ca. Chẳng ai biết được sở chứng của Ngài, nhưng Phật hiện thân tạo pháp tắc cho chúng sanh. Vì thế, Đại Sư thị hiện vẫn thuộc địa vị phàm phu, bảo: “Nếu ta chẳng lãnh chúng, ắt sẽ tịnh được sáu căn”. Ngài dùng chính thân mình để răn người, hiện thân thuyết pháp. Thoạt đầu, Đại Sư mong đoạn Hoặc chứng Chân, đạt thẳng lên Thập Địa hay Đẳng Giác. Do phải hoằng pháp lợi sanh, bỏ lỡ công phu Thiên định của chính mình nên chỉ chứng được địa vị Ngũ Phẩm Quán Hạnh trong Viên Giáo mà thôi! Vì thế Ngài nói: “Do tôn mình lợi người nên chỉ đạt được Ngũ Phẩm”.

Ngũ Phẩm là năm thứ: tùy hỷ, đọc tụng, giảng nói, kiêm hành Lục Độ và chánh hành Lục Độ. Địa vị Ngũ Phẩm trong Viên Giáo viên ngộ Tạng Tánh (Tạng tánh là Thật Tướng diệu lý, khi còn triền phược (“tại triền”) gọi là Như Lai Tạng Tánh. Lúc thoát được triền phược gọi là Tịnh Pháp Thân. Nói chung là vì vô minh chưa đoạn nên gọi là Triền) giống hết sở ngộ của Phật, trọn chẳng khác gì. Đã chế phục trọn vẹn Kiến, Tư, Trần Sa, Vô Minh, Phiền Não nhưng chưa đoạn được Kiến Hoặc. Nếu đoạn được Kiến Hoặc liền chứng Sơ Tín. Đến địa vị Thất Tín mới đoạn sạch Tư Hoặc, thật sự chứng được “lục căn tùy ý chẳng nhiễm sáu trần”. Vì thế gọi là địa vị “lục căn thanh tịnh”.

Đã thế, trong mỗi một căn lại có đủ công đức của sáu căn, làm Phật sự của sáu căn. Do vậy, còn gọi là “lục căn hỗ dụng” (sáu căn dùng lẫn nhau) như trong phẩm Pháp Sư Công Đức của Kinh Pháp Hoa đã nói. Ngài Nam Nhạc thị hiện chứng địa vị này. Người thuộc vào địa vị này

chẳng những có đại trí huệ, lại còn có đại thần thông, thần thông của Tiểu Thừa A La Hán chẳng thể sánh bằng. Vì thế Ngài Nam Nhạc lúc sanh tiền cũng như sau khi tịch luôn có những sự chẳng thể nghĩ bàn khiến kẻ thấy hoặc nghe phát khởi tín tâm.

Nam Nhạc, Trí Giả đều là bậc Pháp Thân Đại Sĩ, địa vị thực chứng của các Ngài nào ai dò được mức cao thâm. Chẳng qua các Ngài muốn cổ vũ hậu thế chuyên tinh học đạo nên mới chịu khuất lấp như thế, nào phải đâu các Ngài thật sự chỉ chứng địa vị Thập Tín Tương Tự hay Ngũ Phẩm Quán Hạnh! Lũ phàm phu sát đất chúng ta há kham học đòi các Ngài được ư? Hãy nên ưa thô tri trọng giới, nhất tâm niệm Phật, kiêm tu các điều lành thế gian để làm trợ hạnh, noi theo pháp hạnh các vị Vĩnh Minh, Liên Trì thì không ai là chẳng được lợi cả!

* Các Tông tu trì Phật pháp phải đến mức “hạnh khởi, giải tuyệt” mới được lợi ích thật sự, chỉ riêng Tịnh Tông chẳng tu quán như thế. Nhà Thiền đem một câu thoại đầu hoàn toàn vô nghĩa đặt vào trong tâm, coi như bản mạng nguyên thân, chẳng kể năm tháng, suốt ngày tham cứu cho đến khi nào cả thân tâm lẫn thế giới đều chẳng biết đến nữa, mới hòng đại triệt đại ngộ; chẳng phải là hạnh khởi giải tuyệt hay sao? Lục Tổ nói: “Chỉ xem Kinh Kim Cang liền có thể minh tâm kiến tánh”, đây chẳng phải là hạnh khởi giải tuyệt ư?

Theo ngu ý, chữ Khởi nên hiểu là Cực, tức là tận lực đến cùng cực, mới hòng đạt đến cả Năng lẫn Sở cùng mất, nhất tâm phô bày triệt để. Nếu hạnh chưa đến mức cùng cực, dù có quán niệm vẫn còn có Năng, có

Sở, vẫn hoàn toàn là tác dụng của phàm tình, hoàn toàn là tri kiến phân biệt, hoàn toàn là tri giải, sao đạt lợi ích chân thật được? Phải tận sức đến cùng cực thì Năng, Sở, tình kiến mới tiêu diệt, chân tâm vốn có mới phát hiện. Bởi thế, thuở xưa có người đầu như cây chết sau chúng đạo phong, rạn vỡ cổ kim. Muốn tu hành được lợi ích phải hoàn toàn chú trọng nơi một chữ Cực vậy!

*** Người khéo đạt lợi ích thì không gì là chẳng hữu ích, người cam chịu tổn mình sẽ chẳng bị tổn hại gì cả. Người đời nay hay dùng thế trí biện thông để làm vốn nghiên cứu Phật học; vừa biết được chút nghĩa lý đã bảo mình chứng đắc. Từ đây, tự nghĩ mình cao quý, miệt thị cổ kim. Đừng nói là người hiện đại chẳng đáng để vào mắt, ngay cả những bậc cao tăng từ một ngàn mấy trăm năm trước (đa phần là cổ Phật tái lai, hoặc Pháp Thân Bồ Tát thị hiện) đều bị họ coi tuốt là hạng tầm thường, chẳng đáng noi theo! Chưa đắc bảo đã đắc, chưa chứng khoe đã chứng. Nghe lời họ nói cao chót vót chín tầng trời, xét tâm họ thấp trệt dưới chín tầng đất! Tập nhiễm như thế hãy nên quyết liệt trừ khử. Nếu không, khác nào Đê Hồ dựng trong chén độc, giết người chết tươi!**

Nếu có thể niệm niệm quay lại xem xét tự tâm thì chẳng những sẽ được lợi ích nơi các pháp Như Lai đã giảng, ngay cả phiến đá, hòn sỏi tầm thường, chiếc đèn lồng, cây cột ngoài đường, tất cả những hình sắc, thanh âm trong đại địa, không thứ gì chẳng phải là diệu lý Thật Tướng Đệ Nhất Nghĩa Đế! Bởi thế mới nói: “Xưa nay chưa có ai, sao từng mộng thấy được?” Xin hãy tin chắc, gắng sức thực hành.

• Những điều lệnh thân được thấy thật là hy hữu, lạ lùng, có thể nói là có thiện căn từ xưa, nhưng phải ra sức gắng công tu trì thì giấc mộng ấy mới chẳng bị uổng phí. Nếu như vì tri kiến phàm phu, làm tưởng mình đã được Tam Bảo gia bị, đã dự vào dòng Thánh, rồi sanh đại ngã mạn, chưa đắc bảo đã đắc, chưa chứng bảo đã chứng, sẽ thành ra do nhân lành chuốc lấy quả ác. Người đời mạt tâm trí hèn kém thường mắc phải căn bệnh ấy. Câu Kinh Lăng Nghiêm: “Chẳng nghĩ là Thánh tâm thì gọi là cảnh giới lành, nếu cho là Thánh giải sẽ vướng quần tà” chính là nói về tình trạng này. Xin hãy lấy việc tận lực tu trì pháp môn Tịnh Độ để tự khích lệ mình, ngõ hầu tương lai quyết định được hưởng đại lợi ích!

* Niệm Phật chú trọng Vãng Sanh, niệm đến cùng cực cũng có thể minh tâm kiến tánh, phải đâu niệm Phật hoàn toàn chẳng ích lợi gì cho đời hiện tại! Xưa kia, Ngài Minh Giáo Tung Thiên Sư, nhật khóa niệm mười vạn lần Thánh hiệu Quán Thế Âm, sau này mọi Kinh sách thế gian Ngài không đọc nhưng đều biết. Cứ xem Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục ắt sẽ biết niệm Phật mầu nhiệm, Quang tôi đã nhắc đến nhiều lần trong cuốn Văn Sao hủ lậu của mình. Cư Sĩ bảo “niệm Phật vô ích đối với đời này” thì chẳng những chưa thâm hiểu các Kinh Luận Tịnh Độ, mà ngay cả với cuốn Văn Sao của Quang cũng chỉ cười ngửa xem hoa, chưa đọc hiểu thật kỹ vậy!

* Tuy Tịch Quang Tịnh Độ là “đương xứ tức thị” (có thể tạm hiểu là “ngay nơi đây chính là cõi Thường Tịch Quang”, hoặc “hiện hữu ngay tại nơi đây”, hoặc “có thể ngộ nhập ngay nơi đây chẳng cần tìm nơi khác”), nhưng nếu chẳng là bậc trí đoạn rất ráo, viên chứng Pháp Thân

Tỳ Lô Giá Na sẽ chẳng thể triệt để chứng ngộ, đích thân thọ dụng được! Bốn mươi một địa vị: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác trong Viên Giáo vẫn còn là “phần chứng” (chứng nhập được ít phần). Nếu ông đã viên chứng được Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na, nói “đương xứ tức thị Tịch Quang” cũng chẳng ngại gì. Nếu không thì chỉ là kể tên món ăn, đếm của báu, chẳng khỏi bị đói rét đến chết mà thôi!

4. LUẬN VỀ TÔNG, GIÁO

* Những giảng sư đời Mạt thường thích giảng Thiền, đến nỗi thỉnh chúng đa phần chấp vào những câu công án. Trộm nghĩ: Những câu cơ phong chuyển ngữ (thoại đầu, công án) trong nhà Thiền tuyệt đối chẳng có ý nghĩa gì, chỉ nhằm đáp ứng căn cơ người đến hỏi hòng chỉ nẻo hướng thượng. Những câu chuyển ngữ ấy chỉ nên để tham cứu, sao lại giảng nói? Giảng Kinh như vậy chỉ những bậc đại sĩ siêu phàm mới hưởng lợi ích, còn những hạng trung - hạ khác đều mắc bệnh hết. Đối với Tông, chẳng biết tận lực tham cứu những câu cơ phong chuyển ngữ, chỉ lo phỏng đoán ý nghĩa. Với Giáo, do thật lý, thật sự nào phải là cảnh giới của mình, bèn lầm tưởng Phật, Tổ nói thí dụ để giảng pháp. Dem Tông phá Giáo, dùng Giáo phá Tông, cái tệ nạn lưu hành này không còn gì tệ hơn được nữa!

* Từ Ngài Tào Khê (Lục Tổ Huệ Năng) về sau, đạo Thiền lưu truyền rộng rãi; mỗi văn tự “chẳng lập văn tự” phổ biến khắp hoàn vũ. Đường giải thuyết ngày càng mở rộng, cửa chứng ngộ ngày càng bế tắc! Vì thế, các tổ Nam Nhạc, Thanh Nguyên đều dùng cơ phong chuyển ngữ để độ

người, khiến cho Phật, Tổ trở thành ngôn ngữ suông, không cách nào đáp được lời các Ngài hỏi. Nếu chẳng phải thật sự là căn cơ tương xứng sẽ chẳng thể hiểu được lời ấy. Dùng cách ấy để xét nghiệm khiến vàng - thau rạch ròi, ngọc - đá rành rành, không còn cách nào giả trá, ngăn trở đạo pháp. Đây chính là duyên do của cơ phong chuyển ngữ.

Từ đây về sau, pháp này ngày càng thịnh hành, được các tri thức đề cao, chỉ e lạc vào lối mòn của người khác, trở thành khuôn sáo cũ kỹ, khiến người học nghi ngờ, lầm lạc, hoại loạn tông phong, nên cơ phong chuyển ngữ ngày càng cao tột, vô phương chuyển biến, để người khác (người căn cơ không phù hợp) chẳng biết đâu mà mò. Bởi thế mới có những câu nói trách Phật, quở Tổ, bài xích Kinh Giáo, bác bỏ Tịnh Độ! Những lời lẽ ấy nhằm cưỡng đoạt tình kiến, bít chặt sự biện giải của người nghe. Người căn thuần sẽ nhờ ngay đó biết đường trở về, triệt ngộ hướng thượng; người căn cơ chưa thuần sẽ chân thành, tận lực tham cứu, quyết đạt đến đại triệt, đại ngộ mới thôi. Ấy là vì tri thức còn nhiều, căn tánh con người vẫn còn thông lợi, hiểu rành rẽ giáo lý, tâm sanh tử khẩn thiết, dù chưa thể liễu ngộ ngay cũng chẳng nảy lòng hèn kém, cho đó là pháp bảo vậy!

* Hiện tại, lắm kẻ mới đọc vài cuốn sách Nho, chẳng hiểu đạo lý thế gian, chưa hiểu cùng tột giáo thừa, chẳng hiểu Phật pháp, vừa mới phát tâm bèn gia nhập Tông môn. Hàng tri thức chỉ vì duy trì **môn định**, cũng học đòi cổ nhân xiển dương, chẳng quản đạo pháp lợi hại thế nào. Người theo học chẳng phát khởi mối nghi tình chân thật, đối với bất cứ điều nào cũng tưởng là chân pháp cả!

Đối với những câu khai thị của người hiện tại hoặc những câu chép trong sách của cổ nhân, có kẻ bèn tự ý suy diễn nêu ra nghĩa lý, dù trọn chẳng ra khỏi việc giải thích ý nghĩa theo mặt văn tự, nhưng cứ tự hào là triết ngộ hướng thượng, việc tham học đã hoàn tất rồi, liền dự ngay vào địa vị tri thức để dạy dỗ đàn hậu học, lập riêng một môn định. Cứ sợ người khác chê mình chẳng phải là bậc thông gia bèn ra sức giảng Thiền, muốn được xưng tụng là “tông thuyết kiêm thông”.

Giảng về Tông thì khi giảng những lời chỉ quy hướng thượng của cổ đức rất cuộc chỉ giảng nghĩa câu văn theo mặt văn tự. Khi giảng Giáo, cái đạo tu nhân chứng quả của Như Lai bị họ biến thành những thuyết “mượn ví dụ để biểu thị pháp”. Dùng Giáo phá Tông, đem Tông phá Giáo, kẻ đui dẫn lũ mù, kéo nhau vào lửa, đến nỗi bọn hậu bối chẳng được nghe gương sáng của tiền bối, láo nháo bắt chước thầy khinh Phật, lòn Tổ, bài nhân, bác quả mà thôi!

*** Giáo độ khắp ba căn, thâm trọn lợi độn, ví như chiếu chỉ sáng suốt của vua Thánh, vạn quốc tôn sùng, trí - ngu, hiền - tệ đều cùng hiểu rõ, đều phải tuân hành. Nếu kẻ nào chẳng tuân sẽ bị xử cực hình. Nếu kẻ nào chẳng tuân lời Phật dạy ắt sẽ đọa trong ác đạo. Tông chỉ độ được thượng căn, chẳng nhiếp trung căn, hạ căn; giống như tướng quân nhận mật lệnh, người thân cận trong doanh mới biết, kẻ ngoài doanh dù có trí huệ cũng chẳng hiểu được. Vì thế mới có thể dùng toàn quân diệt giặc, thiên hạ thái bình. Quân lệnh bị tiết lộ, ba quân sẽ tan vỡ; Tổ ấn bị tiết lộ, năm tông chết tiêu. Kẻ chưa ngộ chỉ được phép tham cứu thoại đầu, chẳng được xem đọc sách**

Thiền, thật ra chỉ là vì sợ kẻ ấy hiểu lầm ý Tổ, chấp mê là ngộ, lấy giả rối chân. Đây gọi là Tổ ẩn bị tiết lộ, tai hại cực lớn.

*** Về nguồn không hai, phương tiện nhiều cửa. Phương tiện của nhà Thiền vượt ngoài khuôn khổ, tựa hồ quét sạch hết thủy ngôn ngữ. Kẻ không lãnh hội được ý ấy, chẳng hiểu ý chỉ rời lìa ngôn ngữ, chuyên nhai bã hèm, nên đối với Tông chỉ lo suy diễn ý Tổ chẳng chịu tận lực tham cứu, đối với Giáo bèn lầm lạc học đòi viên dung, phá hoại sự tướng! Chỉ có bậc đại đạt là được lợi ích cả nơi Tông lẫn nơi Giáo; nếu không, đề-hồ, cam lộ bị chứa trong bình độc bèn thành tỳ sương, trầm độc!**

*** Dù trung căn, hạ căn vẫn có thể được lợi ích nơi Giáo, nhưng nếu chẳng phải là bậc thượng thượng căn sẽ chẳng thể thông suốt Giáo để vận dụng. Dẫu kẻ trung, hạ căn khó thể chuyên chí nơi Tông, nhưng bậc thượng căn lại có thể đại triệt đại ngộ để hồng chứng nhập.**

Trong Giáo, phải thông đạt hết thể pháp, Phật pháp, Sự, Lý, tánh, tướng, lại còn phải đại khai viên giải (nhà Thiền gọi là đại triệt đại ngộ) thì mới có thể làm Đạo Sư cho cả trời lẫn người.

Trong Tông, tham vỡ được một câu thoại đầu, thấy được bản lai, bèn có thể xiển dương tông phong “trực chỉ”. Nếu nhằm lúc Phật giáo đại hưng khởi và là bậc thông đạt rộng rãi Phật pháp thì hãy nên tham cứu theo nhà Thiền, giống như Tăng Diêu vẽ rồng, hễ điểm nhãn, rồng liền bay lên ngay lập tức. Còn nhằm khi Phật pháp suy vi, kẻ túc căn kém cõi

hãy nên tu trì theo Giáo. Ví như thợ vụng chế đồ mà bỏ hết dây mực thì rốt cuộc chẳng làm gì được cả!

* Nay muốn báo ơn Phật, lợi lạc hữu tình thì nhà Thiên dù chuyên xiển dương tông phong, vẫn phải dùng Giáo để ấn chứng; bên Giáo thì tận lực tu trì quán hạnh, chẳng lạm bàn Thiên ngữ. Ấy là vì tâm thông diệu đế, hễ gặp duyên liền thành Tông. “Cây bách, que phân khô, quạ kêu, sẻ hót, nước chảy, hoa trôi, ho khạc, phẩy tay, cười khẩy, giận chửi”, pháp nào pháp nấy đều là Tông cả. Lẽ nào diệu pháp viên đốn do chính kim khẩu Đức Như Lai nói ra chẳng đáng kể là Tông ư? Cần gì phải mượn cái thanh chống cửa nhà người để chống đỡ cửa nẻo nhà mình! Trong nhà vốn sẵn gỗ Tiên, gỗ Nam, cứ sao vớt bỏ chẳng dùng? Hãy nên biết rằng: pháp không cao, hèn, chỉ là nhất đạo thường nhiên, do căn cơ có sống hay chín nên nơi mỗi pháp được lợi ích khác biệt!

5. LUẬN VỀ TRÌ CHÚ

* Một pháp Trì Chú chỉ nên dùng làm Trợ Hạnh, chẳng nên lấy Trì Chú làm Chánh Hạnh, coi Niệm Phật là pháp tu phụ! Dù pháp môn Trì Chú cũng chẳng thể nghĩ bàn, nhưng phạm phu được Vãng Sanh hoàn toàn nhờ vào lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, cũng như do đại thệ nguyện của A Di Đà Phật cảm ứng đạo giao mà được Ngài tiếp dẫn. Nếu chẳng hiểu lẽ này, dù pháp nào cũng đều chẳng thể nghĩ bàn, tu bất cứ pháp nào mà chẳng được, nhưng vẫn trở thành “không Thiên, không Tịnh Độ, giường sắt và cột đồng, vạ kiếp với muôn đời, không có ai nương dựa!”

Nếu tự biết mình là phàm phu đầy dẫy triền phược, toàn thân là nghiệp lực, nếu chẳng cậy vào nguyện lực hoằng thệ của Như Lai, quyết khó thể chắc chắn thoát khỏi luân hồi ngay trong đời này, ắt sẽ biết lực dụng của những giáo pháp Đức Phật đã dạy ra trong cả một đời đều chẳng bằng được nổi một pháp Tịnh Độ này.

Nếu trì chú, tụng Kinh để gieo trồng phước huệ, tiêu tội nghiệp thì được; nhưng nếu vọng động mong cầu thần thông thì đúng là bỏ gốc theo ngọn, chẳng khéo dụng tâm. Nếu như tâm này cố kết, lại chẳng hiểu rõ lý, giới lực chẳng vững, Bồ Đề tâm chẳng sanh, tâm nhân - ngã càng thịnh, ắt chẳng mấy chốc sẽ bị ma dựa phát cuồng! Phàm muốn được thần thông, phải đắc đạo trước đã! Hễ đắc đạo liền tự có thần thông. Nếu chẳng dốc sức vào đạo, chỉ mong cầu thần thông, đừng nói là chưa đắc thần thông, dù có đắc cũng trở thành chướng đạo! Vì thế, Chư Phật, Chư Tổ thầy đều nghiêm cấm, chẳng muốn người đời tu tập thần thông! Do trong đời thường có những người có kiến giải như thế nên tôi mới nhiều lần giải bày như vậy!

* Chỉ nên trì chú để trợ tu Tịnh nghiệp, đừng bộp chộp tác pháp, khinh nhờn Phật, Thánh. Nếu đường đột tác pháp nhưng thân tâm chẳng cung kính, chẳng chí thành, rất có thể ma sự sẽ khởi. Chỉ có một việc là nên tác pháp, nhưng đây lại chẳng phải là phận sự của các ông. Đó là: nếu ai phát tâm xuất gia, nhưng thầy thế độ chưa chứng đạo, chẳng thể quán xét căn cơ, bèn cầu xin Phật từ ngàm dạy cho biết người ấy xuất gia được hay không, hòng tránh khỏi tệ nạn hạng đầu trộm đuôi cướp lộn sòng Tăng chúng.

Nhưng ngày nay Tăng chúng thâm nạp đồ đệ, cứ sợ chẳng thâm được nhiều, dù biết rõ kẻ đó là phường hạ lưu, vẫn cứ vội vã thâm nạp, chỉ sợ nó bỏ đi mất, mấy ai chịu quyết trách như thế nữa! Tham danh lợi, ưa quyền thuộc đến nỗi Phật pháp ngập chìm sát đất, không cách nào hưng khởi được nữa!

* Người niệm Phật chẳng phải là không được trì chú, nhưng phải phân định rõ đâu là Chánh, đâu là Trợ thì Trợ cũng quy về Chánh. Nếu cứ lằng nhằng chẳng thể phân biệt, đến ngày nào đó nhìn lại, Chánh cũng chẳng phải là Chánh nữa! Chú Chuẩn Đề, chú Đại Bi, chẳng có chú nào hơn kém cả! Nếu tâm chí thành, pháp nào cũng linh. Tâm chẳng chí thành, pháp nào cũng chẳng linh!

*** Học chú Vãng Sanh bằng chánh âm tiếng Phạn cũng là rất tốt, nhưng chẳng được sanh tâm phân biệt, cho chú văn lược dịch là sai. Hễ khởi tâm niệm ấy sẽ sanh tâm ngờ vực đối với hết thảy các chú chép trong Đại Tạng, cho là những chú ấy chẳng hợp Phật ý. Phải biết rằng những vị dịch Kinh đều chẳng phải tầm thường, sao lại vì những bản dịch của họ không giống nhau bèn sanh lòng miệt thị? Hơn một ngàn năm, những người trì chú này được lợi ích chẳng kể nổi số; chẳng lẽ mọi người trì chú trong hơn một ngàn năm ấy đều chẳng biết tiếng Phạn hay sao? Học thì đương nhiên phải học, tuyệt đối đừng khởi ý niệm ưu liệt, hơn kém thì lợi ích sẽ chẳng thể nghĩ bàn.**

Hơn nữa, một pháp trì chú rất giống như pháp khán thoại đầu. Pháp khán thoại đầu dùng một câu vô nghĩa để dứt trừ phân biệt phàm tình hòng chứng Chân Trí sẵn có. Pháp trì chú chẳng cần hiểu nghĩa lý câu chú, cứ chí thành khẩn thiết mà trì, dốc lòng thành đến cùng cực, tự sẽ được nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận phước cao, lợi ích chẳng thể nghĩ bàn được!

6. LUẬN VỀ XUẤT GIA

* Phật pháp chính là pháp chung cho cả chín pháp giới, không một ai là chẳng nên tu theo, cũng như không một ai chẳng thể tu nổi! Người trì trai, niệm Phật thì nhiều, nhưng tính đến những người có thể làm cho đạo pháp hưng long, phong tục thuần thiện chỉ sợ chẳng được mấy, những người làm được như vậy càng nhiều càng tốt. Xuất gia làm Tăng chính là để gìn giữ cũng như lập bày phương cách lưu truyền đạo pháp của Như Lai.

Có những người lập chí hướng thượng, phát Bồ Đề tâm, triệt ngộ tự tánh, tam học (Văn - Tư - Tu) sâu rộng, nhưng lại đặc biệt tán dương Tịnh Độ ngõ hầu mau chóng thoát khỏi vòng khổ ải ngay trong một đời này, chỉ e số người này cũng chẳng được mấy ai, càng được nhiều người như vậy càng tốt. Còn như những kẻ có chút tín tâm, chẳng có đại chí hướng, muốn mượn danh nghĩa Tăng sĩ, ăn không ngồi rồi, ăn bám nhà Phật, mang danh con Phật, nhưng thật ra chỉ là gã cạo đầu, dẫu chẳng tạo ác nghiệp, cũng đã là hạt giống hư, là phé nhân đối với đất nước. Nếu lại còn phá giới, tạo nghiệp, điểm nhục Phật pháp, dù lúc sống trốn được

quốc pháp, chết đi chắc chắn đọa vào địa ngục. Đối với pháp, đối với mình đều chẳng lợi ích. Một gã như thế còn chẳng nên có, huống chi là nhiều!

Cổ nhân bảo: “Xuất gia là việc của bậc đại trượng phu, chẳng phải hạng loàng xoàng làm được”, đây chính là lời chân thật, chẳng phải là lời hạ thấp hạng loàng xoàng để đề cao Tăng-già đâu! Ấy là vì đối với việc gánh vác gia nghiệp của Phật, tiếp nối huệ mạng của Phật, nếu chẳng phải là người phá vô minh khôi phục bản tánh, hoằng dương pháp đạo lợi lạc chúng sanh thì sẽ chẳng thể làm được. Nay những kẻ làm Tăng phần nhiều là hạng thô bỉ, bại hoại, vô lại, mong được sống an nhàn, thanh thoi; kẻ chịu trì trai niệm Phật còn chẳng có mấy, huống hồ là người có thể gánh vác gia nghiệp, tiếp nối huệ mạng ư? Hiện tại Phật pháp sa sút đến tận đất đen là vì Thanh Thế Tổ (Thuận Trị) chẳng xét thời cơ, chẳng tuân Phật chế, thay đổi cách khảo thí tăng sĩ của triều đại trước (nhà Minh), bỏ luôn độ điệp, cho phép ai nấy tùy ý xuất gia, gây thành mối tệ vậy!

* Cho tùy ý xuất gia, đối với bậc thượng sĩ thật là có lợi ích lớn, nhưng đối với kẻ hạ căn lại là sự tổn hại rất lớn. Nếu như toàn thể thế gian đều là bậc thượng sĩ, cố nhiên pháp tắc này rất hữu ích đối với đạo pháp; thế nhưng bậc thượng sĩ hết như vảy lân, kẻ hạ căn nhiều như lông bò. Chỉ tạm hữu ích ngay trong lúc ấy (từ đầu nhà Thanh cho đến thời Càn Long, thiện tri thức nhiều như rừng, nên bảo là “hữu ích”), họa lan sâu hậu thế; cho đến hiện tại, mối tệ ô tạp, lạm dụng đã đến mức cùng

cực. Dù có thiện tri thức muốn chinh đốn một phen cũng chẳng thể làm gì được, chẳng đáng buồn ư?

Từ rày về sau, người xuất gia điều thứ nhất là phải thật sự phát khởi Đại Bồ Đề tâm tự lợi lợi tha, thứ hai là phải có thiên tư hơn người mới cho xuống tóc, không vậy không được. Còn người nữ có tín tâm hãy bảo họ tu hành tại gia, vạn vạn phần chẳng nên để họ xuất gia, chỉ sợ gặp phải kẻ phóng túng khiến Phật môn bị ô uế, bại hoại chẳng nhỏ. Nếu người nam tu hành thật sự, xuất gia càng dễ, bởi họ tham phỏng tri thức, y chỉ từng lâm nào cũng được. Người nữ dù là bậc chân tu xuất gia cũng khó, bởi lẽ làm gì cũng dễ bị miệng đời dèm xiêm, việc gì cũng khó thể tùy ý được. Chọn lựa để thế độ người, chẳng độ Ni chúng như thế chính là nghĩa lý trọng yếu bậc nhất để hộ trì Phật pháp, chỉnh lý pháp môn trong đời Mạt vậy!

* Người đời nay hay coi xuất gia như một phương cách sống trốn tránh, lười nhác, an nhàn. Tệ nhất là kẻ không còn sanh lộ nào khác, lấy xuất gia làm kế sống trộm qua ngày. Bởi thế người xuất gia hiện tại đa phần là hạng vô lại, đạo pháp bị quét sạch sành sanh đều là vì hạng xuất gia bại hoại như thế gây nên nổi cả!

* Tăng nhân đời nay khó thể khiến người khác tin tưởng nổi. Nay đã truy điệu Tăng nhân, lẽ nào lại phỉ báng Tăng nhân. Nếu nêu lên những điều tốt lành của họ để răn nhắc những kẻ bất thiện thì chẳng mắc lỗi gì. Nhưng nếu mình đã thuộc vào hàng học trò thì việc răn nhắc cũng nên

châm chước; việc răn nhắc ấy chỉ hàng đức cao trọng vọng mới thực hiện được, chẳng phải là việc nên làm của loài chim non miệng vàng vậy!

* Hàng xuất gia nếu chẳng phải chân tu, tập khí đầu đường xó chợ còn tệ hơn kẻ tục. Nếu muốn xa lìa tập khí ấy thì trước hết phải hiểu rõ hết thấy các pháp thế gian đều là khổ, là không, là vô thường, là vô ngã, là bất tịnh, thì ba độc tham - sân - si không cách nào khởi lên được. Nếu vẫn chưa chế ngự chúng được, hãy dùng trung - thứ - nhẫn nhục để đối trị ắt chúng sẽ tự dứt. Nếu vẫn chưa dứt thì phải tưởng mình như đã chết, tự nhiên vô biên phiền não sẽ hóa thành thanh lương.

* Chỉ hạng Thích Tử chúng ta mới lấy việc thành đạo lợi sanh làm cách báo ân tối thượng, chẳng những báo đền cha mẹ nhiều đời, mà còn báo đáp hết thấy cha mẹ trong tứ sanh lục đạo từ vô lượng kiếp. Chẳng những chỉ hiếu kính khi cha mẹ còn sống mà còn phải độ thoát linh thức của cha mẹ khiến họ được vĩnh viễn thoát khỏi khổ luân, thường trụ Chánh Giác. Bởi thế mới nói: đạo hiếu của nhà Phật ẩn mật khó sáng tỏ ra vậy.

Tuy nhiên, đạo hiếu của Nho gia lấy việc phụng dưỡng cha mẹ làm đầu. Như đạo Thích tử biệt cha mẹ đi xuất gia, có phải là chẳng đoái hoài đến việc phụng dưỡng cha mẹ chẳng? Phật chế định: Xuất gia phải thưa cùng cha mẹ. Nếu có anh em, con cháu để gởi gắm cha mẹ mới được bảm thính với cha mẹ. Cha mẹ có đồng ý mới được xuất gia. Nếu không, chẳng chấp thuận cho kẻ ấy được xuống tóc.

Sau khi xuất gia xong, nếu như anh em gặp biến cố, cha mẹ không chỗ nương nhờ, người xuất gia cũng được phép chia sót y bát để phụng dưỡng song thân. Vì thế, mới có gương thơm hiếu dưỡng với mẹ của Ngài Trường Lô (Ngài Trường Lô Trách Thiên Sư đời Tống, người xứ Tương Dương. Lúc nhỏ mồ côi cha, mẹ họ Trần, được bảo bọc nơi nhà cậu. Đến lúc lớn, sư thông suốt sách vở thế gian. Năm hai mươi chín tuổi xuất gia, hiểu sâu xa yếu chỉ nhà Thiên, sau trụ trì chùa Trường Lô, đón mẹ về ở phòng phía Đông phương trượng, khuyên mẹ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ suốt bảy năm trời. Bà mẹ niệm Phật qua đời. Xem sự tích này trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục), chuyện lạ chôn cha của Ngài Đạo Phi (Đạo Phi thuộc hoàng tộc nhà Đường, người Trường An, mới vừa đầy năm, cha bỏ mình vì việc nước. Bảy tuổi xuất gia, đời loạn lạc, gạo thóc đắt đỏ, sư bèn cống mẹ vào Hoa Sơn, tự nhịn ăn, khát thực nuôi mẹ. Năm sau, sư đến chiến trường Hoắc Sơn, thu nhặt xương trắng, chí thành tụng niệm Kinh chú, cầu tìm được xương cha. Mấy ngày sau, xương cha trôi lên giữa đồng xương, hiện ngay trước mặt Ngài Đạo Phi. Ngài bèn bọc lấy xương tàn, ôm về chôn cất. Xem trong Tổng Cao Tăng Truyện).

Bởi thế Kinh dạy: “Công đức cúng dường cha mẹ bằng với công đức cúng dường Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát”. Cha mẹ còn sống, phải khéo léo khuyên dụ trì trai, niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Cha mẹ mất rồi, dùng công đức đọc tụng, tu trì của chính mình, luôn chí thành hồi hướng cho cha mẹ ngõ hầu cha mẹ vĩnh viễn thoát khỏi

ngũ trực, mãi mãi già biệt sáu đường, chứng Vô Sanh Nhẫn, đạt đến địa vị Bất Thoái, độ thoát chúng sanh đến tận cùng đời vị lai, khiến mình lẫn người đều thành đạo Chánh Giác. Có vậy mới chẳng giống với sự đại hiểu thông thường của thế gian.

* Xuất gia làm Tăng phải vì chuyên chí Phật thừa, lập bày cách duy trì đạo pháp, chứ chẳng phải là chỉ có thành Tăng thì mới có thể tu trì Phật pháp.

7. LUẬN VỀ BẢNG PHẬT

* Hễ ai đời trước quả thật có gieo căn lành, chẳng cần biết là vì học hỏi hay vì cầu đạo, thì đều có thể tạo thành mầm mống đại sự xuất thế. Tham, sân, si, hoặc nghiệp phiền não, các thứ ác báo như tật bệnh liên miên đều là nhân duyên xuất ly sanh tử nhập Phật pháp, miễn sao người ấy tự có thể phản tỉnh hay không.

Nếu chẳng thể tự phản tỉnh, đừng kể chi hạng người tầm thường thấp thỏi bị thế giáo buộc ràng, ngay cả những người như Hối Am, Dương Minh, Tĩnh Tiết, Phóng Ông v.v... dù học vấn, trình độ, mức tu dưỡng đều kỳ đặc, trác tuyệt, rốt cục vẫn chẳng thể triệt ngộ tự tâm, liễu thoát sanh tử. Cái học vấn, tu dưỡng, sự hiểu biết của họ có thể làm cơ sở cho vô thượng diệu đạo, nhưng vì chẳng thể tự phản tỉnh nên rốt cuộc lại thành chướng đạo. Đủ thấy nhập đạo thật khó, khó còn hơn lên Trời nữa!

* Phật thấy chúng sanh đều là Phật. Chúng sanh thấy Phật đều là chúng sanh. Do Phật thấy chúng sanh đều là Phật nên tùy thuận cơ nghi mà thuyết pháp, mong họ tiêu trừ được vọng nghiệp, tự chứng được cái

mình vốn sẵn có. Dù hết thấy chúng sanh đều chúng được Niết Bàn rốt ráo, Phật trọn chẳng thấy mình là người cứu độ, chúng sanh là người được độ bởi họ vốn dĩ là Phật.

Do chúng sanh thấy Phật là chúng sanh nên chín mươi lăm phái ngoại đạo ở Tây Thiên (Ấn Độ) cùng bọn nho sĩ câu nệ, rỗng tuếch xứ này không ai là chẳng dốc sạch tâm lực hủy báng đủ cách mong sao Phật pháp diệt sạch hoàn toàn chẳng còn tung tích gì thì lòng mới khoái. Nhưng mặt trời chói lợi giữa hư không, toan dùng hai tay che kín, càng khiến quang minh của Phật pháp càng thêm tỏ rõ, càng bộc lộ cái nông cạn, hèn kém của chính mình mà thôi!

Người có túc căn do nhân duyên báng Phật, bài Phật bèn lại được quy y Phật pháp, làm đệ tử Phật, thay Phật hoằng dương, giáo hóa. Người không túc căn sẽ vì nghiệp lực ấy vĩnh viễn đọa trong A Tỳ địa ngục. Đợi đến lúc nghiệp báo hết rồi, thiện căn được nghe danh hiệu Phật trong kiếp xưa sẽ phát hiện, nhờ đó mới được nhập Phật pháp, sẽ tạm gieo thiện căn. Đến khi nghiệp tận tình không, khôi phục lại cái mình vốn sẵn có mới thôi.

Phật ân thật là rộng lớn sâu xa cùng cực, chẳng thể hình dung nổi! Một câu gieo vào tâm, mãi mãi là hạt giống đạo. Ví như nghe tiếng cái trống có bôi thuốc độc, xa gần đều chết tươi; ăn chút kim cương, quyết định chẳng tiêu được. Tin được như vậy mới gọi là chánh tín.

* Phật pháp không điều nào lớn lao chẳng bao gồm, không điều nhỏ nhặt nào chẳng nêu. Ví như một cơn mưa thấm ướt khắp cả, cây cỏ cùng

được tươi tốt, cái đạo “tu thân, tề gia, trị quốc” không gì là chẳng đủ. Xưa nay, văn chương chỉ thịnh một thời, nhưng công nghiệp đồn lan vũ trụ. Phàm những ai chí hiếu, nhân từ, ngàn đời cùng ngưỡng mộ. Con người mới chỉ biết dõ theo vết tích, chưa biết tìm đến gốc.

Nếu khảo sát kỹ đến cội nguồn, sẽ thấy tinh thần, chí khí, tiết tháo của những vị ấy đều được vun bồi bởi việc học Phật. Chẳng cần phải nhắc tới những chuyện khác, ngay như tâm pháp do hàng Thánh nhân Tống Nho đề xướng ra cũng vẫn phải mượn Phật pháp làm khuôn mẫu, hướng hồ là những chuyện khác! Bọn Tống Nho khí lượng hẹp hòi, muốn hậu thế nghĩ chính họ đã phát minh ra tâm pháp ấy, bèn thốt lên những lời báng Phật, hồng khoa lấp cái tội mượn trộm Phật pháp. Từ Tống sang Nguyên, tới Minh, không đời nào chẳng vậy.

Cứ thử tận tâm khảo sát, không ai là chẳng được lợi ích nơi Phật pháp. Họ giảng về tịnh tọa, giảng về tham cứu cho thấy họ có dụng công; lâm chung biết trước lúc đi, cười nói rồi qua đời chính là những điểm biểu lộ cuối cùng của họ. Những mẫu chuyện, những sự tích như vậy chép đầy trong các truyện ký Lý học, nào phải chỉ có một chuyện. Học Phật có phải là mối lo cho xã hội hay chẳng?

* Bản thể của Nho và Phật đương nhiên chẳng hai. Về mặt công phu của Nho và Phật, nếu chỉ bàn hời hợt sẽ thấy rất tương đồng, nếu bàn sâu sẽ thấy khác nhau như trời với đất. Vì sao như vậy? Nho lấy Thành (chân thành) làm gốc, Phật lấy Giác làm tông.

Thành chính là “minh đức” (cái đức sáng tỏ), do Thành khởi Minh, do Minh nên có Thành. Hễ Thành và Minh hợp nhất sẽ “minh minh đức” (làm sáng tỏ cái đức sáng ngời). Giác có Bồn Giác và Thi Giác. Do Bồn Giác mà Thi Giác phát khởi, dùng Thi Giác để chứng Bồn Giác. Thi và Bồn hợp nhất tức là thành Phật. Bồn Giác tức là Thành, Thi Giác là Minh. Nếu thuyết pháp như thế thì Nho và Phật trọn chẳng khác gì nhau.

Các hạ bảo mình “học Phật, học Không, thấy Lý chẳng ngoài một chương sách Đại Học là điều quyết định chẳng còn ngờ vực gì nữa”; đấy chỉ là bàn luận một cách nông cạn. Nếu luận về mặt thứ lớp sâu cạn của công phu tu chứng thì đại để tương đồng, nhưng sở chứng, sở đạt bất đồng rất lớn. Nho chỉ có thể “minh minh đức”, há có thể đoạn trọn Tam Hoặc, đầy đủ cả phước lẫn huệ như Phật chẳng? Há có thể như Bồ Tát chứng Pháp Thân, phá một phần vô minh, thấy một phần Phật tánh hay chẳng? Há có thể như Thanh Văn, Duyên Giác đoạn sạch Kiến Hoặc lẫn Tư Hoặc hay chẳng?

Điều thứ ba, dù Thanh Văn chỉ đoạn được Kiến Tư Hoặc là hạng thấp kém nhất, nhưng các Ngài đã đắc lục thông tự tại. Bởi thế, Ngài Tử Bách nói: “Nếu bông vọng tình xuống được thì dù là vách núi vẫn có thể đi xuyên qua được”. Sơ Quả còn phải bảy lượt sanh lên trời, bảy lần sanh xuống nhân gian, nhưng đạo lực của các Ngài đã đạt tới mức tùy ý chẳng phạm sát giới. Vì thế, các Ngài đi đến đâu, loài trùng giạt ra cả. Do đó, mới nói: “Sơ Quả cày đất, trùng tránh xa bốn tấc”, huống hồ là Nhị, Tam, Tứ Quả ư!

Hãy khoan nói tới những người học theo Nho Giáo cái đã, hãy bàn về Thánh nhân thôi. Cố nhiên, đa phần Thánh nhân là bậc đại quyền thị hiện. Không nói tới bốn địa của các Ngài, nếu chỉ căn cứ trên mặt Tích, e rằng các Ngài còn chưa thể đoạn sạch được Kiến Hoặc, Tư Hoặc như thế được, huống hồ là sánh với các vị Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi địa vị phá vô minh, chứng pháp tánh ư? Cho dù bảo “minh minh đức” tạm ngang ngửa với “phá vô minh” đi nữa, phải nhớ rằng phá vô minh có bốn mươi một địa vị, “minh minh đức” có ngang bằng được với địa vị đầu tiên là Sơ Trụ hay chẳng? Có ngang bằng được với địa vị cuối cùng là Đẳng Giác hay chẳng? Dù “minh minh đức” có ngang ngửa với địa vị Đẳng Giác đi nữa, đối với minh đức vẫn chưa thể minh đến cùng cực được! Phải đến khi phá được một phần vô minh mới đáng gọi là “Thành - Minh hợp nhất, Thi - Bản vô nhị” vậy!

Do lẽ đó, tôi nói: “Xét về Thể thì đồng, nhưng phát huy công phu chứng đạt chẳng đồng!” Người đời vừa nghe nói “đồng” bèn tưởng Nho Giáo bao gồm trọn Phật giáo, nghe nói “khác” bèn tưởng Phật giáo hoàn toàn khác với Nho giáo. Họ chẳng biết đến nguyên ủy “đồng nhưng bất đồng, bất đồng nhưng đồng”; bởi thế, cứ tranh luận tung bưng, ai nấy lo bảo vệ môn đình của mình, ai nấy đều đánh mất tấm lòng tri thể độ nhân của Phật, Bồ Tát cả!

* Kể từ khi đại pháp truyền vào Trung Quốc, Đế vương các đời không ai chẳng sùng phụng Phật giáo; chỉ có Tam Võ hủy diệt Phật Giáo, nhưng người kế vị lại hưng thịnh Phật giáo. Ví như tiết Đông, đông cứng lại chắc nịch để thành tựu vẻ tươi tốt, sum suê cho tiết Xuân, tiết Hạ. Mặt

trời chói lọi giữa hư không, toan dùng hai tay che lấp; ngửa mặt khắc nhỏ trời, chính mình bị giây bản.

Tam Võ là Ngụy Thái Võ, Châu Võ Đế, Đường Võ Tông. Thoạt đầu họ đều thâm tín Phật pháp, dốc ý tu tập. Ngụy Thái Võ tin lời sàm hoặc của Hoắc Hạo, Châu Võ Đế tin lời sàm tấu của Vệ Nguyên Tung, Đường Võ Tông tin lời vu báng của Lý Đức Dụ và đạo sĩ Triệu Quy Chân.

Hủy diệt Phật pháp chưa lâu la gì, cả người chủ xướng lẫn kẻ tán trợ đều mắc phải ương họa cùng cực. Ngụy Võ Đế phế Phật rồi, chưa đầy năm sáu năm, Hoắc Hạo bị diệt tộc, bản thân Ngụy Võ Đế cũng bị ám sát. Con lên nối ngôi lại ra sức phục hưng Phật giáo.

Sau khi Châu Võ Đế phế Phật, Nguyên Tung bị biếm truất và xử tội chết, khoảng năm sáu năm sau, vua thân mắc ác tật, khắp mình lở loét, chết chưa đầy ba năm, Tùy Văn Đế lên ngôi lại phục hưng Phật giáo.

Đường Võ Đế phế Phật rồi, chưa đầy một năm sau, Quy Chân bị tru lục, Đức Dụ chết trên đường bỏ trốn, Võ Tông uống kim đan của đạo sĩ dâng, lưng nổi nhọt loét mà chết. Tuyên Tông lại phục hưng Phật giáo.

Tống Huy Tông lúc đầu cũng thâm tín Phật pháp, sau nghe lời yêu vọng của đạo sĩ Lâm Linh Tố, bắt đổi tượng Phật thành hình tượng Đạo giáo, xưng Phật là Đại Giác Kim Tiên, gọi Tăng là “đức sĩ”, bắt Tăng mặc áo đạo sĩ, mỗi khi làm lễ Tăng phải ngồi phía sau đạo sĩ. Hạ chiếu chưa lâu, kinh thành bị lụt lớn khác gì hồ, biển. Vua tôi hoảng sợ, sai Linh Tố trị thủy, càng phù phép nước càng dâng tràn. Chợt có bậc đại Thánh Tăng Già xuất hiện trong cung cấm, vua đốt hương van nài, Tăng

Già chống tích trượng lên mặt thành, nước liền rút sạch. Vua liền hạ chiếu phục hồi quy chế Phật giáo như cũ. Chưa đầy sáu bảy năm sau, cha con cùng bị giặc Kim bắt đi. Người Kim phong Huy Tông làm Hôn Đức Hầu, Khâm Tông làm Trọng Hôn Hầu, cha con cùng chết tại thành Ngũ Quốc.

•Phật là Đại Sư ba cõi, cha lành cả bốn loài, bậc Thánh của các Thánh, là trời trong trời, dạy người bỏ vọng về chân, nghịch trần hợp giác, dứt trừ hoặc nghiệp huyễn vọng, khôi phục tâm tánh vốn sẵn có. Cảm ân, báo đức, hộ trì lưu thông Phật pháp còn chưa đủ, huông hồ là cậy vào thế lực nhất thời, đoạn diệt huệ nhãn của chúng sanh, cắt đứt con đường bằng phẳng của trời người, đào hố sâu địa ngục, ắt chuốc quả báo nhãn tiền, luân hồi muôn kiếp, để tiếng xấu cho đời, thật đúng là tấm gương đành rành vậy!

* Cái rộng, dày, cao, sáng nhất trong thế gian không gì bằng trời, đất, nhật, nguyệt; nhưng mặt trời chính ngọ rồi phải xế bóng, trăng tròn rồi phải khuyết, bờ cao sụp thành hang, hang sâu đùn thành gò, biển xanh biến thành ruộng dâu, ruộng dâu biến thành biển xanh.

Xưa nay, bậc đạo cao đức trọng không ai bằng Không Tử, vẫn bị tuyệt lương ở đất Trần, bị hãm nơi đất Khuông, chu du các nước, chẳng gặp được vua hiền; chỉ có một đứa con, tuổi vừa năm mươi đã chết mất, may còn một cháu để duy trì dòng dõi. Từ đấy tính xuống, Nhan Uyên đoán mạng, Nhiễm Bá Ngưu cũng đoán mạng, Tử Hạ bị mù, Tả Khâu Minh cũng bị mù, Khuất Nguyên trầm mình dưới sông (Khuất Nguyên tận

trung bị gian thần sàm tấu. Về sau vì Sở Hoài Vương bị vua Tần bắt giữ, ông khôn ngoan phần uất, nhưng chẳng làm gì được bèn tự trầm nơi sông Mịch La vào ngày mồng Năm tháng Năm), Tử Lộ bị bằm nát như tương (Tử Lộ làm quan ở nước Vệ. Vệ Khoái Công hồ đồ bị con giành ngôi, Tử Lộ tử nạn, bị địch quân bằm nát như).)

Trời, đất, nhật, nguyệt còn chẳng thể thường hằng bất biến; đại Thánh, đại hiền cũng chẳng thể chỉ gặp toàn thuận lợi chẳng có nghịch cảnh; chỉ những ai biết vui theo mạng trời, dù gặp cảnh ngộ nào cũng đều an vui cả; thế nhưng mấy trăm ngàn năm sau, từ thiên tử cho đến thứ dân không ai là chẳng kính ngưỡng những vị ấy. Nếu cứ dựa trên tình cảnh khi ấy mà luận, tựa hồ họ chẳng có phước báo gì; nhưng nếu dựa trên đạo hạnh lưu truyền hậu thế để luận, ai có phước hơn nổi những vị ấy chẳng?

Người sanh trong cõi đời ngàn tính vạn toán làm đủ mọi chuyện xét đến cùng cực chẳng qua chỉ để thân mình no ấm, con cháu quý hiển mà thôi! Thế nhưng, vải thô cũng che được thân, cần gì phải lượt, là, the, vóc; miếng dưa cho qua bữa, cần gì phải cá, thịt, hải sản? Con cháu thì hoặc đọc sách, hoặc cấy cày, hoặc buôn bán để tự nuôi thân, cần gì phải giàu đến trăm vạn?

Vả những kẻ mưu tính sao cho con cháu được giàu sang đến vạn đời, chắc không ai hơn được Tần Thủy Hoàng! Vua Tần thôn tính sáu nước, đốt sách, chôn Nho sĩ, thân binh khí trong thiên hạ đúc thành chuông lớn, không điều nào chẳng nhằm mục đích khiến dân ngu yếu chẳng thể làm loạn được. Nào ngờ Trần Thiệp vừa đứng lên, quần hùng đua nhau nổi

dậy. Họ Tần nhất thống sơn hà chưa quá mười hai, mười ba năm, thân đã diệt, nước đã mất, con cháu bị tru lục hết sạch; khác nào cắt cỏ nhổ tận rễ, không còn chút gì nữa! Muốn cho con cháu được an lạc, hóa ra lại khiến chúng mau bị chết sạch hết cả.

Tào Tháo làm Thừa Tướng thời Hán Hiến Đế, chuyên quyền, bất cứ điều gì hắn làm không ngoài mục đích giảm thế lực của vua, tăng oai quyền cho mình, mong sau khi mình chết đi, con mình sẽ xưng đế. Vừa chết đi, Tào Phi liền soán ngôi, thân cha chưa liệm, Phi đã chuyển hết các phi tần của cha sang cung mình. Tào Tháo chết đi, đọa mãi trong ác đạo hơn một ngàn bốn trăm năm. Đến đời vua Càn Long nhà Thanh, ở Tô Châu có kẻ mổ heo, thấy trên gan phổi heo có hai chữ Tào Tháo. Có kẻ lảng giềng trông thấy, sanh lòng hoảng sợ lớn, liền xuất gia, pháp danh là Phật An, nhất tâm niệm Phật liền được Vãng Sanh Tây Phương. Việc này có ghi trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Tào Tháo phí sạch tâm cơ mưu tính cho con cháu. Tuy con hắn được làm hoàng đế, nhưng chỉ ở ngôi được bốn mươi lăm năm liền bị diệt quốc. Hằng ngày lại còn phải đánh nhau với Đông Ngô và Tây Thục, có bao giờ được hưởng một ngày an vui đâu?

Tiếp đó, hai nhà Tấn (Tây Tấn và Đông Tấn), Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy và các nhà Lương, Đường, Tấn, Hán, Châu thời Ngũ Đại đều chẳng trường cửu, tựu trung nhà Đông Tấn tồn tại lâu dài nhất, nhưng chỉ được một trăm lẻ ba năm. Các triều khác thì hoặc là hai, ba năm, hoặc tám chín năm, mười năm, hai mươi năm, bốn mươi năm, năm mươi năm rồi liền diệt vong. Đây mới chỉ kể những triều đại chánh thống, còn như

những kẻ chiếm càn lãnh thổ, ngụy xưng vương triều, số ấy nhiều lắm, tồn tại còn ngắn ngủi hơn nữa.

Xét cái tâm thuở đầu của họ, không ai là chẳng muốn cho con cháu được an lạc, phú quý, tôn vinh; xét đến kết quả thực sự: lại khiến cho con cháu càng mau gặp phải kiếp nạn, bị tru lục, diệt môn tuyệt tộc. Dù quý như thiên tử giàu có như bốn biển, vẫn chẳng thể giữ cho con cháu đời đời hưởng phước, hưởng chi kẻ phàm phu trư trụi? Từ vô lượng kiếp đến nay, những ác nghiệp đã tạo còn dày hơn đại địa, sâu hơn biển cả, có đảm bảo gia đạo thường hưng thịnh, chỉ có phước không tai ương chăng?

Phải biết rằng: muôn pháp trong thế gian thấy đều hư giả, trọn chẳng chân thật, như mộng, như huyễn, như bọt nước, như bóng dáng, như sương móc, như ánh chớp, như bóng trăng in trong nước, như hoa đóm trên không, như ánh nước đọng lúc trời nóng, như thành Càn Thát Bà (Càn Thát Bà là tiếng Phạn, Hán dịch là Tâm Hương, là nhạc thần của Thiên Đế. Thành trì của họ huyễn hiện chẳng thật, như ta thường nói “thần lâu hải thị” vậy!).

Chỉ có mỗi một niệm tâm tánh của chính mình hằng cổ hằng kim (xưa nay luôn thường hằng), chẳng biến, chẳng hoại, tuy chẳng biến hoại nhưng thường tùy duyên. Do ngộ tịnh duyên liền thành Thanh Văn, thành Duyên Giác, thành Bồ Tát, thành Phật. Do công đức sâu hay cạn mà quả vị cao hay thấp. Do mê nhiễm duyên thì sanh lên trời, sanh trong nhân gian, đọa vào Tu La, đọa súc sanh, đọa ngạ quỷ, đọa địa ngục. Do tội

phước nặng hay nhẹ mà có khổ hay vui, thời gian thọ quả có dài hay ngắn. Nếu là kẻ chẳng biết Phật pháp, chẳng biết làm cách nào được!

Ông đã sùng tín Phật pháp, sao chẳng do nghịch cảnh ấy nhìn thấu tướng trạng thế gian, bỏ mê nhiễm duyên, theo ngộ tịnh duyên, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nhờ đó, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi lục đạo, cao đăng quả vị Tứ Thánh, há chẳng phải là nhờ cái họa nhỏ này mà thường hưởng phước lớn ư?

*** Phật ân thật là rộng lớn, trọn khắp, chẳng có cùng tận. Vì sao nói thế? Do hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật, nhưng vì mê chẳng ngộ, đến nỗi lại đem sức công Đức Phật tánh ấy dùng làm vào sáu trần cảnh, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, do Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp thọ báo, trải kiếp dài lâu luân hồi lục đạo, trọn chẳng có ngày ra. Trong những kiếp xưa, Phật đã biết rõ điều này, bèn phát đại nguyện muốn cho hết thảy chúng sanh trong khắp các pháp giới tận cõi hư không cùng ngộ được Phật tánh sẵn có, cùng thoát luân hồi sanh tử, cùng thành đạo Vô Thượng Chánh Giác, cùng nhập Vô Dư Niết Bàn.**

Từ đây, vì chúng sanh trong khắp pháp giới Ngài trải kiếp dài lâu hành đạo Bồ Tát, không việc gì có lợi ích mà Phật chẳng đề cao, tu trọn lục độ, chẳng chấp trước một pháp nào, hành hạnh khó làm, nhẫn được chuyện khó nhẫn. Phật bố thí quốc thành, vợ, con, đầu, mắt, tủy, não... không tiếc nuôi gì. Vì thế, Kinh Pháp Hoa nói: “Ta thấy đức Thích Ca Như Lai trong vô lượng kiếp, hành hạnh khó, hạnh khổ, tích công chứa

đức cầu Bồ Tát đạo chưa từng dừng nghỉ. Xem khắp tam thiên đại thiên thế giới, thậm chí chẳng có chỗ nào nhỏ bằng hạt cải mà chẳng phải là chỗ Bồ Tát xả thân mạng vì chúng sanh cả! Sau đấy mới được thành Bồ Đề đạo”.

Chỉ một hạnh bố thí dù thọ cả kiếp còn chẳng thể nói hết, huống hồ là các hạnh khác như Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Trí Huệ và Tứ Nhiếp, vạn hạnh ư? Mãi cho đến khi Hoặc nghiệp hết sạch, phước huệ viên mãn, triệt chứng tự tâm, thành đạo Vô Thượng, Phật bèn vì khắp các chúng sanh giảng pháp mình đã chứng, chỉ vì để ai nấy đều chứng được pháp Ngài đã chứng. Thế nhưng thượng căn ít ỏi, trung căn, hạ căn lại nhiều; cho nên Phật lại tùy cơ lập giáo, khiến ai nấy tùy phận được lợi.

Đến khi việc một đời đã xong, Phật bèn nhập Niết Bàn, nhưng vẫn chẳng bỏ tâm lòng đại bi, lại thị hiện thành Chánh Giác trong thế giới khác để tiếp tục tế độ. Phật thị hiện sanh trong cõi này hay cõi khác như thế, chẳng thể dùng toán số, thí dụ để tính được nổi. Ví như vàng mặt trời chói lợi vì chiếu thế gian nên mọc lặn chẳng ngừng, cũng như người đưa thuyền vì đưa người qua sông nên qua lại chẳng ngừng!

* Phật nghĩ thương xót chúng sanh từ vô thủy trước đến tận vị lai sau, trên đến bậc Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến lục đạo phàm phu, không một ai chẳng thuộc trong vòng đại bi thế nguyện của Ngài. Ví như hư không bao trùm hết thấy, từ sâm la vạn tượng cho đến trời đất đều bị hư không bao trùm cả. Cũng lại như ánh sáng mặt trời chiếu khắp muôn phương,

dù kẻ sanh manh trọn đời chẳng thấy được ánh sáng vẫn được ánh mặt trời soi tới, được sống đúng nghĩa con người. Nếu như không có ánh mặt trời chiếu thấu, sẽ chẳng có duyên sanh sống được; như vậy thì nào có phải là cứ phải đích thân thấy được ánh sáng thì mới được thọ ân ư?

Kẻ thế trí biện thông đem cái hiểu biết câu nệ, rỗng tuếch của mình để chê bai, phản bác Phật pháp, bảo là: “Phật pháp làm hại Thánh đạo, dối đời lừa người”, trọn chẳng khác gì kẻ sanh manh chửi mặt trời, bảo mặt trời chẳng có quang minh! Hết thầy ngoại đạo đều lấy trộm nghĩa lý trong Kinh Phật rồi làm như chính đạo mình có giáo nghĩa ấy; có kẻ còn trộm danh Phật pháp để hành tà pháp. Do đó ta biết rằng Phật pháp chính đạo gốc của mọi pháp thế gian, xuất thế gian. Ví như biển cả chảy ngầm dưới mặt đất, những chỗ đầy ắp nước, chảy thành dòng thì là vạn con sông, nhưng không con sông nào lại chẳng đổ vào biển cả.

- Những kẻ báng Phật kia phải đâu là báng Phật, mà là báng chính mình đó. Bởi vì một niệm tâm tánh của họ toàn thể là Phật. Từ đầu Phật đã dùng bao cách thuyết pháp, giáo hóa như thế những mong họ bỏ mê về chân, tự chứng Phật tánh chính mình sẵn có mới thôi. Do Phật tánh đáng tôn trọng nhất, đáng yêu tiếc nhất, nên Phật chẳng hề tiếc công như vậy, dù họ chẳng tin nhận, Phật cũng chẳng nở buông bỏ. Nếu như chúng sanh chẳng sẵn có Phật tánh, chẳng kham làm Phật, nhưng Phật cứ uông công bày cách như thế thì Phật chính là kẻ si dại bậc nhất trong thế gian, mà cũng là kẻ đại vọng ngữ bậc nhất trong thế gian, lẽ nào tám bộ trời rồng, Tam Thừa Thánh Hiền lại cùng chịu hộ vệ, y chỉ Phật ư?

* Phật xem hết thấy chúng sanh giống như con một, yêu thương không thiên vị ai, luôn muốn cho chúng sanh được độ thoát, vì hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, đều kham làm Phật. Bởi thế, dù là hạng Nhất Xiển Đề tuyệt chẳng có tín tâm, Phật không hề có một niệm buông bỏ. Nếu đúng cơ duyên, họ sẽ tự sanh lòng tin, quy y, y giáo tu trì ngô hầu đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử.

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Mười phương Như Lai thương xót chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con bỏ trốn, mẹ dù nhớ cũng chẳng làm gì được! Nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con, từ đời này sang đời khác mẹ con chẳng hề xa nhau. Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật thì trong hiện tại hoặc trong tương lai nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa như người nhiễm hương, thân có mùi thơm”.

Kinh Pháp Hoa dạy: “Nếu có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sanh chịu các khổ não, nghe đến Bồ Tát Quán Thế Âm này, nhất tâm xưng danh thì Quán Thế Âm Bồ Tát liền lập tức xem xét âm thanh ấy, khiến họ đều được giải thoát”.

Kinh còn chép: “Vị Quán Thế Âm Bồ Tát này hay ban cho sự không sợ hãi cho những chỗ hoảng sợ, nạn gấp nên thế giới Sa Bà này đặt tên cho Ngài là Thí Vô Úy”.

Ấy là vì xét về thể thì tâm của chúng sanh và tâm của Phật, Bồ Tát chẳng khác gì nhau, chỉ vì chúng sanh mê muội, trái giác theo trần, đến nỗi đây kia ngăn cách, chẳng được chở che. Nếu như trái trần xuôi giác,

một dạ xung danh, sẽ tự nhiên cảm ứng đạo giao, Phật, Bồ Tát rủ lòng từ gia bị, dù gặp hiểm nạn cũng thành yên vui!

* Điều trọng yếu trong việc học đạo là đối trị tập khí. Thường có kẻ học vắn càng sâu, tập khí càng thành. Ấy là vì coi học đạo giống như học nghề, cho nên càng học nhiều, càng nghịch đạo. Đó chính là cội nguồn khiến cho cả Nho lẫn Thích trong nước ta cùng suy cả!

8. LUẬN VỀ ĐẠO THẦY TRÒ

* Những mối quan hệ lớn (ngũ luân) trong đời người tính ra chỉ có năm, tức là vua - tôi, cha - con, anh - em, vợ - chồng, bạn bè. Cha sanh, thầy dạy, vua nuôi, ba mối quan hệ này tương đương nhau, sao trong Ngũ Luân chẳng kể đến thầy; chẳng biết rằng thầy có đức tánh giáo huấn ta thành người nên thầy cũng như cha. Kế đến, có công khuyên dụ, khen thưởng, khuyến khích để ta được thành tài nên thầy cũng như anh. Vì thế, Mạnh Tử nói: “Thầy là cha anh”. Tiếp đó, thầy khiến ta mở mang, đôi bên cùng được lợi ích như hai vầng trăng chiếu lẫn nhau, hai tay vịn vào nhau nên thầy cũng như bạn (Trong chữ Bằng Hữu, Bằng gồm hai chữ Nguyệt ghép lại; chữ Hữu giống như hai tay vịn vào nhau). Bởi thế nhà Phật hay nói: “Tâm sư phỏng hữu” (tìm thầy kiếm bạn).

9. LUẬN VỀ GIỚI LUẬT

* Pháp môn dù nhiều, nhưng tất cả gồm trọn chẳng sót trong ba môn Giới - Định - Huệ. Vì thế Kinh Lăng Nghiêm nói: “Nhiếp tâm là Giới, do Giới sanh Định, do Định phát Huệ. Do vậy gọi là Tam Vô Lậu Học”.

Nhưng trong ba môn này, chỉ có Giới là trọng yếu nhất. Bởi lẽ, trì giới chính là chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Hạnh ấy gần với Phật, tâm ấy chẳng đến nỗi trái nghịch với Phật.

Vì thế, trong Kinh Phạm Võng, Đức Như Lai vì chúng sanh nói lời bảo chứng rằng: “Ta là Phật đã thành, các ông là Phật chưa thành. Nếu tin được như vậy thì giới phẩm đã đầy đủ”. Ngài còn nói: “Chúng sanh nhận lãnh giới của Phật là nhập vào địa vị Phật; địa vị đã giống như Đại Giác rồi, thật sự là các con của Phật”. Vì vậy, một pháp Trì Giới chính là đạo trọng yếu đệ nhất để siêu phàm nhập Thánh, liễu sanh thoát tử vậy.

* Chữ Luật chẳng chỉ riêng những hành vi thô phù mà thôi; nếu chẳng chú trọng lòng kính, giữ gìn lòng thành thì vẫn là phạm luật. Nhân quả là cốt tủy của Luật. Ai chẳng biết nhân quả và khinh mạn nhân quả đều là phạm luật. Người niệm Phật khởi tâm động niệm thường phù hợp với Phật thì Luật, Giáo, Thiền, Tịnh đều cùng thực hành cả.

10. LUẬN VỀ KINH ĐIỂN

* Nếu ai thiên tư thông minh, mẫn tiệp thì nghiên cứu tánh tướng các tông chẳng trở ngại gì, nhưng phải lấy pháp môn Tịnh Độ làm chỗ nương tựa, quay về, mới khỏi đến nỗi có nhân không quả, khỏi lâm vào cảnh biến diệu pháp liễu sanh thoát tử thành lời lẽ bàn suông cửa miệng, không cách gì được lợi ích thật sự! Phải nên chú trọng lòng kính, gìn giữ lòng thành, xem Kinh tượng như Đức Phật sống, chẳng dám khinh nhờn chút nào, mới hòng do lòng thành của chính mình lớn nhỏ thế nào mà sẽ đạt được các lợi ích sâu hay cạn.

Những người căn cơ chậm lụt, chỉ nên chuyên nghiên cứu pháp môn Tịnh Độ, nếu thật sự tin đến nơi, giữ thật vững, sẽ quyết định liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, siêu phàm nhập Thánh, so với những kẻ thông hiểu Kinh Luận sâu xa nhưng chẳng thực hành pháp môn Tịnh Độ kia, sự lợi hại khác xa hết như trời với đất vậy!

Đối với những kẻ vừa nói trên, chẳng cần biết tư cách như thế nào, trước hết cứ cho dùng liều thuốc một vị này thì bất luận là tà chấp, kiến giải làm lạc, ngã mạn, phóng túng đến đâu, đề cao Thánh cảnh nhưng tự mình đành ở địa vị kém cõi... đều do thuốc A Già Đà một vị trị chung vạn bệnh này, không một ai là chẳng dứt khoát lành bệnh cả!

* Phật pháp uyên thâm, kẻ đại thông minh dù tận hết tâm lực bình sanh vẫn còn có chỗ chưa thể nghiên cứu tường tận được. Nhưng Phật pháp tùy cơ lập giáo; nếu muốn hưởng lợi ích thật sự thì hãy nghiên cứu, tu trì pháp môn đặc biệt, siêu việt, lạ lùng là Tịnh Độ; đây thật sự là con đường trọng yếu tồn tại tâm lực vậy.

* Việc giảng Kinh Điển chẳng phải là chuyện dễ dàng, chỉ sợ thầy chẳng rành rồi đến thế. Nếu ủy nhiệm người khác làm, kẻ đó phải là người kiến thức lỗi lạc, thập phần tỉ mỉ, xét suy kỹ càng đôi ba lượt, tra cứu kỹ lưỡng mới có thể đính chánh những chỗ chép lầm, trừ sạch những điểm dơ tẻ khiến thiên chân được tỏ bày triệt để. Nếu không, sao chẳng cứ theo đúng dạng vẽ hồ lô may ra chẳng đánh mất sự chân xác sẵn có!

* Một bộ Kinh Hoa Nghiêm là vua của Tam Tạng, phẩm cuối cùng quy kết, đặt nặng nguyện vương. Nên tôn trọng Kinh Hoa Nghiêm,

nhưng chớ xem thường các Kinh khác vì các Kinh Đại Thừa đều lấy Thật Tướng làm bản thể.

Hoa Nghiêm vĩ đại vì là đại pháp xưng tánh cực đằm vượt ngoài các giới, chẳng thấu nhiếp các pháp Nhị Thừa. Điểm huyền diệu của Kinh Pháp Hoa là “hội tam quy nhất” (gộp ba thừa về một thừa), “khai Quyền hiển Thật, khai Tích hiển Bản”. Tông Thiên Thai cho rằng: “Pháp Hoa thuần viên độc diệu, Hoa Nghiêm vẫn còn nói kèm Quyền pháp” (chữ Quyền pháp chỉ các địa vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác).

Nhưng trong hội Pháp Hoa, Phật khen ngợi Pháp Hoa là vua của các Kinh, trong hội Hoa Nghiêm Phật cũng khen như thế. Lẽ nào kẻ hoẵng Kinh đời sau cứ nhất định phải căn cứ vào năm bộ lớn để phân định Kinh này cao, Kinh kia thấp, chẳng chấp nhận Kinh nào cũng có những điểm riêng đáng khen ngợi hay sao? Kẻ tu Thiên ca tụng Thiên, người tu Tịnh Độ tán dương Tịnh Độ; nếu không sẽ chẳng thể khiến người khác sanh chánh tín, khiến người khác kính ngưỡng.

Chỉ nên khéo hiểu ý nghĩa mỗi Kinh, đừng vướng vào từ ngữ mà lạc mất ý nghĩa. Mạnh Tử xưng tụng Không Tử là bậc Thánh chưa từng có trong loài người. Không Tử thấy vua Nghiêu trong canh, thấy vua Thuấn nơi tường, thấy Châu Công trong mộng. Lòng mong mỏi, hâm mộ ba vị Thánh của Ngài sao mà chí thành đến mức cùng cực như thế ấy!

* Tổ Thiện Đạo dạy người nhất tâm trì danh, đừng tu tạp nghiệp là vì sợ kẻ trung căn, hạ căn do tạp nghiệp tâm sẽ khó quy nhất, cho nên Ngài dạy chuyên tu. Tổ Vĩnh Minh dạy người “muôn điều thiện cùng tu” và “hồi hướng Tịnh Độ” là vì sợ hành nhân thượng căn thiên chấp, đến nỗi phước huệ chẳng thể xứng tánh viên mãn, cho nên Ngài dạy “viên tu” (tu trọn khắp).

* Kinh rách nát chẳng thể tu bỏ được nữa nếu đốt đi cũng không có lỗi gì. Nhưng nếu thấy còn có thể tu bỏ được thì đừng nên đốt đi. Nếu chẳng biết lẽ biến thông, cứ một mực chẳng dám thiêu, thì Kinh ấy rốt cuộc chẳng thể xem được, cũng chẳng thể cất giữ như Kinh còn tốt, lại trở thành khinh nhờn. Cái lỗi khinh nhờn ấy gây hại cho người lắm, há chẳng nên biết đến lẽ quyền biến hay sao?

* Trong các thứ thuốc đối chứng trị bệnh cho người hiện tại, nhân quả là vị thuốc bậc nhất, pháp Tịnh Độ là pháp nên tu bậc nhất. Bất luận căn tánh nào, chẳng thể không trước tiên tìm tòi học hỏi pháp nhân quả, pháp Tịnh Độ.

Còn về giáo tướng, phải chọn lựa người mà giảng giải, bởi những người học ai nấy đều có những điều phải học riêng, Phật học chỉ là học kèm theo mà thôi. Nếu là kẻ căn cơ nông cạn, ắt sẽ chuyên chú vào Giáo tướng, quăng Tịnh Độ ra sau ót, đến nỗi rốt cuộc thành hữu nhân vô quả, cho nên chớ giảng dạy chẳng xứng với căn cơ.

• Nay trong số những người tôn sùng Tướng tông cũng có tệ nạn ấy. Người đề xướng học Tướng tông chẳng thật sự vì liễu sanh thoát tử,

mà chỉ nhằm thông hiểu pháp tướng để có thể giảng nói mà thôi. Nếu như những kẻ đó hiểu “dùng tự lực để liễu sanh tử” là chuyện khó, ắt sẽ chẳng chuyên chú vào việc đó (tức là chỉ lo học cho hiểu Tướng tông) rồi bỏ qua pháp Tịnh Độ không thèm hỏi tới, hoặc còn chê bai là pháp nông cạn nữa. Những kẻ ấy đều thuộc loại ham cao chuộng trội, nhưng chẳng biết thế nào là cao trội cả. Nếu thật sự biết, dù có bị giết cũng chẳng chịu bỏ qua pháp môn Tịnh Độ, cứ cực lực tu hành. Học đạo thật là khó lắm vậy!

* Chúng sanh căn khí bất nhất; Như Lai từ bi vô lượng. Nếu ai thật sự chân thật, chí thành, cung kính niệm Phật thì đến lúc lâm chung, tự sẽ có những chuyện chẳng mong mỗi mà tự nhiên đạt được. Những lời lẽ của Ngài Tử Bách, Ngài Hám Sơn rất là thân thiết, nhưng hai vị đều là bậc tri thức trong Tông môn, nếu đem những lời đó nói với những người thật sự có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha thì sẽ có ích. Nhưng nếu nói với người chỉ có chút thiện căn, chưa thể chuyên tu thì họ sẽ nghĩ chuyện sanh Tây vượt quá khả năng của họ; từ đó họ sẽ đánh trống lùi. Thuyết pháp chẳng phù hợp căn cơ sẽ thành lời nói suông, đúng là như vậy đó.

* Pháp môn Niệm Phật lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông, lấy Bồ Đề tâm làm căn bản, lấy “tâm này làm Phật, tâm này là Phật” làm thật nghĩa “nhân thâu biến quả, quả tốt nguồn nhân”, lấy “nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối” làm công phu tối thiết yếu để hạ thủ. Lấy đó mà hành, và nếu tứ hoằng thệ nguyện lại chẳng lừa tâm, thì tâm sẽ hợp với Phật, tâm hợp với đạo, ngay trong đời này dự vào dòng Thánh, lâm chung lên ngay thượng phẩm, chẳng uổng cái đời này vậy!

11. LUẬN VỀ TRUNG ÁM

* Trung Âm tức là thần thức, chẳng phải là thần thức biến thành Trung Âm, thế tục gọi là “linh hồn”. Những thuyết “Trung Âm cứ bảy ngày lại một lần sống chết, bốn mươi chín ngày ắt sẽ đầu thai”... chẳng nên chấp nê. Trung Âm có sống chết là do vô minh trong tâm biến hiện tướng sanh diệt, đừng ngây ngô tưởng Trung Âm thật sự có sống chết như người trong thế gian. Trung Âm thọ sanh, nhanh thì trong khoảng khảy ngón tay liền vào tam đồ, lục đạo; chậm thì đến bốn mươi chín ngày hoặc lâu hơn bốn mươi chín ngày v.v...

Người mới chết mà có thể khiến người quen biết trông thấy vào ban ngày hay ban đêm, tiếp xúc với hoặc trò chuyện với người đó thì chẳng riêng gì Trung Âm mới làm được như vậy, ngay cả những người đã thọ sanh trong đường thiện hay ác vẫn có thể vì người quen thuộc, thân thích khi trước mà hiện hình một phen. Đây tuy là do ý niệm của người đó biến hiện, nhưng chủ yếu là do những thần Thánh trong thế gian hỗ trợ nhằm bóng gió chỉ bày: con người chết đi, thần minh (thần thức) chẳng diệt và quả báo thiện ác chẳng phải là hư huyễn vậy!

Nếu không, người dương gian chẳng biết đến việc cõi âm, mù quáng cho rằng người chết đi thân xác đã mục nát thì thần thức cũng phải phiêu tán, rồi bao người phụ họa theo khiến cho người trong khắp thế gian cùng bị hãm trong hầm sâu tà kiến “chẳng có nhân quả, chẳng có đời sau, hậu thế”, sẽ thấy người lành cũng chẳng tự nỗ lực tu đức, kẻ ác càng muốn

cùng hung cực ác tạo nghiệp. Dù có lời Phật dạy mà vẫn không có cách nào để chứng minh thì ai chịu tin nhận đây?

Những chuyện hiện hình hiện bóng ấy đủ chứng tỏ lời Phật chẳng dối, quả báo phân minh, chẳng những người lành càng hưởng tới điều lành, ngay cả kẻ ác cũng bị những tình lý ấy khuấy phục, chẳng đến nỗi mười phần quyết liệt. Thiên địa, quỷ thần muốn cho con người hiểu rõ việc ấy nên mới có những chuyện người đã chết hiện thân trong cõi đời, người dương gian xử án cõi âm v.v... Đấy đều là vì muốn hỗ trợ Phật pháp, giúp sức phổ diễn trị đạo. Lý này rất vi tế, nhưng quan hệ rất lớn. Những chuyện như vậy xưa nay chép trong sách vở rất nhiều, nhưng chưa hề nói rõ nguồn gốc của sự biến hiện đó cũng như những lợi ích liên quan.

* Trung Âm tuy lìa thân xác, nhưng vẫn có tình kiến về thân xác giống như khi chưa chết. Đã có tình kiến về thân xác, đương nhiên nảy sanh ý niệm phải có cơ áo để sử dụng. Do phàm phu nghiệp chướng quá nặng, chẳng biết Ngũ Uẩn vốn là không, nên người trong trạng thái Trung Âm chẳng khác gì với người sống. Nếu là bậc đủ đại trí huệ sẽ nhắm ngay lúc trút bỏ xác thân không còn phải nương tựa nữa, liền biết Ngũ Uẩn là không nên các khổ tiêu diệt, nhất chân hiển hiện, vạn đức phô bày trọn vẹn.

Tuy cảnh giới người sống và kẻ chết bất tất phải nhất định giống hệt nhau, nhưng nào trở ngại gì đến việc tùy tình kiến mỗi người mà có các thứ cần dùng. Ví như khi đốt quần áo giấy, người còn sống chỉ giữ ý

tưởng gửi áo cho người chết, còn quần áo lớn, nhỏ, ngắn, dài làm sao vừa vặn thích hợp cho được. Nhưng do tình kiến của người sống lẫn tình kiến của người chết, quần áo sẽ vừa vặn cả. Điều này giúp ta thấy được nghĩa lý lớn lao “hết thầy các pháp tùy tâm chuyển biến”...

12. LUẬN VỀ BỐN CỠ TỊNH ĐỘ

* Hai cõi Phạm Thánh Đồng Cư và Phương Tiện Hữu Dư là ước theo phạm phu đời nghiệp Vãng Sanh và tiểu Thánh Nhị Thừa đã đoạn Kiến Tư Hoặc mà lập, chứ chẳng thể ước theo Phật mà luận. Nếu ước theo Phật mà nói thì chẳng những toàn thể bốn cõi Tịnh Độ đều là Tịch Quang, mà ngay cả đời ác ngũ trược, tam đồ ác đạo, không sự gì Phật chẳng thấy là Tịch Quang. Vì thế nói: “Tỳ Lô Giá Na ở khắp mọi nơi. Chỗ Đức Phật ở gọi là Thường Tịch Quang”.

“Khắp mọi nơi là Thường Tịch Quang” thì chỉ bậc đã chứng ngộ viên mãn Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na quang minh chiếu khắp mới thọ dụng được thôi, còn mọi người khác đều mới chỉ chứng được vài phần. Từ Thập Tín trở xuống cho đến phạm phu, về Lý thì có Thường Tịch Quang Tịnh Độ, nhưng về Sự thì chẳng có. Nếu muốn hiểu rõ hãy nghiên cứu phần luận về bốn cõi Tịnh Độ trong sách Di Đà Yếu Giải; sách Phạm Võng Huyền Nghĩa cũng giảng đầy nghĩa này (Tỳ Lô Giá Na, Hán dịch là Quang Minh Biến Chiếu, hoặc Biến Nhất Thiết Xứ, chính là cực quả rốt ráo của Chư Phật, là hiệu chung của những vị đã chứng viên mãn pháp thân thanh tịnh. Viên Mãn Báo Thân Lô Xá Na cũng thế. Như Thích Ca, Di Đà, Dược Sư, A Súc Bệ v.v... chỉ là những danh hiệu riêng

của các hóa thân Phật mà thôi. Chữ Lô Xá Na, Hán dịch là Tịnh Mãn, do hết sạch Hoặc nghiệp, viên mãn trọn vẹn phước huệ nên ước theo quả báo do Trí Đức và Đoạn Đức cảm thành mà gọi như vậy).

Lại phải biết rằng Thật Báo, Tịch Quang vốn là một cõi. Ước theo quả cảm bởi xứng tánh thì gọi là Thật Báo, ước theo lý được chứng rốt ráo thì gọi là Tịch Quang. Sơ Trụ mới dự vào Thật Báo, chứng được một phần Tịch Quang. Diệu Giác mới là thượng thượng Thật Báo, rốt ráo Tịch Quang. Như vậy từ Sơ Trụ cho đến Đẳng Giác đều chỉ chứng được vài phần hai cõi này, đối với cực quả Diệu Giác thì hai cõi ấy đều là rốt ráo.

Nói đến Thật Báo là chỉ ước về phần chứng, nói đến Tịch Quang là chỉ ước về cứu cánh. Tịch Quang vô tướng, Thật Báo có đủ cả vi trần số chẳng thể nghĩ bàn Hoa Tạng thế giới hải vi diệu trang nghiêm. Ví như hư không vốn chẳng phải là các tướng, nhưng hết thấy các tướng đều do hư không mà phát hiện. Lại như gương báu rộng sáng, trong suốt, trọn chẳng có một vật gì, nhưng hễ Hồ đến Hồ liền hiện bóng, Hán đến Hán liền hiện bóng. Thật Báo và Tịch Quang tuy một mà hai, tuy hai mà một. Vì muốn cho người dễ hiểu nên nói là hai cõi.

* Trong bốn cõi Tịnh Độ: người đời nghiệp Vãng Sanh sống trong Đồng Cư, người đoạn Kiến Hoặc sống trong Phương Tiện, người phá vô minh sống trong Thật Báo, người hết sạch Vô Minh trụ trong cõi Tịch Quang.

Thêm nữa, Thật Báo là ước theo quả báo cảm thành mà nói, Tịch Quang là ước theo lý tánh được chứng mà nói; chúng vốn thuộc một cõi, nhưng giảng như vậy cho người ta dễ hiểu. Vì thế, người phân chứng thuộc vào Thật Báo, người mãn chứng thuộc về Tịch Quang. Chứ thật sự trong cả hai cõi đều có đủ cả phân chứng lẫn mãn chứng. Trong Văn Sao, tôi đã từng trình bày tường tận.

Cõi Đồng Cư tuy có đủ ba cõi kia nhưng người chưa đoạn Hoặc chỉ thọ dụng được cảnh Đồng Cư. Dù là cảnh của người đời nghiệp Vãng Sanh nhưng chẳng thể gọi cõi đó là cõi phàm phu vì họ đều đạt được ba thứ Bất Thoái.

13. LUẬN VỀ XÁ LỢI

* Xá Lợi là tiếng Phạn, Hán dịch là “thân cốt” (xương nơi thân), hoặc dịch là “linh cốt” (xương thiêng), do sức Giới - Định - Huệ của người tu hành tạo thành, chứ chẳng phải do luyện Tinh - Khí - Thần mà được. Đây chính là biểu tượng tâm hợp với đạo, tâm hợp với Phật vậy, chẳng phải chỉ chết đi đem thiêu mới có, mà ngay khi còn sống xương, thịt, tóc nơi thân đều có thể biến thành Xá Lợi cả.

- Xưa có vị cao tăng nhân tắm gội mà được Xá Lợi. Ngài Tuyết Nham Khâm Thiền Sư cạo đầu, tóc biến thành Xá Lợi. Lại có người chí tâm niệm Phật, trong miệng có Xá Lợi. Lại có người khắc in sách Long Thư Tịnh Độ, tìm được Xá Lợi trong bản khắc. Lại có người thêu hình Phật, thêu Kinh, nơi mũi kim đâm xuống liền được Xá Lợi. Lại có người chết đi, đem thiêu, Xá Lợi vô số, môn nhân ai nấy đều được; có một

người đi xa chưa về kịp, đến lúc trở về cúng quả trước tượng, cảm khái đau buồn, liền nhật được Xá Lợi trước tượng. Ngày thiêu hóa Trường Khánh Nhân Thiên Sư, trời nổi trận gió lớn, khói tỏa xa ba, bốn mươi dặm. Khói bay đến đâu, chỗ đó đều có Xá Lợi, nhật gom lại được hơn bốn thạch. Nên biết rằng Xá Lợi do đạo lực cảm thành, kẻ luyện đan chẳng biết nguyên do cứ ước đoán lầm lạc là do Tinh - Khí - Thần cảm thành.

14. LUẬN VỀ TÝ HƯƠNG

* “Tý hương” là đốt hương trên cánh tay. Linh Phong lão nhân (tổ Trí Húc Ngẫu Ích) hằng ngày trì hai Kinh Lăng Nghiêm, Phạm Võng, nên Ngài thường đốt hương. Chỉ vì hết thấy chúng sanh không ai chẳng tiếc thân mạng, bảo trọng thân mình; đối với những loài khác thì giết thân chúng, ăn thịt chúng, tâm càng vui vẻ, còn mình bị muỗi đốt, gai đâm sẽ khó chịu đựng được. Trong các Kinh Đại Thừa như Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Phạm Võng v.v., Đức Như Lai khen ngợi khổ hạnh, dạy đốt thân, cánh tay, ngón tay để cúng dường Chư Phật hòng đối trị tâm tham và tâm yêu tiếc, bảo trọng tự thân. Trong lục độ, pháp này thuộc về Bố Thí Độ.

Bố thí có nội, ngoại bất đồng. Ngoại bố thí là quốc thành, vợ con, nội bố thí là đầu, mắt, tủy, não. Đốt hương, đốt thân đều gọi là Xả, phải chí tâm khẩn thiết, ngưỡng mong Tam Bảo gia hộ, chỉ mong mình lẫn người nghiệp tiêu, huệ sáng, tội diệt, phước tăng (nói là mình - người, nhưng thật ra là vì mình. Lại đem công đức ấy hồi hướng cho pháp giới chúng

sanh, nên gọi là mình - người); trọn chẳng được mảy may khởi tâm cầu tiếng tăm, cầu phước lạc nhân thiên thể gian, chỉ vì trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh mà làm thì công đức sẽ vô lượng, vô biên, chẳng thể nghĩ bàn. Đây gọi là tam luân thể không, bao gồm trọn vẹn tứ hoằng thệ, do tâm nguyện nên công đức rộng lớn, do tâm nguyện nên chóng đạt được quả báo.

Nếu như tâm chuộng hư danh, đem cái tâm chấp trước mà bắt chước hành hạnh trừ khử chấp trước thì đừng nói là đốt hương trên cánh tay, dù đốt cả toàn thân vẫn chỉ là khổ hạnh vô ích. Ấy là vì do tâm chấp trước, vì mong được danh dự, chẳng hiểu nghĩa lý tam luân thể không, mà cũng chẳng gồm trọn bốn hoằng thệ nguyện; khiến pháp phá trừ thân kiến của Như Lai trở thành pháp khiến thân kiến càng thêm kiên cố. Tội phước do tâm mà chia, quả báo do tâm mà khác. Vì thế, Kinh Hoa Nghiêm nói: “Bò uống nước thành sữa. Rắn uống nước thành nọc độc. Kẻ trí học thì chứng Niết Bàn, người ngu học đến càng tăng thêm sanh tử!”

* Tâm Bồ Tát hết như thái hư, không gì là chẳng bao quát, vì muốn lợi lạc chúng sanh nên bày mọi phương tiện, trước là dùng dục để lôi kéo, sau mới khiến nhập Phật trí. Chớ dùng tri kiến phàm phu để suy lường lầm lạc. Vì các Ngài đã chứng Pháp Nhãn, trọn không còn có nhân - ngã, chỉ muốn nhiếp thọ hết thảy chúng sanh vào biển pháp đại giác của Như Lai. Nếu so đo, tính toán sẽ thuộc về tình kiến, chẳng thể ngầm khế hợp với đạo vô nhân ngã.

Nói “bồ thí đầu, mắt, tủy, não” là sự thật, còn nói bồ thí cả kỹ nữ, thể nữ... chẳng qua là để diễn tả tâm bồ thí rộng lớn của Bồ Tát, chớ vì từ hại ý, chấp chết lời nói. Nếu chấp câu nguyện “nguyện kỹ nữ đầy đầy trong a tăng kỳ thế giới” là sự thật thì biết an bài họ vào đâu đây? Câu nói ấy hiển thị Bồ Tát bỏ cả trong lẫn ngoài, trọn chẳng tham tiếc, trong thì bỏ cả đầu, mắt, tủy, não, ngoài thì bỏ quốc thành, vợ con, chẳng sanh tham chấp với bất cứ một pháp nào. Vì thế, ở trong sanh tử chỉ mình Bồ Tát được giải thoát.

Những kẻ nhận bồ thí kia do được nguyện lực của Bồ Tát nhiếp trì nên sẽ ngay trong lúc này hoặc trong đời sau không kẻ nào chẳng đích thân được hưởng lợi ích, liễu sanh thoát tử; như vua Ca Lợi cắt chặt thân thể Nhẫn Nhục tiên nhân, sau này trở thành người được Phật độ đầu tiên là Ngài Kiều Trần Như. Phạm phu tiểu tri tiểu kiến há có thể suy lường được tâm đại Bồ Đề lượng như thái hư ư?

Phải biết rằng: phạm phu chưa đắc Pháp Nhẫn, trong tâm ngưỡng mộ đạo Bồ Tát, nhưng hành sự phải thuận theo lý thường của phạm phu, nếu không sẽ có thể gây trở ngại cho việc gìn giữ, duy trì đạo pháp. Nếu chưa chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn, dù chẳng duy trì pháp đạo, cũng chẳng nên học theo Bồ Tát bỏ đầu, mắt, tủy, não v.v... bởi tự lực chẳng đủ, chẳng kham nhẫn thọ, cả mình lẫn người đều chẳng được lợi ích gì cả. Phạm phu cứ căn cứ theo những điều phạm phu có thể làm được mà làm thì mới nên.

15. LUẬN VỀ CẢNH GIỚI

*** Người niệm Phật lâm chung được Phật tiếp dẫn; đây là chúng sanh và Phật cảm ứng đạo giao, dù chẳng lìa khỏi tâm nghĩ tưởng nhưng chẳng thể nói là cảnh giới ấy chỉ do mỗi mình tâm tưởng hiện, tuyệt đối chẳng có chuyện Phật, Thánh nào đến nghênh tiếp cả! Tâm tạo địa ngục thì lâm chung tướng địa ngục hiện. Tâm tạo Phật quốc thì lâm chung tướng Phật quốc hiện.**

Nói “tướng tùy tâm hiện” thì được, nhưng nói “chỉ có tâm không có cảnh” thì chẳng được. Nếu bậc đại giác Thế Tôn nói “chỉ có tâm không có cảnh” thì chẳng có lỗi gì, chứ nếu các hạ nói như vậy ắt sẽ rớt vào tri kiến đoạn diệt, ắt thành tà thuyết phá hoại pháp môn tu chứng của Đức Như Lai; chẳng thể không dè dặt được. Nếu nói tỉ mỉ mỗi điều, ắt phí bút mực. Biết một ắt sẽ suy được cả ba, không còn sót nghĩa nào.

*** Phải biết rằng hiện tại không có pháp nhất định. Do cái thấy của mỗi người khác nhau nên hãy tạm gác những cảnh giới của Phật, Bồ Tát lại đó, chỉ dùng những cảnh phạm tiểu để giảng rõ. Ông Tử Tấn là con vua Châu Linh Vương, học đạo tiên bảy ngày, khi xuất hiện ở Hầu Sơn thì đã qua đời Tấn. Vì thế mới có thơ rằng:**

Vương tử khứ cầu tiên,

Đan thành nhập cửu thiên,

Động trung phương thất nhật,

Thế thượng kỳ thiên niên.

(Vương tử học đạo tiên,

Thành đạo dạo cử thiên,

Trong động chỉ bảy bữa,

Trần gian gần nghìn niên)

(Chữ “kỷ” phải đọc giọng bằng, có nghĩa là “gần”. Từ đời Châu Linh Vương đến nhà Tấn, thời gian dài gần một ngàn năm)

Lại như ông Lã Thuần Dương gặp Chung Ly Quyền trong quán trọ ở Hàm Đan, ông Chung khuyên họ Lã học đạo Tiên, họ Lã muốn được phú quý rồi mới học. Chung trao cho Lã một cái gói bảo hãy ngủ một giấc. Họ Lã mộng thấy mình làm quan từ chức nhỏ đến chức lớn, rồi làm đến Tể Tướng. Năm mươi năm phú quý vinh hoa, thật ít có trong đời. Con cháu đầy nhà, thường sung sướng không tai ương gì. Sau vì một chuyện chẳng hợp ý bề trên bèn tự thoái quan. Lúc tỉnh giấc ra, chủ quán trọ còn đang nấu nồi cháo kê vàng!

Trong mộng thấy ra vào làm Tể Tướng, bao nhiêu là chuyện lớn, thời gian lâu cả năm mươi năm, tỉnh giấc, nồi cháo kê vàng vẫn chưa nhừ. Đấy chẳng qua là cảnh do tiên nhân biến hiện, mà còn có thể trong một niệm biến hiện những sự nghiệp, cảnh giới của cả năm mươi năm; hướng hồ là cảnh giới của Phật là vị trời trong trời, là Thánh của các Thánh, của các vị Đại Bồ Tát đã chứng Pháp Thân? Vì thế, Ngài Thiện Tài vào trong lầu gác của đức Di Lạc, vào trong một lỗ chân lông của Đức Phổ Hiền, đều ở trong mười phương thế giới hành lục độ vạn hạnh trải Phật sát vi trần số kiếp. Xem đoạn văn ấy, ông còn có thể suy lường được chăng?

Phải biết rằng ba đời không thật thể, còn là phạm phạm phu thì chỉ thấy được cảnh giới của phạm phu, chẳng được vin vào cảnh giới phạm phu thấy được đó mà bảo cảnh giới của Phật, Bồ Tát cũng giống như thế, chẳng có gì khác! Nay tôi dùng ví dụ để giảng rõ: Như gương soi tỏ mấy mươi tầng núi sông, lầu gác, thật chẳng có gần xa, nhưng gần xa rành rành! Sắc pháp thế gian còn như thế, huống là bậc đã chứng tâm pháp duy tâm tự tánh ư? Bởi thế mới nói: “U nhất hào đoan, hiện bảo vương sát, tọa vi trần lý, chuyển đại pháp luân” (trên đầu sợi lông, hiện cõi bảo vương, ngồi trong vi trần chuyển đại pháp luân).

Mười đời xưa nay, trước sau chẳng lìa đương niệm, vô biên cõi nước chẳng xa cách một khoảng nhỏ bằng đầu sợi lông! Phạm những gì thuộc về cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thì hãy nên ngửa tin lời Phật, đừng suy lường xằng. Nếu như khẩn thiết đến cùng cực, sẽ tự hiểu rõ hết, cũng chẳng cần phải hỏi ai khác cả. Nếu chẳng khẩn thiết, chí thành, dù ra sức lễ bái, trì tụng, nhưng cứ suốt ngày đem những cảnh giới mà phạm phu chẳng thể suy lường được để cuồng vọng suy lường thì có khác gì đi theo vết xe đổ của huyễn nhân Pháp sư, dù có muốn chẳng vương lấy tội báo báng Phật, báng Pháp, báng Tăng cũng chẳng thể được!

* Biết lệnh nghiêm có rất nhiều điều linh cảm, tôi khôn ngăn bội phục. Như ước về lúc thọ pháp, nếu Đại Sĩ cùng Thiên Long Bát Bộ cùng hiện thì Mật Tông vẫn có cấm giới chẳng cho tuyên truyền diệu cảnh. Đây phải chẳng là vì lòng sùng phụng trong sạch, bền chắc mà Ngài thuận lòng thị hiện chẳng? Nếu hiểu như vậy, nhất định người được thấy diệu

cảnh đó phải có sở chứng. Nếu người ấy không có sở chứng, nhất định Thánh chẳng tùy tiện ứng hiện xuống!

Còn như việc “thấy ứng thân” như luận Khởi Tín đã nói thì đó là tình cảnh người niệm Phật lúc lâm chung, vì chưa phá được vô minh nên ứng thân, báo thân, pháp thân người ấy được thấy đó đều chẳng phải là do thiện căn của người ấy mà được thấy. Bồ Tát ứng hiện ở Phạm Âm động tại Phổ Đà cũng là phương tiện quyền biến để tăng trưởng tín tâm cho chúng sanh, tuy người người được thấy nhưng chẳng thể lấy đó làm chứng cứ. Nếu cứ vin vào đó, ắt sẽ khiến hết thảy mọi người đều dựa dẫm vào đó mà đồn thổi. Người xưa được thấy Bồ Tát Văn Thù ở Ngũ Đài rất nhiều, nhưng đều là những vị có đại nhân duyên hoặc là công phu tu tập sâu dày, hễ ai gặp Ngài đều có điểm chứng ngộ giải nhập.

Năm Quang Tự thứ mười hai, Quang tôi triều bái Ngũ Đài, trước hết ngụ tại xưởng chế tạo lưu ly ở Bắc Kinh, tìm tác phẩm Thanh Lương Sơn Chí khắp nơi nhưng chỉ tìm được một bộ, thường xem hằng ngày. Do trời lạnh, đến tháng Ba mới đến được núi. Ở trên núi hơn bốn mươi ngày, thấy những người lên núi triều bái, đa số nói được thấy Bồ Tát Văn Thù, nhưng người thật sự hành trì rất ít. Thế mới biết là những người lên núi triều bái nói được thấy Bồ Tát đều chỉ nói dựa theo những tích chuyện của cổ nhân để khoe khoang đó thôi. Nếu ai thật sự được thấy ắt sẽ giấu kín. Vàng thau khác biệt! Nếu không, Ngài Văn Thù chẳng tự trọng, khinh thị hiện thân, còn ra thế nào nữa?

“Lý tức Phật” hết thầy chúng sanh đều có, chứ chẳng phải chỉ riêng người nghịch trần hiệp giác. Nếu là hạng nghịch trần hiệp giác thì đã thuộc về “danh tự tức Phật”. Ông X. nọ khoe khi nhập định giống hệt như Tỳ Lô Giá Na, khi xuất định lại vẫn là phàm phu, nhưng chẳng biết hổ thẹn, còn lớn tiếng khinh người. Nếu thật sự giống hệt như Tỳ Lô Giá Na, quyết chẳng đến nỗi vẫn là phàm phu! Ông ta toan dùng Mật Tông để lèo người, chẳng biết rằng Quang tôi dù chẳng biết Mật Tông đi nữa, lẽ nào chẳng biết đúng sai, dễ hồ lung lạc được ư?

16. LUẬN VỀ THẦN THÔNG

* Đạo Tế Thiên Sư là bậc Thánh Nhân đại thần thông. Ngài muốn khiến cho hết thầy mọi người sanh tín tâm nên thường hiển hiện những sự chẳng thể nghĩ bàn. Ngài ăn thịt uống rượu để giấu kín cái đức của bậc Thánh nhân, là vì muốn cho những kẻ ngu tưởng Ngài là kẻ điên rồ, không pháp tắc; nhân đó, chẳng tin tưởng Ngài. Nếu không làm thế, Ngài sẽ chẳng thể trụ trong thế gian.

Phật, Bồ Tát hiện thân, nếu thị hiện giống như phàm phu thì các Ngài chỉ dùng đạo đức để giáo hóa người, tuyệt đối chẳng hiển hiện thần thông. Nếu hiển hiện thần thông sẽ chẳng trụ trong thế gian được; còn nếu hiện làm kẻ điên rồ, dù có hiển thị thần thông cũng chẳng trở ngại gì. Chớ bảo người tu hành ai nấy đều nên uống rượu, ăn thịt! Người lành thế gian còn chẳng uống rượu, ăn thịt, huống hồ là đệ tử Phật! Muốn giáo hóa chúng sanh mà chính mình chẳng y giáo phụng hành thì chẳng những

làm cho người khác chẳng tin, mà còn khiến họ thoái thất tín tâm nữa. Vì thế chẳng được học đòi uống rượu, ăn thịt.

Ngài (Đạo Tế) ăn những con vật chết, ói ra những con vật sống. Ông ăn con vật chết vào, còn chưa ói ra thịt còn nguyên hình dạng được nôi, làm sao học đòi Ngài ăn thịt cho được? Ngài uống rượu vào bèn nhả ra vàng để thếp tượng Phật, khiến cho vô số cây gỗ lớn từ trong giếng trời lên. Ông uống rượu vào, muốn cho nước từ dưới giếng trào lên còn không được, làm sao học đòi Ngài uống rượu cho được?

Truyện về Tế Công có đến mấy loại, nhưng chuyện Túy Bò Đề hay nhất. Gần đây có đến tám bản khác nhau lưu thông, đa phần là những bản do người đời sau thêm thắt vào. Chuyện Túy Bò Đề cả văn lẫn nghĩa đều hay, những chuyện được kể trong ấy đều là những sự thực khi ấy. Thế nhân chẳng biết nguyên do, không bắt chước bừa theo thì cũng hủy báng xằng bậy. Học bừa theo đó sẽ quyết định phải đọa địa ngục. Hủy báng xằng bậy tức là dùng tri kiến phạm phu để suy lường thần thông của Thánh nhân, cũng mắc lỗi, nhưng so với kẻ học bừa theo, tội còn nhẹ nhiều hơn lắm. Thấy những điều chẳng thể nghĩ bàn của Ngài phải nên sanh lòng kính tin, thấy Ngài uống rượu, ăn thịt, chẳng chịu bắt chước làm theo thì sẽ được lợi ích, chẳng bị tổn hại vậy.

* Người có thể hoằng đạo, chứ đạo chẳng thể hoằng người. Thế gian loạn lạc là do ác nghiệp của đồng phạm chúng sanh cảm thành, các thuyết tà vạy cũng thế (cũng do cùng nguyên do ấy). Phong tục thế gian biến đổi, lúc thoát đầu đều là do một hai kẻ phát khởi. Yên bình, loạn lạc, tà,

chánh không gì đều chẳng như thế cả; sao chẳng xét đến sức người để chuyển biến, lại cứ quy vào sức thần thông của Phật, Bồ Tát để hồng chuyển biến vậy? Chẳng phải là Phật, Bồ Tát chẳng thể hiển thị thần thông biến hiện, khổ nổi chúng sanh nghiệp nặng, nên dù có biến hiện cũng vẫn như không.

Ví như mây dày, sương đậm, mờ mịt chẳng thấy được mặt trời giữa ban ngày, bèn bảo là chẳng có mặt trời ư? Con người cùng trời, đất gọi là Tam Tài; Tạng và Phật, Pháp gọi là Tam Bảo. Gọi như vậy là do căn cứ vào ý nghĩa hỗ trợ, tán dương công sanh trưởng của trời đất, hoằng dương đạo pháp mà đặt tên. Ông cứ muốn bỏ nhân lực, bám vào sức của Phật, Bồ Tát, trời đất, có còn đáng bảo là biết đạo chẳng?

Đời đại loạn, đại bi Bồ Tát thị hiện cứu hộ cũng chỉ cứu được kẻ hữu duyên; vì loạn lạc chính là đồng nghiệp, còn túc nhân, hiện duyên (duyên hiện tại) là biệt nghiệp. Có biệt nghiệp cảm được Bồ Tát thì sẽ được Bồ Tát gia bị, cứu hộ, há nên nông nghênh bàn bạc ư? Những việc phương tiện thuận nghịch cứu hộ chúng sanh của Bồ Tát chẳng phải là chuyện kẻ hiểu biết lầm lạc, hẹp hòi có thể thấu hiểu được đâu!

Nay tôi vì ông nói một thí dụ để từ đó mà suy rồi đừng nói Bồ Tát thật là oan gia, cũng như để tạo thành nền tảng tốt đẹp hồng nhập đạo thành Phật. Chư Phật lấy tám khổ làm thầy để thành đạo Vô Thượng. Như vậy, Khổ là cái gốc để thành Phật. Thêm nữa, Phật dạy đệ tử lúc ban đầu phải tu Bất Tịnh Quán. Quán lâu ngày ắt có thể

đoạn Hoặc, chứng Chân, thành A La Hán. Như vậy Bất Tịnh lại là cội gốc của Thanh Tịnh.

Người ở Bắc Câu Lô Châu hoàn toàn chẳng khổ, nên chẳng thể nhập đạo. Châu Nam Diêm Phù Đề sự khổ rất nhiều nên người nhập Phật đạo để liễu sanh tử không thể tính nổi số. Giả sử thế gian tuyệt chẳng có các khổ: sanh, lão, bệnh, tử, đao binh, thủy, hỏa v.v... thì ai nấy đều sống say chết ngủ trong lạc thú phóng dật, có ai chịu phát tâm xuất thế để liễu sanh tử đâu? Ngay cả kẻ thống lĩnh quân mạnh, giữ địa vị cao, gây bao việc khổ não chúng sanh biết đâu là bậc đại bi thị hiện đó chẳng? Nghĩa này chỉ có thể nói cùng người thông suốt, đừng nói với kẻ vô tri, vô thức. Nếu là người thông suốt, dù thật sự là ác ma, cũng có thể được lợi ích; còn người vô tri vô thức nếu biết đến nghĩa này ắt sẽ chẳng biết phát tâm tu hành, trái lại còn hủy báng Phật pháp.

Ví như dùng thuốc, trẻ nhỏ chẳng thể uống thuốc, bèn bôi thuốc lên vú thì nó dù không uống cũng thành uống. Ông toan làm bậc thông suốt, nhưng triển khai rộng lớn nghĩa này thì hại người rất nhiều, lợi người rất ít. Xin hãy thâm tâm niệm, đừng bàn nói ầu. Cảnh giới của Phật, Bồ Tát, phàm phu chẳng thể suy lường được đâu!

17. LUẬN VỀ BÍ TRUYỀN

* Nay các ngoại đạo, không đạo nào chẳng dùng cách bí truyền để dẫn dụ, kêu gọi kẻ vô tri theo đạo họ. Lúc nguyện gia nhập, ắt phải phát thệ: Từ rày về sau, nếu phản lại đạo ắt sẽ mắc ác báo như thế này, như thế nọ. Thật sự ra, đa phần là những pháp dối người. Do trót phát thệ, dù có

biết những sai trái trong đạo cũng chẳng dám trái nghịch hoặc phơi bày ra. Cách phát thệ bí truyền của ngoại đạo ràng buộc, làm con người lầm lạc quá đáng vậy.

Đức Phật ta chẳng có pháp bí truyền; đối với một người Ngài cũng nói thế, với vạn người Phật cũng dạy như thế. Cửa đóng, then cài, bên ngoài đặt người tuần hành canh gác, chỉ cho một người vào, thì thầm chẳng cho người ngoài nghe được, những đạo như thế chẳng có chuyện quang minh, chánh đại gì đâu! Mong các vị hiểu được tệ nạn ấy nên tôi mới lược thuật vậy!

* Nếu có bí quyết màu nhiệm chỉ khẩu truyền ở chỗ kín đáo thì chính là tà ma ngoại đạo, chẳng phải là Phật pháp.

18. LUẬN VỀ CẦU CƠ

* Những lời giảng cơ trong đàn cầu cơ đa phần là do những linh hồn dựa dẫm vào tri thức của người xoay cơ mà nói ra. Nếu nói về đạo lý thế gian còn đúng được nhiều, chứ nói đến Phật pháp thì do chính mình chẳng biết, bèn bịa ra các lời nhảm nhí.

* Cầu cơ đa phần là các linh hồn giả mạo Phật, tiên, thần, Thánh. Những hồn kém cỏi chẳng có sức thần thông, những hồn khá hơn sẽ biết được tâm người nên dựa dẫm vào sự thông minh và tri thức của người phò cơ để nói này nói nọ.

Ông Kỷ Văn Đạt nói: “Cầu cơ đa phần là linh hồn giả danh giảng cơ. Tôi cùng người anh tên là Thản Nhiên cùng phò cơ. Tôi biết làm thơ, nhưng chữ viết không ra gì. Tôi phò cơ thì thi từ mẫn tiệp, nhưng chữ

viết nguệch ngoạc, xiên xẹo. Thản Nhiên phò cơ thì thi từ tầm thường, chữ viết sắc sảo. Với những hồn giả mạo cổ nhân, nếu chú tâm hỏi vào những điểm bí nhiệm, quan yếu, bèn nại có năm tháng cách xa, chẳng còn nhớ gì nữa, nên biết hồn ấy chẳng phải thật”.

Như vậy, cái linh ứng của những hồn ấy chỉ là chúng có thể dựa vào những điều đã biết trong tâm của người hiện tại để mượn dùng. Với những điều tuy có trong thức điện, nhưng trong cái thấy biết hiện tại của đương nhân không có, hoặc người ấy chẳng biết đến nghĩa đó thì hồn chẳng thể dạy gì về điều ấy được. Sánh với tha tâm thông của bậc nghiệp tận tình không khác nhau một trời, một vực, nhưng xét về khí phần thì có vẻ tương tự mà thôi. Tôi lại chỉ sợ quý vị bị mê hoặc bởi những lời giảng cơ, nên chẳng thể không dẫn chứng để phân trần vậy.

* Gần đây, các đàn cơ ở Thượng Hải rất thịnh hành. Những lời khai thị sửa lỗi, hướng thiện, tiểu luân hồi, tiểu nhân quả của các đàn cơ ấy đều rất có ích đối với thế đạo nhân tâm, nhưng những lời giảng về cõi trời, về Phật pháp toàn là những lời lẽ quàng xiên. Chúng ta là đệ tử Phật chẳng thể bài xích pháp ấy vì sẽ mắc lỗi ngăn trở người khác hướng thiện, nhưng cũng chẳng thể phụ họa, tán dương pháp ấy bởi những lời giảng cơ về Phật pháp toàn là ước đoán, chỉ e gây thành cái họa hoại loạn Phật pháp, làm lạc chúng sanh.

19. LUẬN VỀ LUYỆN ĐÀN

* Phật pháp chỉ dạy người dứt ác tu thiện, minh tâm kiến tánh, đoạn Hoặc chúng Chân liễu sanh thoát tử. Toàn bộ Đại Tạng Kinh trọn chẳng

có lấy một chữ dạy người vận khí luyện đan, cầu thành tiên bay lên trời, trường sanh bất lão chi cả.

Thời kỳ đầu Dân Quốc, gã dân ma Liễu Hoa Dương soạn Huệ Mạng Kinh, tận dụng Kinh Phật, lời Tổ để chứng minh cho pháp luyện đan, xoay chánh thành tà, dùng pháp báng pháp. Người chưa mở mắt thấy tà thuyết đó ngỡ là chân thật, đánh mất chánh kiến mãi mãi. Lời lẽ, sự tu hành của họ đều là phá hoại Phật pháp, nhưng vẫn hiu hiu tự đắc, cho mình may mắn gặp được chân thừa, được nghe chánh pháp, đúng là nhận giặc làm con, nấu cát thành cơm, một gã lừa dẫn lũ mù kéo nhau sa hầm lửa, chẳng đáng buồn ư!

Phàm một pháp luyện đan chẳng phải là không lợi ích, nhưng chỉ có thể kéo dài tuổi thọ, cao nhất là thành tiên bay lên trời, pháp ấy còn chưa phải là chân truyền của Lão Tử, hướng hồ là chánh đạo của Phật pháp ư? Khổng Tử nói: “Triêu văn đạo, tịch tử khả hỹ!” (sáng nghe đạo, tối chết cũng đành)”. Lão Tử nói: “Ngô hữu đại hoạn vi ngô hữu thân” (ta có mối lo lớn là ta có thân). Nếu lãnh hội được những lời ấy sẽ chẳng bị bọn luyện đan kia mê hoặc. Hãy đọc kỹ các sách An Sĩ Toàn Thư, Cư Sĩ Truyện, Bình Tâm Luận, Kê Cổ Lược.... thì gương sáng đặt trên đài, tốt xấu tự phân, lò nung thử vàng, thật giả rạch ròi.

* Trộm nghĩ nguồn gốc của Thích và Đạo chẳng hai, nhưng nhánh nhóc, chi phái khác xa nhau một trời một vực. Phật giáo dạy người trước hết tu Tứ Niệm Xứ Quán: quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. Đã biết thân, thọ, tâm, pháp đều thuộc

huyền vọng, khổ, không, vô thường, vô ngã, bất tịnh thì Chân Như diệu tánh sẽ tự hiển hiện.

Nếu ước theo nguyên sơ chánh truyền thì Đạo giáo cũng chẳng lấy việc vận khí luyện đan chỉ cầu trường sanh làm trọng; đòi sau tu hành theo Đạo giáo, không một ai là chẳng coi pháp ấy là chánh tông! Phật giáo không điều lớn lao nào chẳng bao gồm, không điều nhỏ nhặt nào chẳng đề cập đến, chẳng những phát huy đạo lý thân tâm tánh mạng đến hết sạch không còn sót, mà ngay cả những điều nhỏ nhặt như hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si... của Thế Đế, mảy may điều thiện nào cũng chẳng bỏ sót. Chỉ riêng đối với việc luyện đan vận khí không có lấy một chữ nhắc đến, nhưng đệ tử Phật phải kiêng dè sâu xa đừng luyện đan, bởi một đấng dạy người biết thân tâm là huyền vọng, một đấng lại dạy người chấp chặt thân tâm là chân thật.

Cái tâm vừa nói đó chỉ là tâm tùy duyên sanh diệt, chẳng phải là chân tâm sẵn có. Một pháp luyện đan chẳng phải là không có lợi ích, nhưng chỉ kéo dài được tuổi thọ, cao nhất là thành tiên bay lên trời, nếu bảo là pháp để liễu sanh thoát tử thì chỉ là lời nói mớ mà thôi!

20. LUẬN VỀ TU HÀNH, XỬ SỰ PHẢI PHÙ HỢP, THÍCH NGHI

* Đối với pháp niệm Phật phải tùy theo sức lực của mỗi người; tùy tiện niệm ra tiếng, niệm thầm, niệm lớn tiếng, niệm nhỏ tiếng, không cách nào là chẳng được, lẽ nào cứ một mực niệm lớn tiếng đến nỗi tổn hơi

thành bệnh vậy? Căn bệnh nặng của ông do khí bị thương tổn mà ra nhưng thật sự là do nghiệp lực từ vô lượng kiếp biến hiện.

Do ông tinh tấn niệm Phật nên chuyển hậu báo thành hiện báo, chuyển báo nặng thành báo nhẹ. Chẳng biết là do căn bệnh này sẽ tiêu được tội tam đồ ác đạo trong bao nhiêu kiếp số. Phật lực khó nghĩ lường, Phật ân khó báo, hãy nên sanh lòng vui mừng, nghĩ mình may mắn lớn lao, sanh lòng tin trong sạch lớn lao, dùng một pháp Tịnh Độ tự hành, dạy người, mong sao quyến thuộc trong nhà cùng hết thầy những ai hữu duyên cùng sanh Tây Phương thì mới chẳng phụ căn bệnh này, mới khỏi phụ ân Phật vì mình hiện thân vậy!

* Học Phật phải chuyên lấy việc tự liễu ngộ làm chánh, nhưng cũng phải tùy phần, tùy sức làm các công đức. Phải là người có sức lớn lao mới hòng triệt để buông xuống, triệt để đề khởi được. Người căn cơ trung hạ nếu không làm gì hết sẽ liền thành biếng nhác, trây lười, đã chẳng hiểu đúng tự lợi mà đôi với việc lợi người cũng gác bỏ hết, trở thành cái tệ như Dương Tử “dù nhỏ một cái lông làm lợi cho người khác cũng chẳng chịu làm”. Vì thế phải hành cả hai pháp hỗ trợ cho nhau, nhưng chú trọng vào mặt tự lợi.

Cũng đừng hiểu lầm lời Cư Sĩ Nhị Lâm (Bành Tế Thanh). Hiểu lầm thì đắc tội với ông Nhị Lâm chẳng nhỏ. Ý của Bành Nhị Lâm là chuyên chú tự lợi, chứ chẳng phải là phế sạch việc tùy phần, tùy sức dạy người tu theo pháp môn Tịnh Độ đâu! Việc lợi người chỉ có hàng Bồ Tát mới gánh vác nổi; ngoài ra, ai dám nói những lời lẽ lớn lao ấy! Người căn cơ trung

hạ tùy phần, tùy sức làm việc lợi người mới phù hợp với đạo lý tu hành tự lợi, bởi lẽ pháp môn tu hành có lục độ vạn hạnh. Tự mình chưa độ thoát thì việc lợi người vẫn thuộc về tự lợi, nhưng chẳng thể chuyên chú vào hình thức bề ngoài mà làm.

* Người tu hành thật sự thì dính vào chuyện khác làm chi? Chỉ vì do chưa thể buông cả toàn thân xuống, cắt đứt vạn duyên được thì chẳng ngại gì đeo đẳng trong lòng để vớt vát lấy một nửa mà thôi.

* Niệm Phật tuy trọng chí thành, thanh khiết, nhưng nếu bệnh nhân không đủ sức thì cứ giữ lòng chí thành thầm niệm, hoặc niệm ra tiếng, công đức vẫn giống hệt như vậy. Bởi lẽ, Phật từ rộng lớn, như cha mẹ lúc thấy con cái bệnh khổ, ắt chẳng nệ vào những nghi thức lúc bình thường để trách móc gì, lại còn đến vỗ về, xoa nắn thân thể con, rửa sạch những dơ bẩn. Nếu con bệnh đã lành mà vẫn đối xử với cha mẹ hệt như lúc còn đang bệnh thì sẽ bị sét đánh vậy!

* Lập thân, xử thế, gìn lòng thì dù là ngu hay hiền đều phải cung kính, chẳng sanh lòng ngạo mạn. Hành sự thì thân hiền, xa ngu, giữ ưu, bỏ kém. Như thế sẽ tránh khỏi cái tệ lây phải tính xấu, cũng như giữ cho mình khỏi bị làm lạc. Chuyện thiên hạ có cái lý nhất định, nhưng không có pháp nhất định. Nếu chẳng dựa vào sự tình để định đoạt, như chấp chết vào toa thuốc để trị biến chứng thì người sống sẽ ít, kẻ chết lại nhiều. Phải tình hợp với lý, pháp phù hợp sự thì mới nên!

* Thiên hạ vạn sự có cái lý nhất định, nhưng khi gặp chuyện phải vận dụng cái lý nhất định để hành xử sao cho thích nghi, lý phù hợp cùng quyền, pháp tương ứng với đạo thì mới nên!

* Phật pháp phải tùy theo căn tánh mỗi người mà thực hiện, chẳng thể chấp chặt vào quy cách truyền bá thông thường. Nếu trái nghịch căn cơ sẽ khiến người ấy bị mất lợi ích liễu sanh thoát tử thù thắng; cốt sao người ấy phải tự lượng được căn tánh để tu trì sao cho thích hợp.

* Vào thời Phật pháp hưng thịnh dưới các triều Đường, Tống, người tại gia phần nhiều dùng cách hỏa táng; nhưng nay nên thuận theo thói tục chôn cất, vì sợ kẻ câu nệ luận bàn quàng xiên, chứ thật ra thiêu thì gọn gàng hơn. Qua bốn mươi chín ngày hãy thiêu là ổn thỏa. Còn chôn thì qua nhiều năm, rất có thể hài cốt bị phơi bày. Cái lệ ba năm tang chế chẳng dùng đến lễ nhạc cố nhiên phải tuân thủ.

Trước đời Thanh, quan văn có thể xin nghỉ cư tang, quan võ chẳng được phép nghỉ cư tang bởi việc quân chẳng thể xao nhãng được nên chẳng để tang. Bây giờ thanh hành quan niệm “bỏ thói thường là bất hiếu”, dù giữ đúng thời gian tang chế vẫn còn bị chê trách nữa là. Chúng ta nên theo đúng cổ lễ, nhưng phải châm chước mà làm theo, tuy chẳng thể biến cải ngay, nhưng đừng có quá câu nệ là được!

* Liên xã mới mở phải có quy chế nhất định, nữ nhân tuyệt đối chẳng được tham dự liên xã, đừng bắt chước nơi khác buông tuồng chẳng thúc liễm đến nỗi một pháp chẳng lập, trăm mối tệ chen chúc nảy sanh. Rất quan trọng, rất quan yếu đấy!

* Trộm nghĩ thế đạo nhân tâm hiện thời suy sụp đến cùng cực. Lại còn phung phí quốc khố, so với trước kia thuế má nặng hơn gấp mấy lần, mọi thứ đắt đỏ, dân không lẽ sống. Tai trời vạ người giáng xuống liên tiếp. Gặp phải thời buổi này, muốn hoằng dương đạo pháp chỉ còn cách khuyên những người tìm đến học hãy học lấy yếu nghĩa nhà Phật.

Với cha nói Từ, với con nói Hiếu, anh nhường em kính, chồng xướng vợ theo, ai nấy trọn hết bổn phận để làm nền tảng cho việc học đạo. Ngoài ra, còn phải giữ lòng thành, chuyên chú lòng kính, khắc kỷ, giữ lễ, hiểu nhân rõ quả, mong thoát khỏi luân hồi, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Dù thiên tư cao đến cách mấy cũng phải y theo đây mà hành.

Ngoài ra, những khi có thời gian, có sức thì nghiên cứu hết thầy Kinh Luận cũng chẳng trở ngại gì. Cốt sao tùy phận tu trì trong chính gia đình mình thì chẳng cần gì phải cất dựng phòng ốc cho nhiều, lại phải sắp đặt nhiều nhân viên, đây kia qua lại càng phí thời gian. Đây chính là cách tương kế tựu kế để hoằng pháp bậc nhất trong hiện tại vậy.

* Muốn cầu Vãng Sanh hãy nên buông bỏ thế gian này cũng như buông bỏ cái tâm cuồng vọng quá phận mong độ thoát chúng sanh giống như Bồ Tát. Tu cho chính mình chính là điều Bồ Tát phải làm đầu tiên. Nếu chính mình còn là phàm phu, lại toan đảm nhiệm việc ấy thì chẳng những chẳng thể độ người mà còn chẳng thể tự độ nữa! Không ít thiện tri thức thế gian mắc phải bệnh này, nhưng cứ cho là mình có tâm Bồ Tát. Phải biết rằng: nếu có tâm ấy, phải cầu Vãng Sanh trước đã thì mới có lợi

ích. Nếu mình là Bồ Tát thì chẳng cầu Vãng Sanh còn được, chứ nếu không thì tai hại chẳng nhẹ. Tâm cuồng vọng quá phạm chính là chướng ngại lớn nhất đối với việc tu hành. Chẳng thể chẳng biết điều này.

* Trong lúc kiếp trước thời loạn này, lẽ tất nhiên phải đề xướng nhân quả báo ứng và pháp môn Tịnh Độ mới hòng có lợi ích thật sự. Những kẻ ham cao chuộng trội kia chỉ sợ những pháp ấy mà được đề xướng thì tiếng tăm, giá trị của họ sẽ bị hủy hoại, nên thà để người khác chẳng hiểu, chứ chẳng chịu xuôi theo môn phong của chúng ta.

Hãy thử hỏi họ: Đối với những vật bên ngoài dùng để điều dưỡng sanh mạng, có thể nào cứ cố chấp vào một pháp chẳng chịu biến đổi cho thông suốt hay chẳng? Mùa Hạ dùng sấn dây, mùa Đông khoác áo cừ, đói thì ăn, khát thì uống. Mỗi ngày còn phải chọn lấy những điều thích nghi; thế mà đối với việc hoằng dương đạo pháp thì lại bất trí chẳng hợp lẽ như việc dưỡng sanh, vẫn còn bảo là thật sự muốn làm cho người khác được lợi lạc nữa ư?

* Sáng lập liên xã ắt phải thanh tịnh, thom sạch, chủ nhân ắt phải cung kính chí thành, chẳng thể là hạng người ngạo mạn, mà cũng chẳng thể là người thiếu khí tượng, đức độ. Đối với mọi người đến tham dự đều phải đối đãi ôn hòa, cung kính, khiêm tốn. Lúc chưa niệm Phật cũng như lúc niệm Phật xong, đều chẳng được bàn chuyện nhà, có những yếu nghĩa nào đáng bàn luận, trình bày thì hãy bàn. Nếu không ai nấy trở về chỗ mình. Những ai quá nhỏ tuổi hãy nên tự niệm ở nhà. Nếu thường đến liên xã, ở gần thì còn tạm được, chứ nếu đường xa, chỉ e nảy ý ham vui bên

ngoài, chẳng thể không cẩn thận. Lập liên xã bất quá chỉ là đề xương trong địa phương mà thôi, phải lấy việc niệm Phật tại gia là chính.

* Người học Phật trước hết phải biết nhân quả, dè dặt, cẩn trọng mà xử sự. Nếu đã có thể dè dặt, cẩn trọng thì tà niệm sẽ tự tiêu, chẳng đến nỗi làm điều chẳng đúng pháp. Nếu trót làm, phải cực lực đoạn diệt thì mới là tu hành chân thật. Nếu không, học một đường làm một nẻo, tri kiến càng cao, hành vi càng tệ. Đây chính là căn bệnh đã lậm vào xương tủy của những kẻ học Phật tự xưng là bậc thông gia ngày nay. Nếu có thể luôn lấy việc tránh lỗi lầm làm điều mong mỏi thì cứ học một phần sẽ được một phần lợi ích thật sự.

21. LUẬN VỀ PHÚ CƯỜNG

* Trung Quốc nghèo hèn là vì chẳng tuân theo lễ nghĩa nên mới nghèo hèn đến thế đó. Thử hỏi nguyên nhân gây nên sự nghèo hèn, có nguyên nhân nào ngoài chuyện tham ăn của đút lót, nhận của hối lộ khiến ngoại nhân hưởng lợi hay không? Ông chưa thấy rõ gốc bệnh nên mới bảo là thuốc chẳng hiệu nghiệm, có đáng gọi là trí chãng? Nước ngoài cường thịnh, nhưng nước họ nhỏ, nếu họ chẳng đồng tâm hiệp lực há có thể tự lập được ư? Trung Quốc mỗi người mỗi ý. Dù có đồng tâm đi nữa, nhưng ngoại nhân đem lợi ra như liên bì của đút lót xoay chuyển, chẳng những chẳng đoái hoài gì đến đất nước và nhân dân, ngay cả thân mình cũng chẳng thêm đếm xỉa đến nữa. Chẳng phải là việc phụng hành lễ nghĩa đã bị đánh mất đó sao?

Xưa Lâm Văn Trung Công đánh đuổi quân Di đủ chứng thực điều ấy. Từ đây, bất cứ việc lớn việc nhỏ gì, không việc nào lại chẳng vì Trung Quốc chu toàn cho thành tựu chẳng? Người Trung Quốc đa phần quên mất tám chữ (hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si) cho nên nước ngoài mới hùng mạnh như thế, Trung Quốc mới yếu hèn đến thế. Nếu như ai nấy đều giữ gìn lễ nghĩa thì các hàng hóa vô ích của ngoại quốc không cách nào tiêu thụ được, mỗi năm Trung Quốc sẽ tiết kiệm được cả mấy ngàn vạn vạn lạng vàng vậy. Người Trung Quốc mà bệ rạc thì phải nói thành thật là bệ rạc đến tột cùng...

Ông tuy đọc sách hiểu đời nhưng chưa lãnh hội cái đạo đọc sách hiểu đời nên mới hỏi như vậy. Với tình thế hiện tại thì đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi, và cải ác tu thiện, tín nguyện Vãng Sanh là cách vãn hồi kiếp vận, cứu quốc, cứu dân bậc nhất; đàm huyền thuyết diệu so ra vẫn kém hơn. Muốn cứu đời nhưng chính mình chẳng tận lực thực hành thì sẽ chẳng có hiệu quả thật sự. Từ chính mình lan ra cả nhà, từ một nhà lan đến cả ấp, từ mỗi ấp lan ra cả nước, một khi đã tạo thành nề nếp thì sẽ có hiệu quả chẳng lường được. Nếu không thì dù có mơ cũng vẫn khó thấy được!

*** Gần đây những người làm chuyện lớn phần nhiều là trẻ tuổi, đa phần là lập dị, vọng ngoại, coi Nghiêu, Thuấn, Châu, Khổng chẳng ra gì. Kẻ chưa đắc chí bèn cuồng vọng lung lạc người. Kẻ đã đắc chí liền thành phường hại nước một dân. Vì thế thiên tai nhân họa xảy ra liên tiếp, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Học Phật cốt là để đối trị tập khí, cải ác hướng thiện. Nếu vô sự bèn miệt mài học**

Phật, nhưng hữu sự bèn gạt phăng việc học Phật sang một bên thì chỉ mang cái tiếng xuông, trọn chẳng có mảy may lợi ích thật sự gì!

22. LUẬN VỀ CÁCH DỰ PHÒNG TAI HOẠ

* Với tình thế hiện tại, chỉ nên tận tâm, còn chuyện họa phước cát hung trong tương lai chẳng thể dự đoán được. Nếu có thể chí thành niệm Phật, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát ắt sẽ có sự chuyển biến âm thầm, chẳng đến nỗi vướng phải mối nguy hiểm lớn. Nếu chẳng dốc sức vào đây, dù vận dụng hết cơ mưu cũng vẫn khó đạt hiệu quả tốt đẹp bởi thế cục biến huyễn, khó có thể dự liệu nổi! Những kẻ vinh hoa, phú quý hiển hách kia trong chốc lát còn bị tiêu tan sạch cả, hưởng hồ gì bọn ta? Khổng Tử nói: “Kẻ chẳng biết mạng thì chẳng thể coi là quân tử được” ; nhưng phải cực lực tu trì thì mới đáng gọi là Mạng được. Nếu biếng nhác trây lười, tánh tình buông xuôi, dù đạt được hay mất đi cái gì thì cũng chẳng thể gọi là Mạng được!

* Tình thế hiện nay là tình thế hoạn nạn. Dù bảo là niệm Phật diệt được túc nghiệp, nhưng phải sanh lòng hổ thẹn lớn lao, chuyển đổi cái tâm tôn người lợi mình, hành hạnh Bồ Tát lợi khắp chúng sanh thì dù túc nghiệp hiện ra, cũng sẽ đều nhờ Phật hiệu quang minh trong Bồ Đề tâm để tiêu diệt hết sạch. Nếu trong đời trước hoặc trong xưa kia đã từng tạo nghiệp lớn, nay dù không làm ác, nhưng chỉ niệm Phật qua quýt, ơ hờ thì công chẳng thắng nổi tội, rất có thể mắc phải ác báo.

- Chẳng phải là niệm Phật vô ích, nhưng vì chưa phát Bồ Đề tâm, mà ác nghiệp lại rộng lớn nên công niệm Phật chẳng áp đảo được ác

nghiệp. Nếu có thể phát đại Bồ Đề tâm thì như vàng mặt trời rạng rỡ giữa hư không, sương móc tiêu lập tức. Người đòi phần nhiều nửa đòi tạo ác, sau mới sám hối đôi chút, do bởi chưa thể hoàn toàn không gặp phải ác báo, bèn nói Phật pháp chẳng thiêng, tu trì vô ích! Cư Sĩ chẳng coi Quang tôi là người ngoài, cố nhiên Quang chẳng thể không cùng Cư Sĩ trình bày sơ lược nguyên do ngộ hầu Cư Sĩ thoát khỏi đường mê, vượt lên bốn giác vậy!